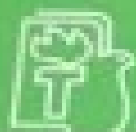


# NGUYỄN NGỌC TƯ

# cánh đồng bất tận

những truyện hay
và mới nhất



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

tuổi trẻ

# Cánh đồng bất tận - Những truyện hay và mới nhất

Tác giả: Nguyễn Ngọc Tư

Nhà Xuất Bản Trẻ

Năm xuất bản: 2005

Ebook: HockeyQ

---

# CÁNH ĐỒNG BẤT TẬN
# NHỮNG TRUYỆN HAY VÀ MỚI NHẤT

*Tác giả: NGUYỄN NGỌC TƯ*

## TIỂU SỬ

Nguyễn Ngọc Tư. Sinh năm 1976. Quê quán: xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Hiện sống và làm việc tại Cà Mau

**Tác phẩm chính đã xuất bản:**

- Ngọn đèn không tắt (tập truyện – Nxb. Trẻ - 2002)

- Ông ngoại (tập truyện thiếu nhi – Nxb. Trẻ - 2001)

- Biển người mênh mông (tập truyện – Nxb. Kim Đồng – 2003)

- Giao thừa (tập truyện – Nxb. Trẻ - 2003)

- Nước chảy mây trôi (tập truyện và ký – Nxb. Văn Nghệ Tp.HCM – 2004)

- Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư (tập truyện Nxb. Văn hóa Sài Gòn – 2005)

**Giải thưởng:**

- Giải I – Cuộc vận động sáng tác Văn học tuổi 20 lần II – tác phẩm “Ngọn đèn không tắt” – năm 2000.

- Giải B – Hội Nhà văn Việt Nam – tập truyện “Ngọn đèn không tắt” – năm 2001.

- Tặng thưởng dành cho tác giả trẻ - Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam – tập truyện “Ngọn đèn không tắt” – năm 2000.

- Một trong “Mười gương mặt trẻ tiêu biểu năm 2003” do Trung ương Đoàn trao tặng.

“*Những cánh đồng trở thành đô thị; những cánh đồng ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát; những cánh đồng vắng bóng người, và lúa rày mọc hoang nhớ đau nhớ đớn bàn chân xưa nghẽn trong bùn quánh giờ đang vất vơ kiếm sống ở thị thành. Những cánh đồng đó, đã hắt hủi cây lúa (và gián tiếp từ chối đàn vịt). Đất dưới chân chúng tôi bị thu hẹp dần. Nhưng ngay từ đầu, chúng tôi đã tự làm quẩn chân mình, vì không thể quay lại những cánh đồng cũ (với người quen cũ). Tôi đã từng trở ngược về những nơi đó theo cách của tôi, bằng mường tượng. Tôi gặp nhiều đứa trẻ tên Hận, tên Thù mang khuôn mặt rắp tâm của cha tôi, với đôi mắt sâu và chiếc mũi thẳng. Những đứa trẻ nhàu úa, cọc cằn, cắm cẳn,*

*chỉ tiếng chửi thề là tươi rói, nhảy ra xoi xói ở đầu môi. Và hình ảnh đó thật đến nỗi, tôi bất giác lùi lại vì một đứa đang nhìn trân trối vào mình, ngạo nghễ…"*

*(trích Cánh đồng bất tận)*

Mỗi lần nghe câu hát "Gió đưa cây cải về trời. Rau răm ở lại…", tôi hơi quạu, ông bà mình quá hiền lành đi, thí dụ có bị phụ phàng, thì cũng cố chanh chua, hằn học một tí, "Gió đưa thằng quỷ sứ về thành. Để tui ở lại chành ành.. đắng cay". Đau, tức vậy mà trách cứ nhẹ hều… Dường như người ta vẫn yêu, đến mức không thể giận dỗi, nặng lời. Và mình thì chưa bao giờ yêu ai đến như vậy?!!!

## Truyện 1. CẢI ƠI!

Đoàn ca múa nhạc giải tán, thằng Quách Phú Thàn dẫn ông già Năm Nhỏ về ngã ba Sương, Thàn có nhỏ bồ mới quen bán quán ở đó. Con nhỏ tên Diễm Thương, nghe hay, mà khuôn mặt cũng ngộ, không đẹp nhưng bình thản, lạnh trơ, không ra vui, buồn, đố ai biết nó nghĩ gì. Nó hất mái tóc nhuộm vàng hoe chơm chởm như rễ tre, nhìn hai người, cười héo hắt, "Ăn bám mà kéo theo cả bầy". Thàn cười hề hề, bảo "Ông Năm, bạn anh. Dễ thương lắm".

Đêm đó ông già không ngủ được, thằng Thàn đi chơi nửa đêm mới mò về, thấy ông ngồi khọm rọm ngồi ngoài vách mùng, điếu thuốc cháy lập lòe soi bộ râu xơ xác. Thàn mở dây giày, hỏi, "Nhớ đoàn quá, ngủ không được hả tía?". Ông già lắc đầu, thở dài, nghe buồn xa xắc như lá rụng hoa rơi, bần thần, điệu này hỏng biết cách nào tìm cho ra con Cải.

Ông đã đi tìm con nhỏ gần mười hai năm. Lúc Cải mười ba tuổi, một bữa mê chơi làm mất đôi trâu, sợ đòn, nó trốn nhà. Cả nhà tong tả đi tìm nhưng mãi con nhỏ không quay lại. Vợ ông ôm cái áo con Cải khóc, bảo chắc là ông để bụng chuyện nó là con của chồng trước nên ngược đãi, hà khắc, đuổi xua. Ông đau mà không nói được một lời, ông đã nâng niu nó khi mới thôi nôi, đã vui khi có người bảo con nhỏ giống ông in hệt (dù biết họ khen khơi khơi, khen bổng trên trời), đã sướng rơn khi nó gọi tiếng ba ơi, con Cải đi rồi, ông đã xuống nước mắt khi đi qua chiếc giường trước kia nó ngủ. Có bữa, ông hì hụi ém mùng, rồi ngồi một góc, nhìn chiếu gối thênh thang, lòng chết điếng vì nỗi nhớ con, vì lo nó lưu lạc giữa đời. Như thế mà ông không thương nó sao? Như thế mà là không thương à? Nhà buồn u buồn ám, vì đã ít người rồi bây giờ lại chẳng nhìn, chẳng cười nói với nhau. Sau, người ta còn đồn đãi ông giết con nhỏ rồi lấp ở một chỗ đất nào, họ kìn kìn lại coi (ai mà giàu tưởng tượng vậy không biết). Ông khăn gói bỏ xứ ra đi, bụng dạ đinh ninh dứt khoát tìm được con Cải về.

Ai dè, biển người mênh mông. Mỏi chân, ông xin làm sai vặt trong đoàn ca múa nhạc, để trước giờ diễn, ông mượn cái micro nói vài câu "Cải ơi, ba là Năm Nhỏ nè con…". Bữa nào thằng Thàn nhớ nhà, nghe câu ấy nó cũng rướm nước mắt, bảo "con thương ông già con quá, tía ơi". Hôm đi ba Thàn còn cầm khúc bình bát bằng cổ tay rượt nó chạy ngời ngời, nhảy xuống đò, nó ngoái lại nói để con làm ca sỹ nổi tiếng cho ba coi, thấy ông dứ cây lên trời. Hai năm, ông già đã chỏng đầu cây xuống đất, tựa vào đó để bước đi, tên tuổi Thàn mờ mịt. Thàn bùi ngùi, người ta Quách Phú Thành nổi tiếng Hồng Kông, tui thiếu có chữ h, lẹt đẹt bên hông Chợ Lớn. Nhiều bữa hát ế ngoi ngóp nằm nghe mưa dầm, nhiều bữa đứng soát vé bị bọn du đảng địa phương rượt chạy xịt khói, Thàn muốn về nhà nhưng xấu hổ, sợ ông già cười khơ khơ khơ, hỏi "Con ơi, mầy nổi tiếng chưa mà trồi đầu về đây rồi?"

Y hệt, ông già Năm Nhỏ cũng có nhà mà không về được. Đã đau quá trời đất rồi, cái cảnh bà con hàng xóm xầm xì, chỉ trỏ, người ở xa dập dìu thuê đò dọc lại nhà ngó ngiêng, đâu, thằng

cha giết con đâu? Đâu, con nhỏ bị chôn chỗ nào? Ở gần thấy đông đúc nên bưng bánh dừa, trà đá đến bán. Đã quá chừng đau, khi ông nhìn sâu trong ánh mắt của vợ mình thấy không còn lấp lánh thương yêu, chỉ tối tăm những ngờ vực, hoài nghi, và bữa ông đi, bà đứng giữa nắng trưa, cuốc đất. Chỗ đất còn mới tinh ông vừa lên liếp, chỗ người thiên hạ ngó nhau, con Cải bị vùi dưới đó… biết đâu…

Nên ông Năm Nhỏ trụ lại ngã ba Sương, tiếp tục cuộc kiếm tìm. Ông mướn một cái nhà thấp, nhỏ như ổ mối, vừa đủ hai người còm nhom chui ra chui vào. Ông vét túi trên túi dưới sắm một chiếc xe kẹo kéo có dàn nhạc xập xình, kéo thằng Thàn theo. Ngày chạy ra bán ở chợ rau chợ cá, tối ghé vài quán nhậu, khuya về đậu ở ngã ba, xe kẹo kéo của ông nổi tiếng nhờ giọng ca nhừa nhựa của thằng Thàn, nhờ giữa hai bài hát có mục "nhắn tìm con" buồn ác chiến.

Ngã ba Sương nhiều đêm thổn thức trong tiếng "Cải ơi!!!…", nghe ngắc ngoải như tiếng chim kêu giữa lưng trời. Con Diễm Thương cằn nhằn, quán ế, buồn thấy mẹ rồi mà còn kêu Cải vơi vơi. Một bữa Diễm Thương bước ra, thảng thốt gọi "Ba!". Ông già đứng im sững, ngơ ngác giây lát, môi run lập bập hỏi Cải phải hôn con. Diễm Thương gật đầu. Thiệt con là Cải hả? Diễm Thương níu tay ông rưng rưng gọi thêm một tiếng ba tha thiết. Ông già nắn đầu, nắn vai nó với một nỗi vui chảy tràn, trời đất, ba nhìn không ra, bây lớn dữ dằn vầy. Ông đi vài bước, ông day lại nhìn Diễm Thương (cho chắc là nó đang đứng đây, và có thiệt trên đời), ngước về phía trời sao, rồi ngó thằng Thàn, ông cười, để miệng muốn méo sao thì méo, "Tía kiếm có con Cải rồi, dễ ợt hà mầy ơi". Nghe giọng là cuộc hành trình ròng rã mười hai năm của ông (và những oan khuất, buồn đau) khép lại ở đây rồi. Ngày mai ông dẫn Diễm Thương về Cỏ Cháy, ngay trên chuyến tàu đầu. Chắc vợ ông ra cửa che tay khum khum trên trán, hỏi ai vậy cà, ông sẽ nói con Cải chớ ai, bà sẽ mừng hết lớn, phải còn trẻ thể nào bà cũng nhảy cà tưng. Ông sẽ đưa nó đi dài xóm, khoe "Con Cải tui về đây nè, bà con coi, nó lớn quá chừng hen", vẻ mặt không giấu được hả hê (vậy mà mấy người nói tui giết nó).

Nghĩ đến đó, nước mắt ông tuôn dài. Diễm Thương cười, đứng dậy khoan khoái phủi tay, nói "Không ngờ mình diễn quá hay", rồi nó khom người, nhìn sâu vô đôi mắt ràn rụa của ông già, mặt tỉnh bơ ba khía, mỉa mai, "tui giởn đó, ông làm ba kiểu gì mà không nhớ mặt con gái mình?".

Và cơn mơ hết. Diễm Thương đi gom tiền thắng độ, đám tiếp viên léo nhéo nhằn ông già sao mà dễ tin, làm họ mất mấy chục ngàn. Diễm Thương lạnh lẽo cười, cái mặt nó tỉnh hết biết, kiếm tiền dễ ợt mà chẳng gợn lên chút đắc ý nào. Ông Năm bẽ bàng ngồi đó, bẽ bàng lau nước mắt, cười héo queo héo quắt, "Con nhỏ giỡn có duyên hết hồn" mà trên khuôn mặt vẫn còn đầy ứ những thương yêu. Thằng Thàn ứa lòng nhìn ông Năm già đi khủng khiếp nó giận muốn bóp cổ nhận nước Diễm Thương cho rồi, khi con nhỏ nhơn nhơn trở qua, giơ nắm tiền, rủ đi ăn hủ tiếu.

Trò diễn kết thúc, ông già nằm rũ, đúng hai ngày lời nhắn tìm con Cải lại thắc thỏm ở ngã ba Sương. Con Diễm Thương bực lắm, nó gặp Thàn là đá ghế quăng ly, nó nói “ổng đừng mắc công tìm, con Cải chắc chết ngắc rồi. Sao tui thù con nhỏ đó quá trời, có nhà mà bỏ, có cha có mẹ mà không thèm… Cái thứ người đó, cho nó chết bờ chết bụi cũng đáng”. Rồi nó nghẹn ngào, “Còn tui, người ta đã quăng ở đây mười tám năm, tui chờ hoài mà có ai tìm đâu…” Thàn mới hay đời con nhỏ cũng buồn, hai đứa ngồi sát lại gần nhau, thở dài nghe cả vành tai tê tái.

Tối đó, Thàn nằm gác tay lên trán, nói “Mai mốt con dẫn nhỏ Diễm Thương về lạy ông già con à, tía Năm. Tính thương chơi thôi nhưng bây giờ thành thiệt rồi”. Ông Năm phấn khởi, vậy hả, vậy à, phải làm đám cưới tử tế cho con nhỏ đỡ tủi, để tao làm ba nó, đại diện cho đàng gái làm sui chơi.

Lựng khựng rồi mùa nắng quay trở lại, người ta dọn sạch cả một bờ sậy, bông đang vào mùa bạc ở ngã ba Sương, cất thêm chừng chục quán nhậu ôm nữa. Cánh phòng chống tệ nạn xã hội bắt đầu để ý cái chòm lu bu này. Phía báo đài cũng dòm ngó. Một bữa, họ ập vào, quay phim, chụp hình búa la xua. Đám tiếp viên che mặt, ôm đầu, chỉ có Diễm Thương là điềm nhiên trơ mắt ngó.

Phóng sự phát lên ti vi, cái nhìn đó như dấu hỏi nao lòng, tôi đây nè mà ba má ở đâu? Có nhận ra tôi không? Có nghe đau lòng? Thằng Thàn thấy cảnh người yêu tỉnh bơ ngồi trên đùi ông khách, buồn quá, bỏ đi uống rượu. Sáng sau, ông Năm dúi vô tay Thàn ít tiền biểu “đưa con nhỏ về nhà”. Thằng Thàn nói:

- Con không đành để tía ở lại một mình.

- Vậy bây nỡ nhìn con nhỏ sống vầy hoài sao?

Một sớm, hai đứa dắt nhau đi, ông già nhìn theo cho đến khi bóng chúng chìm giữa mịt mù. Lòng ông đã chuẩn bị rồi một cái vẫy tay, tiễn hai đứa ra khỏi những con đường sương gió. Nhưng mờ chiều, đám trẻ trở lại, mặt con Diễm Thương vẫn thản nhiên nhưng thằng Thàn buồn tê tái. Cả nhà Thàn hết hồn vía dồn lại ngó nhau, nhận ra đứa con gái nầy lên ti vi hôm trước, coi bộ làm nghề hỏng được đàng hoàng, coi bộ thằng Thàn bị nhỏ này dụ dỗ. Diễm Thương chỉ cười, gật đầu chào rồi bước xuống bến đón tàu ra thị xã.

Lại về ngã ba Sương, chỗ của những người không còn đường trở lại nhà. Diễm Thương nói tui mắc cười quá ông Năm à, tui lên ti vi để cha mẹ nhìn mà họ không biết tui là ai, còn người dưng liếc ngang là nhớ liền.

Ông già Năm Nhỏ lặng người đi, tự hỏi, bây giờ ông lên ti vi, con Cải có nhận ra mình không. Người đã dắt Cải đi hái xoài chín trong vườn hoang, đã chặt chuối làm bè dạy cho nó lội, thả trâu, chơi diều… Đã cõng nó đi tắt mấy vạt đồng đến chỗ ông bác sỹ già, mỗi khi nó nhức đầu, sổ mũi. Cây kẹp nhỏ, mớ dây thun khoanh, mấy cục kẹo dừa vung vinh trong túi áo

mỗi khi ông đi chợ về… Tất cả những thứ đó, ông nhớ mồn một thì nhỏ Cải chắc chưa quên. Ông già muốn lên ti vi để nhắn đứa trẻ bỏ nhà rằng, về đi con ơi, đôi trâu có xá gì…

Đăng tin trên truyền hình đắt đỏ, mà lần nào lại phòng quãng cáo ông cũng phải đôi co, đòi phải đọc theo ý mình, trong đó có đoạn, “con không về ba nhớ đã đành, má con còn giận ba, không nhìn mặt”. Người ta cười, trên đài chứ có phải chợ trời đâu mà muốn nói gì cũng được. Ông giận, quày quả về nhà, nghĩ cách tự mình lên ti vi. Có lần, ông đậu xe kẹo đầu chợ, thấy người ta làm phim vụ lấn chiếm lòng lề đường, người hốt thúng mủng cá rau bỏ chạy, ông sướng rơn lăng xăng chạy tọt chỗ này ló mặt đằng kia, mấp máy câu “Cải ơi…” (mà vô phim người ta đã xóa mất tiếng còn đâu). Chỉ mong được thấy mình trên ti vi, một khuôn mặt teo héo xạm đen dưới những sợi tóc ngã màu trắng xóa, một thân hình gầy guộc, lưng đã chớm còng.. “Mình thèm lên ti vi muốn chết giấc mà không được, còn mấy ông cán bộ ngồi chình ình trong đó hoài, thấy mắc ngán, ông già Năm Nhỏ than thở với thằng Thàn, nói sao tao muốn làm bí thơ tỉnh quá”. Thàn kêu, trời ơi, chi vậy tía. Ông cười, lên ti vi chớ chi, lúc đó tao đường hoàng nói chuyện với con Cải, tao nói từ từ, nhắc chuyện xưa cho nó nghe. Thằng Thàn cũng cười, tưởng tía làm lớn để lo cho dân, ai dè cũng bo bo cho mình.

Họ ngồi đụt mưa dưới một hàng ba trường tiểu học. Nước đổ trắng trời. Mùa còn ướt lạnh dài dài. Thằng Thàn lo ở nhà mưa dột ướt đầu giường, về không có gối để nằm, không mền để đắp. Diễm Thương biết có chạy qua không hay là bận khách, bận cười cợt (mà lòng não nề) biểu uống với em chút nữa đi anh. Thàn chép miệng, buồn quá tía ơi. Mê văn nghệ văn gừng nên chừng này tuổi đầu rồi mà nghèo quá chừng, đến nỗi không lo được cho nhỏ Thương. Ông già Năm Nhỏ thấy thằng Thàn xuống nước mắt. Ừ tối nay, ông cũng thấy mình hoang mang buồn bã rã rời, như sắp đến cuối đường rồi, mà không biết chắc có nhà mình phía đó. Ông thở dài ứ hự, chống tay liêu xiêu đứng lên, bảo, mưa chắc còn dài, thôi dầm mình về, nhỏ.

Đêm đó, thằng Thàn ôm ông già Năm ngu, nó kêu lên, tía ốm dữ dằn thiệt, xương tía cấn con đau quá chừng. Ông già cười, ờ, chê mai mốt không có mà ôm nghen con. Thằng Thàn hỏi ông nói vậy là có ý gì, ông hỏi ngược lại, chớ bộ mầy tính cưới vợ rồi mà còn chun qua ngủ với tao? Thàn cười, ờ há ờ hen. Mắc cười, ông còn rù rì tính chuyện nấu mâm cơm cúng trời đất để xáp nhập nhỏ Diễm Thương về nhà bên này, sắm cái tủ thuốc lá nhỏ để cho nó buôn bán vặt thì thằng Thàn đã ngáy o o. Nửa đêm, Thàn giật mình tỉnh giấc, không thấy ông già, nó ngật ngừ ngồi dậy, trên bụng rớt xuống một gói tiền. Xe kẹo kéo vẫn còn nguyên, Thàn kéo cửa bước ra ngoài. Ngã ba Sương đã tắt đèn, những con đường hun hút mù mịt dưới mưa, như không cần biết đến từ đâu, chỉ biết gặp ở đây, phút này. Thằng Thàn làu bàu, hỏng biết ông già chừng này mà đi đâu vậy cà.

Ông Năm đi ăn trộm chớ đâu. Ông lội bộ gần năm cây số trong mưa sụt sùi vô trong xóm, ghé chỗ lò mổ, dắt đôi trâu đem đi. Ông làm gọn gàng như với đôi trâu ở nhà. Sáng ra ông trở

lại, ghé đúng ngôi nhà có hàng so đũa cặp mé lộ, ông thấy một đám người đang tao tác đứng ngồi, ông hỏi, mua trâu hôn, tui kẹt tiền đem bán đây nè. Chủ nhà chạy ra la lên, trời ơi, bắt ổng lại, ổng ăn trộm của tôi. Ông Năm giả đò hết hồn, nhưng trong bụng thấy trúng ý, bảo, từ từ, tui có chạy đâu mà sợ. Người ta đưa ông lên ấp, ấp giải lên xã, ông luôn miệng nhắc, mấy chú nhớ kêu đài truyền hình xuống nghen, phải quay tui để dân người ta cảnh giác. May, đài tỉnh xuống thật, phóng viên một tờ báo cũng chạy theo, dọc đường hăm hở rút sẵn tít "Đạo tặc đãng trí" (thì ai cũng tưởng vậy). Cái cách đời nhảy xổ vào lỗi lầm của người khác thiệt là tưng bừng. Họ phỏng vấn ông chủ lò mổ, phỏng vấn trưởng công an xã, cuối cùng, ông Năm xin được nói đôi lời, còn dặn, mấy chú làm ơn đừng cắt bỏ tiếng tui, rằng "Cải ơi, ba là Năm Nhỏ nè, nhà mình ở Cỏ Cháy đó, nhớ không? Về nhà đi con, tội má con vò võ có một mình. Con là trọng, chứ đôi trâu cộ nhằm nhò gì… Về nghen con, ơi Cải…".

Nghe đâu, hôm đó, nhiều người rơi nước mắt, vì vậy mà vụ trộm trâu không được lên ti vi, sống giữa cái rẻo đất nhân hậu này nhiều khi cũng hơi phiền.

Nghe đâu, hôm đó đài truyền hình có đưa tin nhưng chỉ thấy ông già nhép miệng một cách tuyệt vọng. Như đã nói, nhà đài người ta chớ có phải chợ trời đâu, mà có thể thoải mái gọi, "Cải ơi!"…

## Truyện 2. THƯƠNG QUÁ RAU RĂM

Ông Tư Mốt chỉ cái dải xanh mù mù trong mưa, bảo cù lao Mút Cà Tha kìa. Văn ờ, nói thấy xa quá chú ha. Ông cười, gạt ngang, xa gì, đây tới đó mấy hồi. Rồi chiếc xuồng máy nhỏ mong manh dập dờn đi trong giông gió. Người thành phố ngồi ngấm cái "mấy hồi" của ông già, mừng tủi thấy màu xanh cây cỏ cù lao đã thẫm trước mắt (mà sau mới biết mình mừng hụt). Mưa dịu lại, hạt nhỏ rức nhưng gió mạnh lên, thổi xà quần, không biết đâu là chiều hướng. Ông Tư quăng cho Văn cái can nhựa còn ít xăng, bảo, tới khúc "mứt" nghen, coi chừng lật xuồng. Mà, có kịp coi gì, Văn thấy mình ngã ập xuống nước, hành lý trôi mất, lên tới bờ anh chỉ còn trụi trơ bộ đồ đang mặc. Ông Tư kè chiếc xuồng vô sau, giậm chân giậm cẳng bứt đầu gãi tóc như thể mình vừa lỡ tay làm nên cơn giông chiều nay. Bởi ông biết rằng, mưa gió kia, sóng nước mênh mông kia và cả màu chiều đang lịm dần kia sẽ làm cho người bác sĩ trẻ này thất vọng. Bác sĩ thứ sáu về làm việc ở trạm xá cù lao. Năm người trước đã ra đi. Đi vì không chịu nổi thiếu thốn. Và buồn.

Cù lao Mút Cà Tha nằm gần cuối sông Dài, trên nó một chút có một nhánh sông khác rẽ về phía mặt trời, rộn rịp được đoạn đó rồi thôi. Mút Cà Tha nằm hiu hắt, lâu lâu mới thấy bóng dáng một con tàu lớ ngớ chạy vào rồi lại tẽn tò quay ra vì lầm đường, vì không biết đằng sau cù lao, sông cụt. Ngó sông vắng vẻ quá trời buồn, nhìn cảnh cù lao còn buồn hơn. Buồn từ mùi ổi chín phảng phất trong vườn, từ giọng người ới lên một tiếng rồi bặt, dư âm còn thâm u trên các ngọn cây, tiếng cạo cơm cháy xa vẳng trong nắng chiều… Từ mé rừng mắm chống lở đất phía bên này, đi hết vườn cây này gặp được một căn nhà thì lại tiếp đến vườn cây trái khác. Cuối cùng là bãi bồi, dây khoai lang bò xùm xòa phủ kín đất. Bóng người ẩn hiện dọn cỏ dưới các gốc cây. Bên đường thấp thoáng nhiều nấm đất con con của những đứa trẻ kiệt sức vì bị đẹn mà chỉ được rơ miệng bằng cỏ mực, những đứa trẻ bệnh sốt xuất huyết chỉ chữa bằng cạo gió, uống nước mía lau, rễ tranh, những đứa trẻ mắc thương hàn bị thủng ruột vì tự do chạy ra vườn ăn ổi chua, ổi chát… Những gò đất ấy đã cũ mèm rồi, bây giờ người cù lao hiểu biết nhiều, nhưng vẫn còn chuyện rủi may, còn người bị rắn độc cắn, chết trên đường ra bệnh viện huyện. Hôm ấy, trưởng ấp Tư Mốt tuyệt vọng nắm chặt hơi thở cuối của ông bạn láng giềng trong tay, tuyệt vọng thấy nó tan đi, ông về nhà viết lên tường trạm xá "Cương quyết chỉ chết vì già".

Nhân viên y tế nào mới về ngó câu khẩu hiệu ấy cũng cười, cũng thương. Nhưng rồi nửa khuya ngồi ăn mì gói, nghe cú kêu lẫn tiếng radio khọt khẹt (để chút âm thanh đấy cho đỡ quạnh), vạch đi vạch lại tờ báo cũ mèm, họ sực nhớ phải về quê lấy vợ, lấy chồng, sực nhớ vợ mình mới sinh, sực nhớ tội nghiệp ba má đã già… Và họ từ giã cù lao. Ông Tư Mốt ờ ờ ra chiều thông cảm, vẻ mặt cố tỏ ra không buồn nhưng hàm râu xuôi xị. Họ ngoắc đò đi rồi ông còn đứng mãi trên bến, nghĩ giận đám trẻ cù lao đã được học hành nhưng chẳng đứa nào chịu quay

về.

Nên ông bảo với bốn mươi ba nóc gia sống trên Mút Cà Tha: "Bất cứ người xứ lạ nào đến làm việc ở đất cù lao đều quý, mình phải đối xử cho tử tế, thiệt tử tế". Gặp Văn lần đầu, ông nghĩ ngay, phải giữ thằng nhỏ này ở lại cù lao, thấy cái mặt buồn buồn, ngó bộ đàng hoàng. Ông nghĩ là mình có cách, không có gì sâu nặng bằng tình cảm người với người. Thì ông đã rịt chân mấy thầy cô giáo cho đám trẻ cù lao đấy thôi. Hôm Văn đến, bà con ôm lại cho một đống áo quần, góp gạo đổ vô thùng, câu cá đem rộng. Rồi mấy con cá ốm nhom, trắng dờ con mắt, lội vật vờ tới lui chờ hóa kiếp mà Văn vẫn còn ngợp trong mớ lời mời, hết nhà này đến nhà khác, bữa thì cháo vịt, cháo rắn, bữa khác tôm nướng, lươn um…

Mà, trông Văn vẫn buồn, buồn chen giữa hai cái cười, nó tranh thủ cả khi Văn đưa ly rượu lên môi và để ly không xuống (còn lúc uống thì mặt Văn nhăn nhúm lại, vẻ buồn không rõ ràng). Hỏi làm sao buồn thì Văn cười, ủa, cháu có buồn gì đâu. Hỏi nhớ thành phố à, Văn cũng cười, không, thành phố có gì mà nhớ. Hỏi nghĩ sao mà tình nguyện về đất cù lao này, nghe tên Mút Cà Tha bộ không ớn sao, Văn (lại) cười, không, có nghĩ gì đâu, cháu chọn nơi nào hẻo lánh ít người… Nghe cái giọng như đời ta là lục bình, trôi đâu cũng được, càng xa càng tốt.

Nhưng trưởng ấp Tư Mốt phải làm cho anh chàng hiểu đời anh có ý nghĩa với đất này như thế nào, thiếu anh người cù lao sống không nổi chớ chơi à. Buổi sáng có người chạy lại than nhức đầu, xổ mũi, buổi chiều thêm chứng chóng mặt, đau mình. Vài ba chị phụ nữ đỏ mặt thập thò ngoài cửa, trong bụng rủa thầm ông già Tư Mốt, đau bụng kinh cũng bắt đi trạm xá, mắc cỡ gần chết. Trưởng ấp tà tà dài theo xóm, thấy ai rảnh rỗi là kêu, đứng đó làm gì, sao hổng lại trạm xá cho bác sĩ người ta khám. Trời đất, bệnh gì mà khám chú Tư. Ông nói tỉnh bơ, khều khều bộ râu: "Có chớ sao không, hễ mày nhậu xỉn là ói, để vậy không tốt, lại kiếm thằng Văn đi". Mới đầu thì Văn không biết, nên thấy có bà cụ chống gậy lại bảo bác sĩ coi bệnh giùm, Văn hỏi bà bị gì, bà cười, tui suy nghĩ chưa ra. Thuốc hết, huyện chưa kịp gửi, Văn áy náy, tần ngần đưa mấy thứ B1, B6 cho con bệnh đau bao tử, uống xong, ông này phởn phơ đứng dậy, tươi rói bảo, trời đất ơi, thuốc chú mày quá chừng hay. Văn đâm ra lạ. Cho tới bữa đám con nít khiêng một thằng bé ở truồng lại, nhao nhác nói chim của thằng Út Chót bị còng kẹp rồi, nó sưng chù vù nè chú bác sĩ ơi. Văn mắc cười quá, hỏi sao tới nông nỗi vầy, thằng Út Chót khọm rọm lấy tay bụm chỗ đau, phều phào nói trong nước mắt: "Tại bác Tư biểu ai cũng phải đi khám cho chú bác sĩ vui, chú không bỏ về thành phố. Con đâu có bịnh, tính bắt còng kẹp chơi…". Văn chỉ kêu được hai tiếng trời ơi.

Và anh hiểu tại sao ông già ấy lại quan tâm tới mình. Chiều nào ông cũng lại chỗ Văn, rủ rỉ rù rì. Ông biết giờ đó, bà mụ Năm, nhân viên thứ hai của trạm xá đã về nhà, có thể Văn thấy cô đơn. Ông kêu đám thanh niên lại chỗ Văn đàn hát tẳng tằng tăng, dẫn Văn đi câu cá hay soi ếch trong "mà". Văn tham gia nhiệt tình nhưng không tha thiết, như người đi đường thấy vật lạ

thì cầm lên, rồi lại bỏ xuống, đi tiếp. Có lần ông Tư hỏi nhà Văn ở khúc nào, Văn bảo ở chỗ ấy chỗ ấy mà trong bụng buồn cười, nghĩ nói cho có chứ chắc gì ông biết, nghe cái giọng như thể thành phố nhỏ bằng cù lao. Không ngờ ông biết thật, nói hồi giải phóng, trung đội ông đánh vô đường đó. Ban quân quản còn cấp cho ông căn nhà đằng trước có khoảng sân ngập tràn bông giấy rụng. Văn hỏi, rồi sao bác lại ra sống ở đây. Ông cười, vì cái đất này cần mình. Nói xong câu này, ông lén dò xét coi thằng nhỏ có bắt được cái ý nghĩa ngầm mà ông gửi gắm không, chỉ thấy Văn ngó lên trời, ngó xa xôi, hỏi nhìn gì, Văn ù ờ, bảo nhìn chim bay, không biết tụi nó bay tới đâu, về tận đâu. Trưởng ấp Tư Mốt thấy bất an, về nhà biểu con gái sớt nửa nồi bí hầm dừa bưng qua trạm xá. Con Nga dạ rồi tong tả đi.

Nó thường được ông Tư sai bưng thức ăn đến trạm xá cho Văn. Nhiều nhất, thường nhất là món khoai luộc nóng hổi, thơm bừng. Bưng rổ khoai từ nhà đến chỗ Văn, khói mềm cả ống tay áo Nga. Trời trở chướng, gió ráo hanh nhưng nước lên, sân trước trạm xá ngập lênh láng, con Nga xắn quần quá gối lội qua, thấy Văn, nó thưa thẽ thọt "Ba em gửi anh ít khoai" rồi về. Lần sau, nó xắn quần thấp một chút, bảo ăn khoai đi anh. Sau nữa nó cứ để ống quần bết nước, lọng cọng đứng ngoài cửa, hai gò má rựng lên, gọi "Ăn khoai nè". Lúc đấy thì nói ít, thẹn thò nhưng ở lại lâu, dọn dẹp lăng xăng, quét trên quét dưới, bắc nồi cơm lên bếp, làm cá nấu canh chua trái giác, sung sướng thấy mình bận rộn giống hệt mấy nhỏ bạn mới lấy chồng (tụi con gái thường hay điên vậy, tới khi xà quần chồng con thật, lại than số mình cực như trâu). Rồi sực nhớ bếp ở nhà lạnh tanh, nó chạy về. Ông Tư ngồi trước cửa, giấu sự thắc thỏm (và một chút lưỡng lự, mình tạo điều kiện cho hai đứa gần gũi vầy có sao không ta). Cố tươi tỉnh, ông hỏi ngay, "Con Nga lo cho anh bay xong chưa? Mắc gì mà mày cười suốt từ ngoài đường vào đây?". Dạ, con Nga chối bay, con đâu có cười, tại ba má sanh cái miệng con vậy mà. Nói rồi nó chạy vô bếp, bâng khuâng cười thêm một hồi nữa…

Chủ nhật, Văn mượn xe đạp chở con Nga đi chơi lòng vòng cù lao. Nga ngồi đằng sau, khép nép, sượng trân, sợ ai đó thấy hai đứa vầy, một hồi lại sợ không ai thấy, nó tiếc nuối chép miệng:

- Bữa nay người ta đi đâu hết trơn rồi cà, vắng dễ sợ.

Quẹo qua quẹo lại, nói đất nói trời (chỉ thiếu nói lời thương yêu), cuối cùng hai đứa ra bãi đào khoai. Văn hỏi má Nga đâu, nó cười, chết rồi, chết hồi sanh em, chết trên xuồng. Văn về ngó cái khẩu hiệu ông Tư vẽ trên tường. Thấy nó đỏ như một lời thề.

Bữa nọ Nga đem mấy cần xé ổi ra chợ huyện cân cho vựa thì gặp đám bạn Văn xốc xếch đứng trên bến. Nga cho quá giang về Mút Cà Tha (mà không hiểu sao trong bụng muốn nhận chìm xuồng cho tụi này bỏ ý định ra cù lao cho rồi). Ngồi dưới xuồng, ba thằng trai cứ khen Nga đẹp, nhìn là muốn ở lại đất cù lao này hoài, hai đứa gái bĩu môi, tủm tỉm cười, nói bữa nay dê

thả tùm lum ngoài đường. Nga không để ý, những lời nói ngọt ngào càng không để ý. Xuồng cập bến, Nga xăm xăm đi trước dẫn đường, tong tả xộc vào phòng sau của trạm xá, cằn nhằn cử nhử, sao anh Văn bày tùm lum như vầy (cho tụi kia biết, ta đây đã thân thuộc với anh ấy đến mức nào).

Văn từ nhà tắm vào, nước trên tóc còn rỏ tong tong. Năm người họ sà vô ôm, nhảy tưng tưng, nói tui nhớ ông em nhớ anh quá chừng. Văn ngợp thở vì cái mùi thành thị quen thuộc của nước hoa, của son, của phấn, của khói thuốc lá, của những hơi thở gấp, của sự chen chúc, xô đẩy nhau… Và những kỷ niệm ùa về, nhớ quán cà phê chỗ mình ngồi không, bây giờ đổi tên khác rồi. Văn sôi nổi hỏi, vậy con nhỏ phục vụ bốc lửa còn không. Còn, mà chi, tụi con gái ở Phố Xưa còn dữ dội hơn, nhớ bar đó không? Nhớ không, nhớ không… Đã vầy đã khác. Mà Hương của mày có con rồi, mày đã quên chưa. Không khí chùng xuống. Một đứa bạn cười, kín đáo liếc ra đằng sau, giọng xủng xoảng như ly chén bể, "Sao anh không chịu để em bù vô nhỏ Hương, ra đây trốn tình chi cho cực, em nhớ anh thấy mồ". Đuôi mắt quét tận chỗ Nga, thấy con gái cù lao đứng thừ lừ. Nga nói thôi em về, luộc khoai đem qua anh Văn đãi bạn.

Nga qua khoảng sân đầy nước thì có ông con trai chạy theo, lăng xăng nói trời ơi mát khủng khiếp, yên tĩnh tuyệt vời quá, cảnh thiệt là thơ mộng rồi hỏi, ủa, sao không thấy em gái nói gì. Nói gì bây giờ, Nga đi lẹ lẹ đằng trước, nỗi sợ cuộn lên, mong manh. Văn dễ tin lắm, hôm trước con chồn chạy ngang Nga nói con mèo Văn cũng tin, Nga bảo cây cỏ trên cù lao này đều do chim ỉa mà mọc lên Văn tưởng thiệt, bây giờ người ta nói yêu này yêu nọ, không biết Văn của mình có tin không. Nó cố kìm để khỏi kêu lên, trời ơi, sao người ta nói chuyện yêu thương dễ ợt, giòn rụm vậy cà.

Bận quay lại trạm xá, Nga còn đi nhanh hơn, đầu nó có một mớ tro lá dừa đậu hồi thổi lửa. Anh chàng nọ rớt lại dọc đường. Bước vô cửa thấy ba bốn người nằm ngủ nghiêng ngủ ngửa, Nga nói ngay, "Ủa, anh kia chưa về hả, cha, ảnh ở đâu ta? Em hổng có đi chung" (cho anh đừng suy diễn lung tung, rồi hiểu lầm lòng dạ em). Ngó bộ Văn không để ý, Nga nhẹ lòng, thở ra cái phù, hỏi, anh đang làm gì đó, Văn cười, coi nắng cù lao. Trời, nắng có gì mà coi, anh?

Hôm ấy Văn không trả lời, hôm sau không kịp trả lời vì Văn đưa bạn ra về rồi không trở lại. Lặng lẽ, như trốn chạy. Trưởng ấp Tư Mốt đứng ở trạm xá, thấy sau trước trống không, trong lòng nghe đau tiếc như vừa thua một ván bài lớn. Văn không từ giã ông một lời, để nói cháu về vì má cháu đang đau, hoặc cháu ra ngoài trung tâm y tế huyện một tí, rồi lên xe đi luôn cũng được, dù nhìn vào đôi mắt đang cụp xuống kia, biết người ta nói dối, dù trong tâm ông đã vẫy tay để chào xa mãi.

Trong một thoáng, ông thấy mình chùng chình, vớ được khúc cây bình bát, ông chống vào

đất. Bên ngoài cái đất Mút Cà Tha dường như đã có sự thay đổi lớn. Thí dụ như con cá, lá rau, hạt gạo mến thương của người cù lao không ràng buộc được một con người (như đã từng rịt chân ông lại), thì cái bóng nhỏ nhoi của đứa con gái đang tuyệt vọng đứng ngóng chờ dưới bến không có ý nghĩa gì sao? Tuyệt không đáng gì à?

***

Tôi thường đón gió chướng về với một tâm trạng lộn xộn, ngổn ngang. Mừng đó rồi bực đó. Sao tôi laạ chờ đợi nó, chẳng phải năm nào cũng vậy, lúc cầm cây chổi ra quét sân, đứng trong gió đầm đìa tôi cũng buồn. Trời ơi, gió nầy là hết năm đây, già thêm một tuổi đây, mình đã kịp sống gì đâu, tay mình vẫn trắng như vầy… Mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được, như ai đó đuổi theo đằng sau, tôi gấp rãi ăn gấp rãi nói, gấp rãi cười gấp rãi khi ngày bắt đầu rụng xuống.

Cuối mùa gió chướng, trời bỗng lạnh hơn thêm vào một chút buốt, nó kìa, gió bấc! Những đám cưới được tôi cho xuất hiện trên cái nền gió nầy, nhưng chi là cái cớ cho buồn thảm hơn, sắc lại trên những mối tình dang dở. Chắc tại gió quá dịu dàng, nên có cảm giác gờn gợn buồn, có cảm giác như gió mồ côi, cúi đầu hiu hắt đi giữa đời. Hay tại tôi đã già, đã nhận ra không mùa vui nào là vui trọn. Đến đám cưới vốn là hỷ sự, tôi cũng “gây sự” để nó phải buồn chút chút. Chỉ có đám trẻ con là không biết, nên mới sướng rơn vỗ tay cười hát “Cô dâu chú rể. Làm bể bình bông. Đổ thừa con nít…". Hà hà, thấy vậy mà không phải vậy đâu, mấy cưng..

***

## Truyện 3. HIU HIU GIÓ BẮC

Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đứa nào hỗn hào, lười biếng, má nó biểu: "Lại coi thằng Hết kìa! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lụi hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương". Ai mê vợ bé, mê chơi đề, đá gà, họ lườm lườm: "Mê gì như thằng Hết mê cờ". Nên nghe râm ran chị Hảo để lòng thương anh, má chị kêu trời: "Bộ hết người rồi sao, con. Cái thằng mê cờ tới mất vợ, không sợ?". Không, chị Hảo nghiêm nghị, cờ tướng là loại cờ tao nhã chỉ dành cho quân tử, có gì mà sợ. Mê rượu, mê gái mới ghê. Chỉ sợ người ta không thương mình. Má chị định càm ràm nữa, thì chị đã quay lưng ra quán mất rồi.

Quán chị Hảo cũng nhỏ thôi, buôn hàng tạp hóa lặt vặt. Quán cất trước nhà, ngó ra mé lộ, có khi không cần ngồi giữ, bà con trong xóm ai muốn mua gì thì gọi vọng vô. Chỉ buổi chiều, chị mới ra ngồi ở đó.

Buổi chiều, lúc mặt trời vừa khuất sau vườn chuối, anh Hết hay ghé lại để mua 1.000đ mỡ nước, 500đ bột ngọt, 500đ tỏi, 500đ tiêu. Chị cố bán thật rề rà để nhìn anh lâu nữa, coi bữa nay chắc anh đi vác lúa đằng nhà máy chà gạo, trên tóc còn vương trấu. Nhìn vậy thôi chớ không nói gì hết. Con trâu không nói sao cái cọc nói được.

Nhưng vẫn cứ đón chờ, có khi sớm, khi muộn hơn một chút nhưng chị biết thể nào thì anh cũng về qua, về để nấu cơm cho tía anh.

Tía anh Hết năm nay 72 tuổi. Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn sỏi lắm. Ông già khó tính, thêm tật lãng tai. Người ta mời ông ngồi, ông cười, xua tay: "Ăn rồi. Ăn cơm với thằng Hết rồi". Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tèm nhèm để lửa táp vô vách lá, nhà cháy rụi. Anh Hết cất lại nhà trên nền cũ đầy tro, nhìn xa nhà lớn hơn miếu ông Tà một chút. Ông già ngồi tiếc cái tivi đen trắng, mỗi lần mở phải đập thùm thùm nó mới lẹt xẹt lên hình. Ông già điếc đát vậy mà mê tivi, cháy rồi thì thôi vậy, chiều chiều chống gậy thả qua nhà hàng xóm coi nhờ.

Bữa nào anh Hết cũng chổng mông thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ tía anh về. Có bữa chờ tới mỏi mòn, để bụng đói ngồi ngủ gà gật. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ấm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều. Nhưng có bữa, anh mới vừa giở cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng ậng nước. Anh thương tía quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo.

Anh Hết mồ côi má từ mới lọt lòng. Bà chết vì sinh khó. Ngoại anh đặt tên là Hết. Chắc tại lúc đó đau lòng quá kêu đại vậy, chớ không có nghĩa gì đâu. Anh Hết lớn lên, yêu hết thảy từng con người, từng tấc đất ở cái xóm Giồng Mới. Cái xóm nhỏ ngoại ô biết bao thương nhớ,

những bờ rào giâm bụt xanh, những hàng cây đủng đỉnh xanh. Những người đàn ông chuyền tay nhau dỗ dành đứa trẻ thiếu hơi ấm mẹ. Những người đàn bà cho anh bú thép, để con khóc ngoe ngóe trên giường.

Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây võng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, "Chớ ầu ơ… Cây khô đâu dễ mọc chồi…". Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của tía anh ngày xưa. Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quẹt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho tía, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chở che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.

Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ. Tía đầu bạc rượt thằng con đầu xanh chạy cà tưng đuổi nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Đám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội. Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị dính đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì.

Ai nghe nói cũng thương. Đúng là tên sao thì người vậy, chịu thương chịu khó hết mình, hiếu thảo hết mình. Có cái tật mê cờ, mê cũng hết mình.

Người ta nhắc hoài chuyện anh hễ cắm đầu vô bàn cờ rồi quên đói, quên ướt, súng nổ cái đùng cũng coi như không nghe thấy, như là đã thoát tục rồi, bình an, xa rời mọi điên đảo. Thấy con bồ mình đang thương dắt tay chồng tương lai đi sắm sửa đồ cưới mà cứ lo mang xe chiếu tướng, thì đúng là không còn hỉ nộ ái ố gì nữa rồi. Cũng có nhiều người thích đánh cờ nhưng say đến mức coi con cờ như con người thì không ai làm được, ai đời, đi chốt qua sông mà anh khóc, nước mắt chảy ròng. Chị Hảo nhớ, bữa đó hình như đám gả chị Hoài.

Người ta nói chị Hoài đi lấy chồng cũng tại anh Hết mê cờ.

Họ thương nhau từ lúc hai người mới 22, 24 tuổi. Thời đó, tuổi đó, người ta thương không nhìn gia cảnh, địa vị. Tuổi đó, người ta yêu không ngại ngần, không e dè, rà cản, họ để lòng tự nhiên như dòng chảy của sông. Bên nhà chị Hoài biết con gái hay hẹn hò với anh Hết ngoài cống đá thì không vui. Má chị Hoài hỏi sao đâm đầu vô thương chỗ đó, cô hỏi lại: "Anh Hết hổng được chỗ nào hả má?". "Ừ, tao chê chỗ nào bây giờ, thằng Hết được, hiền, giỏi giang, chịu khó lại hiếu thảo. Nhưng nó nghèo quá, thân sơ thất sở không một cục đất chọi chim, biết có lo cho bây sung sướng được không. Bây quen được tưng tiu mà". Chị Hoài không cãi ra mặt nhưng bụng nghĩ, còn sức lực còn đôi tay, còn cơ may thay đổi cuộc đời.

Lúc đó, anh Hết vẫn chưa mê cờ. Nhưng anh biết chơi nhờ đi làm bốc vác ngoài nhà máy, mấy ông già chèo đò truyền lại, nức tiếng với mấy chiêu pháo đầu, bình phong mã, công thủ

song toàn. Cho tới lúc má chị Hoài lại nhà, không biết nói gì nhưng có khóc. Những giọt nước mắt chảy tràn trên khuôn mặt già nua của người đàn bà đã từng cho anh bú thép. Sáng hôm sau anh đã thay đổi, nhanh như người ta lật một bàn tay. Anh đam mê cờ tướng. Anh hay na bộ cờ ra ngồi mấy gốc cây bên vệ đường để tìm đối thủ, để ai cũng thấy đúng là thằng Hết bê tha thiệt rồi. Nó không chịu làm ăn gì mà tối ngày nướng thời gian trên mấy con cờ xanh đỏ.

Hồi đó, tía rầy anh dữ lắm. Anh thưa với con, nợ sữa là món nợ lớn nhất đời người. Con đã nợ má em Hoài, tía à. Không biết ông già rồi có hiểu gì tình cảm của tụi trẻ không, ông ừ hử vậy. Nhưng thấy anh ngồi la cà đánh cờ ở đâu, giữa đường cũng vậy, ông vác cây đánh ngay đó. Vừa đánh vừa kêu nhịp nhàng "Xe nè! Chốt! Pháo nè! Bụp! Chiếu hả, thằng ma cà bông, tao chiếu cho mấy đường". Ông ca cẩm thằng con ông bây giờ tệ bạc lắm chiều hôm qua nó để ông ăn cơm nguội chung với mấy con gián. Ông nói mà giọng ông hơi nghèn nghẹn dường như trong lòng đau nhói lắm. Nuôi nó từ nhỏ tới lớn, bây giờ ông mới đánh nó đây, đánh để giúp nó trả ơn đời. Tối về ông bắt nó nằm cho ông xoa dầu, hỏi bày đặt yêu đương chi mà khổ vậy con ơi. Xóm này người ta không biết nên nói mày hết thuốc chữa rồi. Con tao mà vậy à.

Chị Hoài cũng can ngăn, thuyết phục mãi, tốn không biết bao nhiêu là nước mắt, cuối cùng đành phải bỏ đi lấy chồng. Hôm đám, anh Hết còn tỉnh bơ ngồi ngoài bờ, dưới gốc còng, hào hứng bày cờ ra chơi với mấy đứa nhỏ. Đám bạn gái ai cũng xì xầm, chắc thằng Hết không thương thiệt con Hoài nên mới dửng dưng vậy. Chị Hoài nghe mà khóc không thôi, bảo với chị Hảo, có cái tiếng bạc tình ảnh cũng gánh cho em rồi. Tranh thủ lúc chưa làm lễ, chị Hoài rủ chị Hảo mang cả áo xống chạy ra, nhìn anh như nhìn lần chót, như lấy chồng là chết vậy. Anh Hết dứt khoát không ngước lên. Thôi, không nắm níu gì được nữa rồi, nghe người ta kiếm cô dâu, hai chị quay vào. Đi một đoạn, nghe đám con nít trộ lên, anh Hết sao mà khóc vậy. Đâu có. Có mà, nước mắt anh rớt lên con tướng này nè, đó, nó ướt nhẹp đó thấy chưa. Hết cười lớn, nói lớn: "Ừ, tại tao thương con chốt. Qua sông là không mong về"…

Chị Hoài vừa đi vừa khóc. Lời của anh Hết làm chị Hảo thương điếng trong lòng. Con người này, nghĩa biết trọng mà tình cũng thâm.

Anh Hết lại sống như những ngày trước kia lầm lũi đi đào thuê, vác mướn, kiếm tiền nuôi tía. Đôi ba hôm, đi làm về, đã thấy trên cái bếp còn ấm tro một nồi cơm nấu sẵn với một mẻ cá kho khô. Có bữa, mẻ kho đổi lại là nồi canh rau đắng. Rồi anh Hết gặp chị Hoài đi chợ về, thấy bóng anh từ đằng xa, chị lấy nón che một bên má bầm tím. Anh Hết chạy theo, giằng lấy nón mà xót xa:

- Sao nông nỗi vầy, Hoài.

Chị Hoài nói chị té đập mặt vô cạnh cửa nhưng anh Hết không tin: "Hoài ơi, em hạnh phúc, tôi mừng. Hoài cứ như vầy, chắc tôi bỏ xứ". Chị Hoài khóc, người ta chớ đâu phải con cờ mà

hễ qua sông là đứt lìa phần đời trước.

Rồi chị Hoài cũng tập thương chồng, thương không giấu giếm, ào ào như người ta bán thuốc sơn đông. Chị thôi không đứng tần ngần chỗ nhà chú Hết mỗi khi đi chợ về, thậm chí chị không thèm nhìn về phía ấy nữa. Chị Hoài nói với bạn: "Bữa nay đi chợ mua mấy khúc vải về may đồ cho anh Thứ. Ảnh nói mặc đồ chợ cũng được mà tui đâu có chịu, người vợ biết đường kim mũi chỉ lúc nào cũng làm ấm lòng ông chồng, phải hôn nè…". Giữa đường nói chuyện chồng con mà giọng chị Hoài lanh lảnh, chừng như nhắn với Hết, thôi đừng đi đâu hết, tôi quên anh rồi, quên thiệt, quên luôn, bây giờ tui thương chồng tôi lắm đây. Cho bỏ tội mê cờ, nghen.

Nhưng từ ngày chị Hoài lấy chồng, anh Hết đã không đụng tay vào quân cờ nào nữa. Anh hay ngồi nhìn bàn cờ mặt buồn rười rượi, mấy đứa nhỏ không biết, cứ rủ hoài, ừ thì chơi. Anh biểu tụi nó bày cờ ra, rồi tự đi quân, anh không nhìn, chổng mông vo gạo, một đứa nói vô pháo đầu nghen, anh kêu mã tấn. Tấn chỗ nào? Tấn giữ con chốt đang bị con pháo rình đó, biết còn hỏi. Tụi nhỏ kêu, đây là kiểu "hiệp sĩ mù nghe gió kiếm", đánh cờ mà làm công chuyện không ngưng tay, nói khơi khơi, cũng thắng.

Lụi hụi rồi bốn mùa gió bấc về kể từ mùa gió chị Hoài lấy chồng. Ba anh Hết thường chống đũa trên mâm cơm than ăn không vô. Anh hỏi ông thèm gì. Ông bảo chắc tao gần chết rồi, tao thèm một thằng cháu nội. Hết lượng sượng mãi mới cười: "Trời, thèm gì ngặt vậy, không biết con biết kiếm đâu cho tía bây giờ". Tía anh Hết biểu lại đằng quán con Hảo lỡ thời mà kiếm. Mày giả đò hoài, con nhỏ thương mày, ai cũng biết, chỉ mày là không. Anh Hết cãi, làm gì có, tía. Ông già đứng dậy, vậy phải thử. Nói rồi vung gậy đánh. Như mấy lần trước, anh Hết lại chạy lừng khừng ra sân. Rượt chán, ông già dứ dứ cây gậy vô mặt anh rồi tủm tỉm cười quay đi. Ông già còn kịp thấy chị Hảo chạy lại vẹt đám con nít ra, đưa anh chai dầu Nhị Thiên Đường, miệng xuýt xoa hỏi anh đau chỗ nào, giọng như người thân thiết trong nhà: "Làm gì mà để tía giận dữ vậy, lén chơi cờ phải hôn?". Anh Hết không trả lời, cầm chai dầu còn ướt mồ hôi tay của chị. Đây đã là chai thứ chín chị cho anh, anh khẽ bảo:

- Hảo, tôi… cảm ơn.

Anh ngần ngừ sau chữ "tôi" hơi lâu, làm chị Hảo chờ muốn nín thở. Ơn nghĩa gì một chai dầu gió, nó chỉ làm anh hết đau ngoài da thịt, mà trong lòng thì còn mãi. Chi vậy Hết ơi!

Đâu có biết, chỉ tại chưa quên được. Anh chưa dám nhìn thẳng vô mắt Hoài để cười, chưa dám nựng nịu con của Hoài mỗi khi chị bồng nó đi tiêm ngừa. Chưa thanh thản để chào nhau như một người bạn gặp một người bạn. Hảo có hiểu không?

Hiểu, nên tôi chờ đây nè.

Thêm một mùa gió bấc nữa, chị Hảo vẫn chưa lấy chồng. Ai lại cũng hỏi, chị chờ ai vậy cà. Chị bảo chờ người ta xức dầu Nhị Thiên Đường của chị mà hết đau, chờ người ta đánh cờ

mà trong tâm "Viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh niết bàn", chờ người ta thôi buồn khi đưa chốt qua sông.

Nhưng mà chờ tới chừng nào lận?

Ai mà biết.

Mùa nay gió bấc hiu hiu lại về.

## Truyện 4. HUỆ LẤY CHỒNG

Vẫn còn tiếng lụp cụp rộn ràng của mấy cây dao chặt vào mặt thớt mù u. Vẫn tiếng nói cười xao động từng chòm nhóm của các chị, các dì trong nhà bếp. Tiếng máy đèn chạy tạch tè. Đằng trước rạp, nhóm ca cải lương dạo đờn lửng ta lửng tửng rồi ai đó vô câu vọng cổ ngọt xớt. Không biết vô tình hay cố ý, anh chàng nọ kê micrô cần miệng mà uống rượu. Nghe đánh cái chóc giòn thiệt giòn rồi khà ra tuồng như cay đắng lắm, chua xót lắm, bắt thèm.

Huệ với Điềm xếp quần áo trong buồng. Điềm bỏ lại cửa sổ mở chốt, đẩy hai cánh cửa lá sách sơn xanh ra, trời khuya sâu hun hút, nó la lên:

- Trời, gió mát ghê hen.

Huệ gật đầu, ừ, mát, gió chạy nghe thông thống trong lòng. Nghe rõ ràng mùi xoài cát trái mùa chín son ngoài song cửa. Tự dưng Huệ thấy nhớ nhà ghê lắm. Ngồi ngay ở nhà mà cũng nhớ thiếu điều rớt nước mắt cái đột xuống mặt chiếu bông. Lúc nãy, ăn cháo khuya xong, ba Huệ biểu cả nhà ra đằng trước, ông đốt nhang khấn trước bàn thờ làm lễ xuất giá cho con gái út. Chưa đủ lễ thì má Huệ đã khóc oà. Mấy chế, mấy dì ở nhà dưới lên, bắt khóc theo, nước mắt nước mũi lòng thòng. Thành ra ai cũng xúm lại khóc nên không có màn dặn dò như những lễ xuất giá khác. Huệ nghĩ vậy mà tốt, nó đỡ buồn tủi. Điềm dặn, “Bây giờ mầy khóc cho đã đi, để mai lúc rước dâu thì ráng nhịn, cô dâu mà khóc, son phấn trôi tèm lem, thầy rầu lắm". Trời đất, buồn thương ở trong lòng, lúc nào tràn đầy thì phải khóc cho vơi chứ có phải rót nước từ cái ấm, lúc nào muốn rót thì rót, lúc nào không muốn thì thôi. Con gái lấy chồng, hỏi ai không tủi?

- Hồi sáng nầy, lúc đi chợ mua đồ về tao thấy ông Thi đi ngang nhà mình.

Điều rũ cái áo bà ba hường làm cái đèn chao ngọn, nó lên tiếng. Huệ ra bộ dửng dưng:

- Ừ!

- Thấy cái mặt ổng buồn, đứt ruột lắm.

- Ừ!

Điều trở giọng quạo quọ:

- Ừ, ừ hoài. Phải chuyện mầy với ổng mà thành, đám nầy vui biết bao nhiêu không.

Huệ cười, biểu Điềm nói nho nhỏ thôi rồi cái giọng lại nửa dửng dưng nửa phân trần:

- Thành gì mà thành, người ta đã nói là không có tiền sắm trầu cau.

- Xạo, trầu cau rẻ rề, sao lại có tiền đi cưới người khác.

Hụê cười, người ta vậy, mầy còn nhắc làm chi. Mà, sau bữa nay gió lạnh quá chừng, gió te tái đưa tới một tiếng gà đang gáy, nghe từng giọt, từng tiếng buồn thiu. Cái vali da mới màu

vôi đã đầy quần áo. Đồ của Huệ không có bao nhiêu, cũ hết rồi, đồ bên chồng cho mới nhiều, tới mười hai bộ. Điềm nhắc:

- Còn tập chép bài ca, mầy đem theo không?

- Ừ, đem theo, chút nữa tao quên rồi.

Mà, đem theo chắc cũng không làm gì hết. Về bên nhà chồng không biết còn rảnh rỗi vừa đưa võng vừa nghêu ngao hát? Nhà Thuấn vườn rộng, ruộng cũng nhiều, công chuyện chắc vô số. Thuấn kể, chỉ tính bẹ dừa khô rụng xuống, má Thuấn đã đi chặt mãn một năm còn chưa giáp vườn. “Nhưng em đừng sợ về bển, ba má với anh không cho em làm gì nặng nề đâu", Thuấn nói thêm. Huệ cười, cực khổ nó không sợ, chỉ sợ không được vui. Nghĩ lại, có chồng vừa hiền vừa giỏi như Thuấn, lại thương mình như vậy làm gì mà không vui.

Huệ lại chỗ đầu nằm, giở gối lên, nâng niu ấp trong tay tập chép bài ca đã cũ. Nhắm mắt, nó vẫn lật ra ngay cái trang có nét chữ nắn nót của Thi, dưới bài hát "Nhẫn cỏ", Thi ghi thêm hai câu thơ "Trăm năm ai chớ bỏ ai/ Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim". Con Điềm thường bảo, người ta lấy thơ để thay lời hẹn hò đó.

- Tao tội nghiệp ông Thi quá, mà tao cũng tội nghiệp mầy nữa. - Điềm vừa nằm xuống, vừa thở dài cái thượt. Hụê kêu Điềm ngủ đi rồi lụi hụi xuống giường, nó nói còn quên sợi dây nịt. Điềm xì một cái, "Mầy có tật tiếc đồ cũ". Hụê gắt, "Kệ tao. Ngủ đi". Huệ bò lại chỗ cửa sổ và ngồi đó, đưa mắt nhìn xa thẳm màu đêm. Hụê ngồi đó thật lâu, đến khi má ghé vô buồng biểu Huệ nhắm mắt một chút đi, ngày mai rước dâu mệt lắm. Hụê dạ, thổi phù cho tắt đèn. Con Điềm vốn mê ngủ, đặt lưng xuống chưa bao lâu đã thở sâu. Huệ lại thắp đèn coi bây giờ là mấy giờ rồi giở vali ra, nói thầm trong bụng: "Không biết mình có quên gì không ta?".

Nó làm như lỡ quên món gì sau nầy không có dịp về lấy nữa. Mà, từ Đất Cháy qua nhà Thuấn có bao xa, chạy xuồng băng tắt qua Đầm, rẽ theo kinh Thợ Rèn chừng mười lăm phút là tới. Nhưng với đứa con gái theo chồng, quãng đường đó cũng chở thương, chở nhớ. Chế Lê, chế thứ ba của Huệ lấy chồng sát bên nhà, chỉ cách một hào ranh mà còn khóc lu bù. Hồi đó, Huệ cười, chế cú cái cóc lên đầu nó, "Sau nầy có chồng rồi biết, cưng". Huệ không tin, nó biết mình rắn rỏi lắm, sức mấy mới khóc. Té ra không phải vậy, nó cũng không là một đứa lạc lòng. Sáng mai thôi nó sẽ xuống vỏ rồi về ở miết nhà người ta. Nhớ cái cối xay bột dựa hàng kệ đựng tiêu tỏi, dầu ăn, nước mắm… Con mèo thiu thiu trên đầu bộ ngựa, mấy cái võng giăng quây quần quanh bồ lúa. Lối vô nhà trải đất đỏ, người đi ra đi vô đã mòn mấy hòn tròn tròn trọc lóc. Lối này đổ ra con đường chạy dài tới Vịnh Dừa. Đi chút nữa là tới đám trâm bầu, chỗ con đập vào xóm Kinh Cụt, bẹ dừa kéo xuồng nằm vảnh vổ, có bẹ đã khô quắt, có bẹ còn tươi thơm. Xóm kinh ăn sâu vô đồng, từ vườn nhà Huệ dòm xéo về phía Tây, bỏ cánh đồng lúa lơ thơ gốc rạ là một vệt xanh rờn của dừa, của chuối.

Và nhà Thi ở đó.

Huệ với Thi quen nhau hồi nhỏ. Thi có thật khoái đi tắt đường đồng đâm thẳng vô vườn nhà Huệ để đến trường. Tan học về, nó có thể nhẩn nha, lang thang đồng khơi thả diều cho tới chạng vạng. Có bữa tan trường, Thi về cùng Hụê, Thi hỏi "tao thấy con gà mái nhà mầy đẻ bậy đống rơm sau hè, sao mầy không làm ổ?". Huệ xịu mặt xuống, môi trề ra, "Gà nhà tao, kệ tao". Thi mất hứng, càu nhàu: "Con gái gì… vô duyên".

Đó là chuyện hồi nhỏ, chớ khi hai đứa lớn lên, Thi nhận ra Huệ có duyên, đã có duyên mà còn đẹp nữa. Thi học lớp trung cấp sư phạm xong về dạy trường cấp II ấp Chín. Thi dạy lớp sáu, ngay lớp con bé Mén nhà anh Hai Mận học. Huệ đi họp phụ huynh hoài. Vô đó, không phải phát biểu gì, thẹn thò ngồi cuối dãy bàn, cũng không để ý coi Thi nói gì, chỉ nhìn Thi cười. Trời đất quỷ thần, người gì cười hiền thấy thương quá. Hồi xưa, lúc còn con nít đứa nào cũng hôi ắng, cũng lùi bùn sình, đâu phải như bây giờ. Ở chợ hay ở quê gì rồi người ta cũng lớn lên.

Ở xóm nầy, người biết tụi nó thương nhau đầu tiên là con Điềm, nhỏ bạn thân nhất của Huệ, người thứ nhì, thứ ba biết là chú thím Mười Ba. Chú Mười Ba bán quán cà phê cặp bờ kinh xáng. Quán chú buổi sáng toàn đàn ông, buổi rưa mấy thím đàn bà ôm đứa con nẹo một bên vú nói chuyện làng trên xóm dưới. Buổi chiều, tụi con nít tụ lại quán chạy lòng vòng trong sân chơi. Riêng buổi tối, quán chạy máy đèn chiếu phim bộ Hồng Kông phục vụ cho đám thanh niên. Có lần coi bộ phim kiếm hiệp "Thiên Long Bát Bộ", tới đoạn A Châu chết, con Hụê nước mắt bịn rịn, chắc lưỡi như nói với con Điềm: "Ước gì trên đời nầy có ai thương tao như ông Kiều Phong thương A Châu, chắc tao sướng tới chết luôn quá". Con Điềm cười, ngó ra sau lưng, nói xa xôi, "Có chớ, sao mà không?". Thi ở đằng sau, kế dãy ghế Huệ ngồi, hít đầm đìa hương tóc thơm của cô bạn gái, mỉm cười. Ra về, Thi thả chầm chậm theo tới chỗ quẹo vô nhà Huệ, Thi mới níu tay Huệ lại, Thi nói rằng: "Ông Kiều Phong đó mà nhằm gì, có người còn thương Hụê hơn…". Tay Hụê ấp vào giữa tay Thi líu ríu. Sáng ra Bà Hai, má Huệ nói với thím Mười Ba: "Làm gì hồi đầu hôm nầy mấy con chó nhà tôi sủa ong ỏng hoài vậy không biết?". Thím cười, chó sủa chuyện vui.

Rồi con Điềm làm nhân chứng cho mối tình của Huệ. Gặp Thi ở đâu, Thi nói cái gì Huệ đều kể cho Điềm nghe. Nhiều lúc Điềm phải nạt, "Trời ơi, mầy kể cho tao nghe hoài, tao phát ghen luôn đây nè". Mai mốt đây, hai đứa phải lấy chồng (con gái ở quê nuôi lớn không để lấy chồng thì làm gì?, Điềm ước gì mình gặp được một người tử tế, hiền hậu, có học thức như Thi, lấy được người chồng mà tự mình tìm hiểu, yêu thương như Huệ. Hụê cười, chưa gì hết mà chồng chồng vợ vợ, nghe kỳ. Nói vậy, nhưng lòng Huệ nghe ấm ran, nó mơ tới một mái nhà sớm chiều khói toả, buổi sáng nó rang cơm cho Thi lót lòng đi dạy, trưa đón Thi về chăm chút nồi canh chua bông súng ăn với cá sặc khô.

Thương thì thương vậy, nhưng chắc chuyện cưới, thấy không gấp gáp được. Nhà Thi đã nghèo mà anh em lại đông. Má Thi giao, đứa nào nấy làm để cưới vợ riêng. Lương Thi thì ít lắm dư dả bao nhiêu. Vì vậy mà Thi xin đổi ra Rạch Ráng dạy trường huyện. Thi tính, ra ngoài đó, Thi dạy thêm giờ, chắc lương lên được hai trăm mấy, để dành không bao lâu nữa đủ tiền lễ để cưới Hụê rồi. Hụê cười, cưới vợ chớ đâu phải mua vợ mà phải tốn nhiều tiền. Thi bảo, không cần rình rang nhưng cũng phải có năm sáu bộ đồ, đôi bông, sợi dây chuyền cho Huệ không phải tủi chứ. Những lúc nhớ Thi, Huệ ngồi mơ về đám cưới, bữa đó, chắc là vui lắm. Hết học kỳ đầu, tự nhiên bặt cả tháng Thi không về, có về cũng chui nhủi trong nhà, ốm như ma đói. Huệ hỏi hoài, như Thi cúi đầu, tìm được ánh mắt Thi đã khó, mong gì Thi nói ra.

Chuyện Thi thế là thôi rồi, mấy thím buổi trưa ngồi quán chú Mười Ba cong miệng nói với nhau, nghe phong thanh Thi đi lại với con gái trưởng phòng giáo dục huyện, cô nọ có mang, chuẩn bị cưới. Đâu nè, thầy Thi đâu có tệ như vậy. Ừ, nhưng nghe nói thầy Thi bị “gày" như trong Lan và Điệp. Tội nghiệp. Tội nghiệp ai?

Thì Thi chớ ai, ở đời ngược ngạo vậy đó. Thi cưới vợ xong rồi nhưng vẫn thường tha thẩu về lì trong này. Huệ gặp Thi giữa đường muốn cười nhưng Thi lầm lũi cúi mặt. Huệ lấy chồng. Thím Mười Ba chép miệng, giọng không biết khen hay chê: "Con Huệ dứt tình lẹ quá ta ha, dứt cái "rụp". Huệ cười, thấy đâu có chê Thuấn được cái gì, Thuấn biết Huệ từng thương Thi mà anh cũng bước tới. Huệ bây giờ, còn chờ ai nữa?

Huệ chuẩn bị cho đám gả mình từ mấy tháng trước. Suốt ngày nó cặm cụi ngoài vườn. Lá dừa khô bó láng vo, tề đầu tề đít chất đầy giàn bếp, dựng qua tới bồ lúa. Củi phơi từ lúc chớm hết mưa, lổn nhổn ngoài sân. Mớ cọng dừa đã róc lá dựng ngoài giàn, chưa khổ hẳn thì đám bìm bịp đã leo xanh rời, nó cũng dỡ xuống, chặt phơi. Chuyện gì nó cùng giành làm một mình, làm từ sáng sớm tới chạng vạng, không đi coi phim nữa mà tối tối nằm nhà nghe cải lương hoặc đưa võng cò kẹt, hát "Thương nhớ mãi không thôi. Chàng mới ra về chị em tôi thương nhớ…". Điềm tới chơi thường, như giữ Huệ, sợ Huệ vì Thi mà làm chuyện dại. Sợ vậy thôi, chớ Huệ vẫn roi rói, người ta thấy nó không thèm rớt một giọt nước mắt nào như nó với Thi chưa từng có duyên dẻ gì nhau. Điềm hỏi "Sao tao không thấy mầu buồn gì hết?". Hụê cười, "Tao quên ông Thi mất tiêu rồi, tệ quá, nhớ làm chi?”. Hồi đám cưới Thi, Hụê chép miệng tiếc, phải chi Thi mời… Không được mời nên mới nằm nhà, gió đưa tiếng hát ngang qua đồng, lúc xa thăm thẳm.

Hôm gần đám, Thuấn chạy xuồng qua chở Huệ đi chợ. Hai đứa mua nhiều thứ, cuối cùng dắt nhau tới tiệm tạp hoá lựa bốn trái tim bằng giấy đỏ lớn bằng cái thúng để Huệ dán hai bên nhà hai trái, buồng cưới nhà Thuấn hai trái. Lúc Huệ giở mấy trái tim coi kỹ coi nó có thủng lỗ không thì thấy Thi đằng cuối chợ đứng nhìn. Hụê cười ráo hoảnh. Tưởng Huệ không thấy, Thuấn quay qua nhắc nhỏ, "Thi kìa em". Huệ cười, ừ, Thi đó, Thi chớ ai, rồi biểu người bán

hàng lựa thêm cho hai chữ Song Hỷ, mới lại gần chào, Huệ biểu, "Thi đừng có nhìn tui trân trối như vậy, tui cũng phải lấy chồng chớ, phải hôn. Mà anh nhớ đối xử với người ta tốt như đối xử với tui vậy nghen”. Thi gượng gạo cười rồi cắn môi quay đi. Thuấn nhìn theo, nắm tay Huệ, nắm rất chặt, nửa như để an ủi, nửa lại giống như rịt lấy, như sợ Huệ bỏ chạy mất. Hụê mắc cười, đó là lần đầu tiên từ lúc xuống mối, tới ăn trầu uống rượu rồi chuẩn bị cưới, Thuấn mới nắm tay cô. Thì phải vậy thôi, mai mốt là vợ chồng rồi…

… Huệ ngồi chỗ cửa sổ cho tới lúc gà gáy rộ. Bà Hai lủi thủi đốt cây đèn cóc ngồi lột tỏi, không biết có phải tỏi nồng hay không mà mũi bà sụt sịt, nước mắt kèm nhèm. Bà con cô bác cũng trở dậy râm ran. Thức ăn đãi buổi mai đã làm sẵn từ hôm qua một mớ nhưng thịt kho tàu vẫn chưa thấm lắm, lớp mỡ chưa trong. Than bắt lửa cháy lép bép. Huệ kêu Điềm dậy, sửa soạn ra chợ xã đánh tóc, làm mặt. Điềm ngồi dậy, tay lò mò kiếm cây kẹp tóc, giọng tỉnh queo nhưng hơi bàng hoàng:

- Trời! Sáng rồi sao? May vậy?

Đám thanh niên đằng trước quét qua nền rạp, xếp bàn ghế ra. Nhóm ca cải lương đã mòn mỏi ngoẹo vào nhau ngủ mê mệt, thay vô đó là băng nhạc cưới xập xình "Ô vui quá xá là vui…".

Xuống xuống, Huệ giành lái máy. Điềm ngồi co ro đằng trước mũi, than lạnh quá chừng. Gió nầy mà không lạnh sao được. Một tháng mười ba ngày nữa là Tết rồi còn gì. Và sau Tết này, mấy thím ngồi quán trưa bảo nhau, "Vợ chồng con Hụê có về". Trong tiếng máy Koler4 nổ lùng bùng, tự dưng Hụê bảo:

- Ừ, lạnh quá, Điềm ha?

Xuồng từ từ chạy tới đập nhỏ đầu xóm Kinh Cụt. Đám trâm bầu đứng im lặng, xơ rơ. Huệ bất ngờ xuống máy chạy chậm, chiếc xuồng khật khừng. Nó ngơ ngẩn ngó lên bờ, trong lòng chao chát một nỗi thèm muốn. Nó muốn chạy vô xóm, tới nhà Thi, gặp anh và nói cho anh hay rằng nó hết thương Thi rồi, nó quên anh, quên thiệt.

Nhưng nói để làm gì, ta?

***

Một ngày khác thường của tuổi mười hai - tuổi bè bạn, tuổi vui chơi, tôi lùa mười sáu con vịt - một trong những gia tài của má tôi - ra đồng, mưa đầm đìa vào mùa. Tôi thường ngồi ở bờ ruộng, mắt trông chừng bầy vịt, không cho chúng lân la đến những đám mạ muốt xanh, và da diết thèm người, thèm được nói chuyện. Bấy giờ, quay quanh tôi bao nhiêu là người, tôi lại thèm cánh đồng nước vắng tanh…

***

## Truyện 5. CÁI NHÌN KHẮC KHOẢI

Khoa điện thoại cho tôi từ phòng lab:

- Hình xong rồi, đã lắm. Mày kiếm đâu ra ông già ngon vậy?

Tôi cười, gác máy rồi xách xe chạy lại chỗ Khoa. Những tấm ảnh đen trắng treo trên dây còn đọng nước, giọt rất tròn và trĩu. Khoa nghiêng đầu ngắm:

- Mày coi, hình như, trong mắt ông già này có nước.

- Mày cận bao nhiêu độ rồi?

Khoa mắc cở tháo cặp kính ra, đôi mắt đờ đẫn.

- Hôm trước ba rưỡi, bây giờ chắc ba tám rồi.

- Mắt mày cũng còn ngon lắm.

Khoa lại hỏi tôi cái câu ban nãy, "mày kiếm ông này ở đâu mà thần thái vậy?". Tôi không trả lời, ngước mắt nhìn về những bức ảnh của tôi. Trong mảng tối sáng trong vắt, khuôn mặt một người đàn ông hiện lên, trầm lặng mà sâu sắc.

Và tôi lại thấy mình ở trong một căn chòi chăn vịt cất dựa mé kinh Chiếc. Căn chòi đầy khói. Cái mẻ un ám khói chất đầy giỏ dừa khô. Khói ngùn ngụt khói. Ngồi trên cái sạp ghe đóng thưa bằng tre chẻ thẻ, một người đàn ông ngồi nhìn ra cửa. Cô độc. Gió vụt vụt vô chòi.

Ông làm nghề nuôi vịt đẻ chạy đồng. Hôm nay ở đồng Rạch Mũi, ngày mai ở Nhà Phấn Ngọn, xa nữa lại dạt đến Cái Bát không chừng. Ông đậu ghe, dựng lều, lùa vịt lên những cánh đồng vừa mới gặt xong, ngó chừng chừng sang những cánh đồng lúa vừa mới chín tới và suy nghĩ về một vạt đồng khác lúa vừa no đòng đòng. Đời của ông là một cuộc đời lang bạt. Một cuộc sống trên đồng khơi. Chòi cặm ở đâu cũng được, miễn có chỗ khô ráo cho ông nằm. Buổi sáng, ông lùa bầy vịt ra đồng, tay cầm cây trúc không róc đọt, bù xù. Bầy vịt ngàn hai trăm con, ngoi quẫy, vẫy vùng, rúc vào những nùi rạ mới, nhặt từng hột lúa. Con vịt xiêm tên Cộc cũng ào ra cùng bọn chúng, những lúc đó, không phải vì bụng đói, mà vì mùi rạ thơm quá, ngọt quá, ngụp mỏ vào thấy sướng người. Ông ngồi bệt trên bờ mẫu, khăn sọc cũ quấn đầu, nón vải nâu lốm đốm mủ chuối. Ông ngó lũ vịt và vấn điếu thuốc châm lửa, phà khói lên trời. Và trời rất xa xanh, trong. Ông kêu:

- Cộc, biểu!

Con Cộc chạy lại, vẫy nước và cọ đầu vào bắp đùi đen bóng của ông.

Buổi tối buồn lắm. Đêm nào cũng như đêm nấy, lùa vịt vô chuồng, tắm táp qua loa, ông khom lưng thổi phù phù vô cái bếp un cho căn chòi đầy khói rồi nằm đưa võng. Gió vụt vụt vô chòi. Con Cộc lò mò ra đống rơm dập dềnh dưới mé kinh, vùi mình vào đó ngủ một giấc. Nó

tưởng lâu vậy, dài vậy mà lúc ngó lên vẫn thấy chao chát ngọn đèn đỏ lòm. Ông kêu:

- Cộc, giận gì mà xuống đó vậy mậy?

Cộc lạch bạch đi lên. Nó ghé ngang cái lưới bao rào vịt, thò mỏ vào mổ một con vịt ta khác. Gây chuyện chơi cho vui. Nó là con vịt chúa gây chuyện. Ngoài những lúc này, nó khá cộc cằn, tư lự. Mấy người bạn lang bạt của ông chụm lại nhậu lần nào cũng nhằn: "Cha nội sống như vầy rầu thấy mẹ, mai mốt con vịt xiêm đó chết rồi, cha sống với ai". Ông cười, "còn thằng con tao". Nó ở chợ. Lâu lắm mới về thăm ông một lần, về tới, ngoài việc kêu ông bán bầy vịt ra ngoải sống với nó, còn chuyện ông cưới vợ, nó nói, nó con trai, biết cô đơn là cái gì rồi, khổ lắm, buồn lắm. Nó giục ông từ năm nó mười hai tuổi. Ông ngạc nhiên lắm. Nhưng rồi ông biết rằng, nó đã học được ông cái tánh rộng lòng đồng khơi, như trời cao. Ông vò đầu nói với nó, cũng khó khăn thiệt, nhưng ông quen rồi. Nghề nuôi vịt mà, nghèo, lang thang, đeo mang người nữa, không đành.

Tháng Tám. Ông trở về kinh Mười Hai, quê ruột của ông. Chèo gần tới nhà ông thấy một người phụ nữ ngồi dưới bực cỏ đợi tàu. Chiều rồi, tàu cuối chạy lúc ba giờ rưỡi đi qua đã lâu lắm. Dưới ghe ngó lên, mặt người phụ nữ buồn so, buồn như sắp đâm đầu xuống sông mà chết. Ông chèo lựng khựng cho ghe đi tới. Qua khỏi đám lá, ông quạt chèo trở lại. Ông hỏi chị nọ đi đâu, chị khóc như mưa bấc, "Tôi cũng không biết mình đi đâu". Lãng xẹt vậy đó. Ông ngại ngần ngó những tia nắng đỏ cuối cùng đậu phía dưới đám dừa nước:

- Cô có sao không?

Người phụ nữ lắc đầu. Ông biểu chị xuống ghe cho quá giang. Chị vẫn khóc.

- Tôi biết đi đâu mà quá giang bây giờ. Hay… làm ơn cho tôi theo anh đêm nay nghen.

Ông suy nghĩ rất lâu và trả lời một câu nhỏ xíu trong khi tụi vịt đạp đầu chen nhau dưới sạp ghe bằng tre đóng thưa thớt rộ lên lạc cạc inh ỏi. Đôi chân đàn bà dè dặt bỏ xuống đầu ghe, con Cộc cuối đầu không nói không rằng lùi lụi lại tính mổ một cái vô chân chị mừng chơi nhưng ông la: "Cộc! Bị đòn nghe mậy". Nó dừng lại, đủng đỉnh qua đi. Chị khịt mũi cái sột, lau nước mắt kêu: "Trời, vịt gì mà khôn quá vậy?". Con vịt ngoắc ngoắc cái đầu lại, ý nói, Vịt Xiêm chứ vịt gì, thiệt tình.

Qua thêm ba đám lá dày nữa là về tới nhà ông. Nhà vắng, vườn hoang, lúc chạng vạng buồn hiu hắt. Ông đi năm ba tháng về một lần, về đúng vạt đồng sau vừa chín. Hồi đi, con tắc kè ễnh bụng kêu è è, hồi về đã thấy đeo trên cột nhà mấy con tắc kè con, da chưa bông chưa hoa, mốc cời, đầu chờ vờ như cá lóc gặp nước mặn. Ông đẩy cửa bước vô trước, tay quơ mớ váng nhện lùng nhùng, đốt cái đèn, thổi lù lù mớ củi ướt. Chị ôm cặp đồ ngồi gá nhẹ mép ván, ngó quanh. Ông lượng xượng, "Nhà bỏ lâu, bê bối quá chừng". Rồi khói bay lên, ấm áp.

Ở căn nhà lá cũ mèm này, ông có nhiều kỷ niệm. Mỗi khi trở về nó lại chảy thành dòng dịu ngọt trong ông, nó chảy khẽ giửa những mạch máu. Những ngày thơ ông có ba má, những ngày trẻ ông có người chăn gối cùng. Có cây lụa bên hè làm chứng, mỗi lần nhà đổ bánh xèo, vợ ông ra hái đọt lụa, đứng tần ngần, "phải ảnh có nhà để ăn". Chiến tranh, ông đi biền biệt. Ngày về, chỉ còn đứa con trai. Nó khóc, kể, "Bửa đó cúng đình, có cải lương, má rũ con đi. Tuồng Thoại Khanh Châu Tuấn đó ba. Hát chưa xong khúc Thoại Khanh ngồi đờn cho công chúa Châu Tuấn nghe, thì pháo đằng đồn Chẹt bắn lại, má con chết luôn". Mùa đó lụa ra lá từng chùm trắng xanh, non nhuốt. Ông bắt thèm ứa nước mắt. Cũng thằng con ông, sau này nó nhần: "Chuyện buồn mà ba nhớ làm chi cho tới già vậy không biết. Ông bảo ông có nhớ gì đâu. Thiệt đó, thằng nhóc, có nhớ gì đâu. Thằng con chép miệng, "Khổ quá!"

Người phụ nữ ông lượm chiều đó còn khổ hơn. Chị quê Cây Khô, lỡ thời, thương thằng (xin lỗi!) thợ gặt miệt Bình An đổ xuống. Không biết gốc gác, cội nguồn người ta mà thương gì ác nhơn vậy không biết. Làm vợ thợ gặt, sống đời thợ gặt. Chị ngồi vấn vạt áo: "Ai cũng nói em ngu, cực cỡ nào em cũng chịu, miễn là mình thương người ta". Vậy mà thằng đó (xin lỗi!) tệ thiệt, làm ít, nhậu nhiều. Tới đây, nhậu nhẹt, nợ nần, chị ra gánh trả. Nợ nhiều quá, mấy cái quán tạp hóa đòi lấy xuồng, nửa đêm chồng chị trốn đi, bỏ chị lại. Không biết quê chồng, không về được quê mình, chị ra bờ sông ngồi khóc.

- Cô Út không ngại, cứ ở lại đây, chừng nào có hướng đi đâu, mần ăn gì thì đi, nghen.

Nghe xong câu chuyện của chị, ông bập một hơi thuốc lá, nói một câu, bập hơi nữa thì hết điếu.

Chị chịu ở lại. Buổi sáng, chị thức dậy bắc ấm nước lên bếp cho ông uống trà, xong lùa vịt ra đồng. Thả vịt ruộng gần, chị đem cơm ra tới chỗ, dọn trên bờ mẫu, ngồi nhìn trời, nhìn đất, nhìn vịt, chờ ông ăn xong mới đi vô. Ruộng xa, chị thức dậy từ ba giờ sáng nấu cơm dỡ cho ông xách theo. Thuốc gò, giấy quyến mới vơi một ít, chị bỏ lại cho đầy để ông bỏ túi, "Nửa chừng mà hết thuốc chịu không thấu anh Hai à, giửa đồng mông quạnh, buồn chết, hồi đó ảnh…", chị bỏ câu nói nửa chừng. Mờ mờ trời, chị lụi hụi vô chuồng lấy hột vịt, rồ chở ra chợ xã bán, chị tính:

- Chịu khó ra ngoài đó một chút, bán giá cao hơn anh Hai à. Sẵn hái ít đọt lụa bán luôn, thứ này người ta khoái lắm.

- Nhưng phiền cô quá…

- Có gì đâu.

Chị làm cỏ ngoài sân, trồng lên dấp cá với húng lủi. Chị súc lu đợi trời mưa hứng nước. Chị giặt mùng mền phơi cho thơm nắng. Ông cằn nhằn:

- Cô làm gi như người ở đợ cho tôi vậy?

- Có gì đâu, anh Hai, được ở lại đây là em mừng rồi.

Ông ngoái lại, nói:

- Thiệt tình, cô ở lại để chờ người ta phải hôn cô?

Chị không trả lời, chị cuối đầu đi thẳng. Chị không đẹp lắm, nhưng lúc thổi lửa có duyên. Chị không có duyên lắm nhưng lúc bậm môi bửa củi thấy đẹp. Ông chắc không để ý chuyện này, ông bận đốn so đũa cặm cột, dừng lá dừa nước làm cái nhà tắm cho chị. Ông vừa mài cây búa vừa nói nhỏ nhỏ với con Cộc:

- Mình đàn ông gì cũng được, giờ có thêm người… Ông ngừng lại, vuốt cánh con vịt -vậy hen Cộc?

Cộc không trả lời, kêu cóc cóc, há mỏ đớp vô mắt cá chân ông. Thì vậy chứ còn sao nữa, ý nó muốn nói vậy. Rồi nó đủng đỉnh đi chơi, dạo dạo bậy bạ kiếm trùn đất ăn. Ông nghĩ trong bụng hoài, "Làm vịt như mầy coi bộ sướng. Cộc à, làm người, hỏng làm thì thôi, làm phải cho ngon, thiệt khó".

Thằng con ông đi công tác qua nhà thấy có người lạ nó ngỡ ngàng. Ngỡ ngàng xong thì mừng. Nó nói: "Ba lúc này ngon rồi nghen". Ông gạt phăng phăng, "Mày chỉ giỏi bậy bạ". Ông không nói với nó vẫn thường thấy chị ôm cái áo người cũ ngồi khóc, chị thường hay kho cá bỏ me, ông vốn không thích. Hễ hổng đi chợ thì thôi, đi về y như rằng mua chai rượu, ông có uống gì nhiều đâu. Thằng con không biết. Thằng con đi dài dài xóm, ai cũng xầm xì chuyện của ba nó với người đàn bà gặt mướn. Cô Ba nó nói: "Tao thấy con mẻ không xứng với ba mày đâu, bỏ nhà theo trai, bị trai bỏ, giờ mới bám víu vô đàn vịt của ổng, đàn bà đàng hoàng, ai ở lại dễ dãi vậy". Thằng con cười, "Sao cũng được, cô Ba à, trước là trước, bây giờ là bây giờ, tốt xấu gì ba con biết, miễn sao ba vui là được rồi". Cô Ba chẳng hẳng.

Nhưng thằng con hơi thất vọng. Hễ chạng vạng, nhốt vịt, tắm rửa xong, ông kêu con Cộc đi dài xóm chơi. Con vịt thì chạy xà quần rượt cắn đám con nít, ông chơi lai rai với bè bạn, họ hàng. Chờ khi khuya mới về. Về ngủ nhà xuồng cặp mé kinh. Nhà mục rồi, đêm nằm nghe mối ăn trẹo trẹo, sợ chị ngại, ông nói: "tánh tôi ở đồng quen rồi, ngủ có gió mới ngon".

Không lẽ nói trắng ra, nằm trong nhà, bên này nằm nghe bên kia thở nghe sao được. Những lúc nửa đêm, con Cộc cắm đầu cắm cổ chạy, ông cũng cuốn mùng chạy. Chị mở cửa năn nỉ ông vô nhà, để lạnh chết. Cực chẳng đã ông mới vô, ngồi chí mí ván, chong chong nhìn ra cửa chờ tạnh hột. Chị cảm động ứa nước mắt.

Chị vẫn thường đón ghe hàng bông hỏi thăm tin tức cánh thợ gặt An Bình. Tin tức ngày càng xa. Ở đây, trăm ngả sông nước, làm sao mà kiếm. Tin tức ngày càng vắng. Lúc rày, mua

nắng thất thường. Nắng một hơi năm bảy ngày, mưa một hơi năm bảy ngày, bà con nông dân gặt ngay mưa, phơi lúa không được rầu muốn chết. Chị đi chuyên nước vô lu, đôi dép Lào cu mỏng dính, trợt một cái trật gân. Tội nghiệp quá chừng. Ông về nạt nộ một hơi, đã nói mà, cô có chịu nghe tôi đâu. Nói vậy thôi, ông di chợ huyện mua thuốc cho chị, sẵn mua đôi dép mới làm chị ngại trong lòng lắm. Ông bảo:

- Đôi dép cô mỏng thiếu điều cạo râu được rồi, tiếc làm chi, để té nữa thì khổ.

Những chiều, lùa bầy vịt no căng luờn từ ngoài ruộng về, ông xúc tô com, ngồi ngoài gốc cây vú sữa đã bị cưa thành cái đôn, vừa ăn vừa nhìn cây chanh núm bắt đầu ra trái. Dưới cầu ao, chị đang lật đít xoong chùi lọ nghẹ, cảnh chiều êm đềm. Cô Ba đi qua, tròn con mắt.

Một bữa, mưa nhiều, lúc ông đội áo đi, chị dặn:

- Mưa lúc này gầm dữ quá, sét nhiều, anh Hai nhớ vô sớm nghen.

Ông gật đầu, day qua dặn lại:

- Cô Út thôi đừng hứng nước mưa nữa, hỏng chừng mai mốt tôi đi, ai mà uống.

Chị chưng hửng hỏi ông đi dâu, ông trả lời giọng rất buồn:

- Thì cho vịt ăn hết đồng này phải lùa đi chổ khác chớ cô. Vịt đang đẻ rất quạo, nhốt một hai ngày là mất sức. Tôi ở nhà cả tháng rồi, cũng buồn.

Nói vậy rồi ông quay lưng đi. Chị vịn tay vào cửa, nhìn theo.

Buổi chiều, ông về sớm, chị giũ áo mưa của ông phơi lên vách, miệng quở ông trời mưa dai thấy sợ. Chị xúc chén lúa đổ cho con Cộc, miệng hỏi lãng như không: "Cộc, mưa lạnh hôn con?". Cộc không trả lời, nó nghinh lên, ý nói vịt mà lạnh gì, ổng lạnh sao không hỏi, thiệt tình. Ăn cơm xong, chị dọn ra xị rượu nướng mấy con khô cá chạch:

- Anh Hai lai rai cho ấm bụng, mưa quá, nhâm nhi đỡ buồn.

Chị ngồi lắc võng, may hai cái bìa khăn mới mua cho ông, vừa may vừa nói:

- Bây giờ người ta làm khăn mỏng dính, hỏng may xổ chỉ ra nùi nùi hết trơn.

Ông không nói gì, đi xúc chén lúa lại đổ cho đầy mẻ, biểu "Cộc, lại ăn nè". Con vịt không chạy lại cái mẻ mà lạch bạch đi tới chỗ bộ ván ngựa sần sùi nó chui xuống gầm. Cái thau nhôm hôm nắng ông lấy nấu chai trét chiếc ghe giờ được làm mẻ un đang phì phì khói. Ông ngồi trước chai đế trầm ngâm. Chị dè dặt lên tiếng:

- Anh Hai tính chừng nào đi?

- Hai ba bữa nữa. Đi chuyến này qua tới miệt Khánh Hà, chắc đi lâu mới về.

Người đàn bà cuối xuống cắn chỉ, che cái thở dài.

- Cô Út à, tôi… có chuyện muốn nói với cô.

Chị làm rối chỉ:

- Gì vậy anh Hai?

- Sáng nay tôi gặp thằng bạn, nó mới chạy bầy vịt từ nông trường qua. Tôi hỏi, nghe nói có thợ gặt An Bình ở đó.

- Anh Hai!

Ông bước xuống đẩy mớ vỏ dừa vô mẻ un. Xơ dừa mịn, cháy rực, rồi tắt ngấm.

- Ảnh tên Sinh phải hôn cô Út? Ờ, Sinh, ảnh… cũng đang gặt bên đó, cô Út à.

- Anh Hai!

Chị buông cái khăn xuống kêu bàng hoàng.

- Tàu từ chạy nông trường lúc năm giờ, ngang đây, chắc cỡ sáu giờ rưỡi. Cô ráng đón chuyến đó. Để lỡ tới bữa sau, sợ mấy ảnh lại chuyển đồng, kiếm cực lắm. Tính vậy nghen cô Út.

Con Cộc lại hì hụi đi ra, ngỏng cổ lên nhìn ông. Khuôn mặt ông mờ mờ sau làn khói. Khói mắt dịch, làm cay con mắt muốn chết. Cái võng chị ngồi sau lưng ông, chị khom xuống cắn mớ chỉ rối mà buồn. Ông rót ly rượu uống mà buồn.

- Anh Hai à, sao anh tính vậy?

- Tôi biết cô còn nặng lòng cùng ảnh. Qua bển hỏi đầu đuôi gốc ngọn ra làm sao. Nói có tình, mình ở lại, biết đâu người ta có nỗi khổ gì…

Chị bật khóc. Con Cộc điềm đạm lại cái mẻ lúa, nó ăn chậm rãi. Ý nói làm sao mà tôi tội nghiệp hai người quá đi, làm người mà khổ vậy, làm vịt còn sướng hơn. Đêm đó, ngoài nhà xuồng, nó nghe ông thở nhẹ mà rất dài. Ai biểu…

Sáng sau ông lùa vịt ra đồng khi trời còn tối mịt tối mò. Ông đuổi vịt đi xa thiệt xa nhưng vẫn nghe tàu bè ghé bến nào rất gần. Ông ngồi bệt bên bờ mẫu, khăn cũ, nón cũ, kêu: "Cộc, biểu!" mà không thèm để ý nó có lại hay không. Kêu chơi vậy thôi. Nhưng Cộc là con vịt có nguyên tắc. Nó vẫn chạy lại, gác đầu lên đùi ông, cọ cọ an ủi. Rồi bất ngờ, ông lùa vịt cắt vạt đồng hối hả trở vô. Ông bỏ quên bịch thuốc trong nhà, thèm quá. Tới liếp tràm bông vàng trong vườn, ông ngồi lại, lũ vịt tràn xuống ao rau muống tắm táp. Ở đây, bỏ ba liếp chuối nữa là tới nhà. Ở nhà, không biết có còn ai…? Ngồi đây thôi, bước vô đó lỡ không còn ai… Hồi lâu, ông nói như chỉ nói với mình:

- Mai mốt mình đi nữa hen Cộc?

Con vịt cạp mắt cá ông, đi thì đi chớ gì.

- Mày đi hoài, mầy mệt không?

Nó há mỏm đóm đen cạp ngón cái chân ông, thì mệt chớ.

- Tao đốn tràm, làm nhà lại, ở luôn nghen.

Con Cộc mổ vô ống quyển ông, rồi nhóng cần cổ dòm ông lom lom, có phải ông chờ bà đó quay lại không? Ông nhìn lên ngọn tràm và thấy mấy cái bông vàng như mấy con sâu rọm đang dịu dàng rơi xuống. Có phải chỉ cần nhìn lại một chút, ông sẽ thấy ngọn khói bay lên không? Gió lùa lá chuối khô giống hệt bước chân ai vậy. Ông mắc ngoái nhìn. Và tôi đã chụp được chân dung ông trong ngoái nhìn khắc khoải đó.

Tôi bảo Khoa:

- Những người như ông già này có rất nhiều ở xứ mình, Khoa à, tao đâu có kiếm gì đâu.

Khoa nhìn tôi và nhìn lại những tấm ảnh, nó ngờ ngợ, "Mầy đang kể về ba mầy, phải không?"./.

***

Tôi thích những mối tình câm, tình thầm. Tôi tưởng tượng đó là những mối tình da diết, sâu đậm. Mãi mãi chẳng dám nói thật lòng, cho đến cuối đời tình ấy vẫn bàng bạc, rập rờn, và mỗi khi có dịp (như đi qua chỗ ngồi cũ, con đường cũ, gương mặt cũ..), ta bỗng thấy nhói ran.

Chắc là khó chịu lắm, khi yêu mà giả bộ không yêu, khi buồn cố diễn mặt vui, khi đau tình phải tỏ ra vô tình…

***

# Truyện 6. NHÀ CỔ

Mùa chướng xổ cửa đất Phương Điền. Nửa đêm cả nhà tôi tốc mùng ngồi nghe tiếng ngói dịch lắc cắc, rờn rợn trên mái nhà phía Đông Nhân Phủ. Má tôi mở cửa sổ, kêu vọng qua bên đó, "Thằng Tứ Hải đem mấy đứa nhỏ qua ngủ với má con tao nì. Để không may ngói rớt trúng đầu, tội nghiệp tụi nó lắm nghen". Dứt tiếng thì cái đầu tóc ngái ngủ bù xù của ông chủ trẻ của "Nhân Phủ" lù lù trước sân, tay na con Tha, chị Thể vợ anh dắt con Tho đi sau, thả hai đứa nhỏ vô mùng tôi, anh làu bàu, "Cha, điệu này biết nhà mình có qua được mùa gió này không đây, Út Nhỏ?".

Tôi thở dài cái thượt như cũng đang nặng lo cho "nhà mình" (mặc dầu hơi ngẩn ngơ, mình có vai gì trong ngôi nhà cổ sắp xiêu đổ ấy đâu?). Má tôi cằn nhằn khi tiễn đôi vợ chồng hàng xóm ra cửa, "Mắc cái gì mà tụi bây giữ hoài cái nhà oan chướng đó, sao không bán đi cho rồi, cất nhà mới, sống cho bình thường như con người ta". Anh Tứ Hải không trả lời, chỉ nghe anh cười khà khà khà.

"Nhân Phủ" của anh cách nhà tôi một hàng rào cặm bằng cây bình bát, đó là ngôi nhà cũ kỹ, già nua nhất làng cổ Phương Điền. Nghe kể, ông Tổ nhà anh Tứ Hải đã đứng ở dưới cây dông nem trước nhà, bảo tốp thợ ông muốn làm một ngôi nhà đẹp nhất, rộng nhất xứ này, một ngôi nhà thật lớn cho tất cả con cháu ông khi sinh ra đều có chỗ cho mình. Ròng rã hơn ba mươi năm, những người thợ xứ Quảng đã làm nên một kiệt tác nhà rường Nam Bộ, nghiêm cẩn, công phu chạm trổ từng chi tiết nhỏ, từ cây cột cái tới ngạch cửa, từ những cánh cửa tới mấy cái bậc tam cấp lối vào… Nghe kể, khi làm "Nhân Phủ", người ta đã cúng đủ mười lễ, nên nó điềm nhiên đi qua hai cuộc chiến tranh mà không có một vết tích nào. Năm 1972, Mỹ Ngụy cho bom đạn cày xới dữ dội vùng này, nhưng chỉ có quả bom rớt sau nhà, thành một cái ao bông súng.

"Nhân Phủ" được trao cho anh em Tứ Hải, Tứ Phương khi hai người mới mười tám, hai mươi tuổi. Lúc đó, nó đã khọm rọm, bệu bạo như răng người già. Hồi nhỏ, tôi ở "Nhân Phủ" còn nhiều hơn ở nhà, tính tình năng động, phá phách nên hợp anh em Tứ Hải hơn bà chị ruột, má rầy hoài, có lúc nghe má kêu Út Nhỏ ơi, tôi hộc tốc chạy chui rào qua đất nhà mới dạ. Nhờ vậy, tôi mới phát hiện bên anh Tứ Hải có nhiều cái lạ, về cười nắc nẻ với má tôi. Lồng bàn đan bằng tre đậy mâm cơm được lợp thêm một lớp vải, nếu không, trứng mọt trên trần nhà rắc xuống thức ăn như người ta rắc tiêu xay. Đít quần của anh em anh Tứ Hải mặt vải luôn luôn nhăn nhúm, trầy xước vì mấy bộ ván mọt gặm lởm chởm. Trời mát rượi, đi trong nhà mà phải chụp cái nón lá sùm sụp lên đầu, đề phòng ngói rớt. Mấy cây cột chạm rồng chạm phượng bị mối cắn bộng than, búng ngón tay nghe kêu bộp bộp. Còn trẻ, lại nghèo, anh Hải phải đi bán bánh bao dạo, nuôi em ăn học, nên điều mà họ có thể làm được là giữ cho đồ đạc trong ngôi nhà bóng như gương. Năm mười sáu tuổi, qua "Nhân Phủ" chơi, nhìn vào đó, tôi thấy cả đám mụn

cám lấm tấm trên cánh mũi mình.

Năm tôi mười sáu tuổi, qua bên đó chơi, biết hai anh đều lặng lẽ để bụng thương chị Thể mất rồi. Chị Thể mồ côi, từ nhỏ về ở nhờ trong "Nhân Phủ", đẹp nết, đẹp người. Sinh thời, má anh Hải hay nắm tay trìu mến, "Má có hai thằng con trai, chừng nào lớn, bây chọn một đứa, làm con dâu má nghen". Chị Thể chỉ cười cười, không nói. Chị hiền, dịu dàng như chiếc lá me, con trai xóm khác gặp một lần còn nhớ, huống chi ba người họ lớn lên cùng nhau… Nhưng nhường qua nhường lại hoài, mãi không ai mở lời. Chú em nhịn ăn sáng, ốm ròm, mặt mày xanh ẻo cắc củm dành tiền tha về cho chị Thể nào kẹp tóc, vòng bạc, dép, giày… Ông anh chẳng mua gì, nhưng thấy chị vo cơm thì nhảy vào thổi lửa, thấy chị sắp giặt đồ, anh xách nước để sẵn mấy thùng. Những buổi sớm mai, hai người cùng nhau xào nhân, nhồi bột, hấp bánh bao. Khói quây lấy cả hai, khói thơm ngây dại mùi lá dứa. Người em thức sớm học bài, thấy cảnh đó, đọc lung tung những câu chẳng có nghĩa gì.

Nên chị Thể chọn ai tôi đều thương người còn lại. Ở ngoài cuộc, hai má con tôi phân tích kỹ lưỡng, tôi nói anh Phương đáng để thương, anh Phương cao ráo, thanh mảnh miệng nhỏ, mắt sâu, trán cao, ăn nói nhỏ nhẻ là người thông minh. Má nói thằng Hải mới tội nghiệp, tính tình hịch hạc, ruột để ngoài da mà nhiệt thành, lúc nào cũng xởi lởi thưa gởi nói cười với người trên trước. Cãi qua cãi lại, hai má con ngã ngửa ra, ủa, hơi đâu mà nói chuyện của người ta.

Tốt nghiệp trung học xong, anh Tứ Phương xung phong đi bộ đội. Anh đi mà không nói gì với chị Thể, tôi cứ nằng nặc đi theo hỏi tại sao, anh nói, "Thương anh Hai quá, Út Nhỏ à. Mười bốn tuổi ảnh đã thay cha mẹ nuôi anh, quán xuyến trong ngoài, học hành lỡ dỡ…". Tôi ờ há, ờ hen, hiểu rằng "Nhân Phủ" từ khi dựng lên luôn đủ chỗ cho hết thảy mọi người sinh ra ở đó, chỉ vì nặng lòng yêu thương mà anh phải ra đi. Hôm xe đưa quân chạy qua nhà, tôi khóc bù non bù nước, tội nghiệp Phương quá.

Anh Tứ Hải thấy vậy, tưởng đâu tôi đã để lòng yêu, nên coi tôi như em dâu anh vậy, như tôi là người của Nhân Phủ mất rồi. Mấy bữa chị Thể đi chợ, ở nhà kiếm không ra cái tô, cái dĩa anh Tứ Hải cũng chạy qua hỏi tôi. Mà ngộ, hỏi gì tôi cũng biết hết. Bữa Phương gởi thư về, anh Hải rủ tôi qua đọc. Từ đầu tới cuối Phương nhắc tới tôi chỉ một câu chín chữ, "Út Nhỏ có qua nhà mình xin giấm không (?!)", vậy mà anh Tứ Hải vẫn ân cần căn dặn, "Ráng chờ thằng Phương nghen, Út Nhỏ. Ba năm, tưởng dài mà mau lắm". Tôi mắc cười, nhưng giả đò quá hay, thắc thỏm than nhớ thương, cho anh yên tâm.

Ba năm, tưởng dài mà mau, Anh Tứ Hải cưới chị Thể, hai năm sinh hai đứa con gái. Anh Tứ Phương về, ngó chị Thể nuôi con gầy ngẳng, lặng lặng mà đau. Nhiều khi lỡ miệng kêu:

- Thể à…

Chị Thể nhỏ nhẻ cắt ngang:

- Chú Út hỏi chị chi đó?

Anh Tứ Phương cười cười, ờ ờ, tính nói gì mà quên mất tiêu rồi. Nói gì bây giờ, cả cách xưng hô cũng vời vợi ngăn cách rồi. Má tôi nói (giọng như là cảnh cáo tôi vậy), thằng Tứ Phương khác thường, nó trầm tính, sâu sắc, người như vậy thương ai là thương tới chết mới thôi. Tôi rành sáu câu nên đâu có dại, nên nhiều bữa từ bên nhà ngó sang thấy chị Thể lúi cúi thổi lửa nấu cơm trong gian bếp là đà khói, tôi hỏi lòng, có thích vị trí của chị ấy không. Câu trả lời là không.

Rủi quá, ba mươi hai tuổi tôi vẫn chưa lấy được chồng, vẫn chưa yêu ai. Mỗi lần có anh chàng chạy lại coi mắt tôi là anh Tứ Hải buồn rượi, lo chắc tôi thôi chờ em anh rồi, chàng nọ dạt ra, anh sướng quá, cười mười bữa chưa thôi. Má tôi tức lắm, bảo, "Con Út Nhỏ chắc mắc nợ anh em thằng Tứ Hải. Để coi, thể nào mầy cũng ế chồng. Mà, bà ngờ ngợ, con nhỏ ngông này, có thương thằng Tứ Phương thiệt hôn?". Tôi cười, "thiệt đâu mà thiệt, má coi, trên mặt con có vẽ chữ Phương nào không?".

Đương nhiên là không rồi, tình nhân gì hai đứa tôi, tình nhân gì như tôi, ngồi uống rượu với người ta, nghe người ta than thở "anh quên không được chị Thể". Phương ra quân, xin được một chân bảo vệ cơ quan tòa án thành phố, buổi tối, anh phụ chạy bàn cho quán cà phê trước cổng, anh nói, phải kiếm tiền để phụ giúp anh Hai sửa lại nhà. Một năm anh về Phương Điền chừng năm ba lần. "Nhân Phủ" sẽ xáo trộn đôi chút, anh Tứ Hải ghé quán chú Sồi mua rượu, đổ vô cái hủ đựng đầy nhóc xác trái nhàu, trái khế. Chị Thể mua thức ăn ngon hơn, nấu bữa cơm canh tươm tất hơn thường ngày. Mấy đứa nhỏ được chú Út giảng nghĩa những chữ ghi trên mấy tấm hoành phi kia. Hai chữ treo giữa nhà là "Vạn cổ phương", còn kia là "Ái sở thân", kia nữa là "Đức Lưu thiên cổ"… Hai đứa nhỏ ngẩn người ra, vỗ tay cười, chú Út nói sai bét, ba con nói chữ đó là "Anh hùng náo", chữ kia là "Bao Thanh Thiên", còn lưu thiên cổ gì đó, ba nói là "tứ tử đăng khoa" (toàn là tên mấy tuồng cải lương). Tứ Phương nghe, ôm cháu vô lòng, ngậm ngùi thương người vì anh mà chịu nhiều thua thiệt. Rồi chạng vạng, tôi qua, cả nhà mở tiệc. Trẻ con no bụng chạy đi mở ti vi coi, còn lại bốn người cùng nhau uống rượu tới khuya xa. Mà không, chỉ ba người uống, còn chị Thể thì ngồi lui ra sau chừng năm ba thước như xưa rày vẫn vậy (tôi ngờ rằng cũng ở vị trí đó, một hôm chị chọn được người trăm năm của mình), lặng lẽ, cười cười. Cũng cảnh này, người này nhưng trong lòng đã đánh mất sự bình yên, trong trẻo xưa rồi. Tôi nói, nghe bù xè nhai gỗ trèo trẹo buồn thiệt. Anh Tứ Hải bảo, ngói trên mái nhà lăn lóc cóc xuống máng xối kìa. Anh Tứ Phương chắc lưỡi, anh mới kiểm tra chừng một chục cây cột, thấy vậy chớ mấy cái ngàm mục hết rồi, chắc là không chịu được bao lâu nữa. Rồi nghĩ, mai mốt không còn căn nhà cũ kỷ này, biết lấy gì mà nói với nhau?

Vì vậy mà phải giữ, quyết giữ nhà cho bằng được. Yêu và đau đã làm cho anh em họ nhọc nhằn ở bên nhau thì căn nhà cổ với những kỷ niệm ngọt ngào ngày thơ ấu níu lòng họ lại.

Tôi mấy bận khổ lây, có bữa mưa gió lớn, bỏ nồi cơm nấu dỡ chạy qua, thấy anh Tứ Hải một tay vịn quần một tay chạy đi đốn cây chống đỡ, tôi nhào vô cùng chị Thể lấy dây chằng mấy cây cột cái. Rồi bưng thau đi hứng dột, rồi tiếp chị đùn mấy bọc nước trên nóc mùng. Lúc về tới nhà nhìn tôi loi ngoi ướt, má chép miệng, giọng như mỉa mai, như hờn tủi "Ông bà mình nói có sai đâu, con gái là con người ta …". Tôi cười, nhìn má, "trời ơi, má nói kỳ, hàng xóm với nhau, rảnh thì giúp", mà lạ, sao tôi nhìn thấy mình trong mắt má lại lủi thủi, đáng thương thế kia.

Không biết có phải vì vậy mà má tôi trở nên buồn bực. Có bữa đi dự đám cưới ở cuối xóm về, thấy tôi đang ngồi lặt bông so đũa, má cay đắng hỏi "mầy bây giờ già đầu rồi, còn ngóng ra cửa trông ai nữa?". Đâu, tôi cãi lại, con ngó mấy cái bông mà. Rồi má thở dài, "Sao lóng rày, thằng Tứ Phương ít về…". "Kệ thằng chả, má ơi", tôi đáp, chợt nghĩ, ừ, thì cũng lâu rồi anh Tứ Phương không về. Những lần xe đò cho khách xuống "Nhân Phủ" trước thì nhặt, bây giờ thưa lắm. Có về, anh Tứ Phương cũng ở lại nhà chừng hai ngày rồi đi, anh nói với tôi, ở lại một bữa là lòng đau một bữa. Tôi gật gù, ờ, em hiểu chớ sao không. Hai đứa tôi ngồi đâu đó (chỗ mà ai cũng nhìn thấy) nói chuyện chơi, có lúc, chẳng cần nói gì. Tôi cố gắng đóng vai trò cô em gái nhỏ như lúc còn bò lủm đủm, anh bồng đi mua kẹo cho ăn, như lúc tám chín tuổi anh chặt giùm bó đũa chơi chuyền, như lúc mười bảy tuổi, hai anh em chở nhau ra chợ thị xã, chọn đẫm mồ hôi mới được cây kẹp tóc cho anh tặng người yêu…

Anh đi rồi, tôi nói với má, "Trời ơi, ngồi với thằng chả mỏi lưng quá, má coi, yêu đương chi cho mệt vậy không biết, bởi vậy, con đâu có thèm. Mà, sao ảnh không quên chị Thể phứt cho rồi, để con khỏi mắc công nghe than thở". Rồi nghĩ, mai mốt đi lấy chồng, ai ngồi chia thương sẻ nhớ với anh, hả Phương.

Lụi hụi rồi gió lại đổi mùa. Tôi gà gật ngồi cho con bé Tho giết trứng tóc. Nó kêu trời ơi, cô Út Nhỏ, cô có tóc bạc rồi nè. Chú Út con cũng có, nhiều lắm. Mà, chú Út con sắp cưới vợ rồi. Tôi hỏi, vậy hả, vậy hả, vậy sao. Dạ, con bé nhỏ nhẻ, con chưa biết mặt, con hỏi giống ai, chú nhìn vòng vòng một hồi, mới nói, cổ hơi giống má. Tôi bảo, ờ, giống má con cũng được, vừa đẹp vừa hiền. Rồi nghĩ, sao mình không có gì giống chị Thể hết vậy ta, tệ thiệt.

Nhưng giống mà làm gì? Anh chị Tứ Hải qua nhà, cúi đầu chịu lỗi với má tôi, nói vì người của "Nhân Phủ" mà tôi phải chịu lỡ dỡ. Tôi cười nắc nẻ, cười ha ha ha, nói, "Em với anh Tứ Phương giả đò đó, tụi em đâu có tình cảm gì". Mà, dường như họ không tin, chị Thể nắm tay, nhìn tôi chua xót, còn anh Tứ Hải trầm ngâm ngậm một bụm khói thuốc, quay mặt thở dài. Nhìn thái độ anh chị vậy, tôi tính, điệu này chắc mình cũng phải buồn một chút. Nhưng không phải buồn Phương lấy vợ, tôi buồn là vì chiều nay, Nhân Phủ đã sụp đổ trong lòng.

Rồi họ, và cả má tôi đều bảo tôi khóc đi.

***

Chiến tranh, theo tôi biết, có nhiều người nhói đau khi nhắc về nó.

Những huấn chương huy chương chỉ làm ấm ngực, niềm đau khuất ở một góc lòng, có kẻ nhìn thấy, có người không…

***

# Truyện 7. MỐI TÌNH NĂM CŨ

Đoàn làm phim tài liệu về nhà báo liệt sĩ Nguyễn Thọ tạm trú ở trụ sở ấp văn hóa. Họ đã ở lại Mỹ Hưng thêm năm ngày, nhưng vẫn chưa mời được dì Thấm tham gia. Trần Hưng, tác giả kiêm đạo diễn phim, vốn là người kỹ tính, cầu toàn, anh bảo, làm phim Nguyễn Thọ mà không quay được chân dung người yêu ông, mối tình năm cũ của ông thì thà ở nhà chăn heo cho vợ còn sướng hơn. Nên cả đoàn phải nán chờ trong căn nhà bỏ phế bấy lâu, đất nền bị heo ủi lục cục lòn hòn, bìm bìm leo xanh rờn một bên rèm cửa.

Mấy ông già trong xóm lại thấy cảnh tình nheo nhóc, thở dài, tụi bây ở lì vậy không biết có ăn thua gì hôn đây, thằng Mười - chồng con Thấm - tánh tình khó khăn, ngang ngược, hổng giống ai…

Nên chỉ con người này thản nhiên khi thấy đài truyền hình Xê Tê tới, thản nhiên biểu vợ từ chối. Ngoài ông Mười ra, ở đây, ai cũng muốn được vô phim để kể về một Nguyễn Thọ anh dũng, tài hoa, đứa con thương nhớ của vùng đất Mỹ Hưng này, cho nói chút xíu thôi cũng được. Với Nguyễn Thọ thì làm phim nhiều tập mới xứng, nhóc chuyện. Hai mươi sáu năm rồi, nhưng mỗi ông già bà già đều nhớ thằng Thọ về lần nào cũng chui vô bếp lục cơm nguội ăn với mắm sống, có bộ đồ nhuộm pin đèn mặc chết bỏ luôn. Mấy ông bạn cùng tổ công tác vừa đọc truyện Mối tình nho nhỏ của Nguyễn Thọ vừa khóc, “Hỏng có nhà văn nào được như nó, viết truyện ngắn mà ai cũng mê, thuộc lòng như bài ca cải lương, đám cưới, đám giỗ, đám ma đều đem ra làm văn nghệ được hết”. Có ông khóc tồ tồ, “Cuống rún thằng Thọ còn chôn ở đất này mà tụi ác ôn không biết đã thủ tiêu xương cốt nó ở đâu?”. Trần Hưng rất hài lòng với những đoạn phim vừa thu được, nó nổi bật lên phần đời của người chiến sĩ này, giản dị mà cao quý, bình thường mà phi thường. Và chỉ thiếu một câu chuyện tình nữa thôi, một chân dung nữa thôi, bộ phim sẽ sâu sắc, xúc động lắm. Chỉ cần dì Thấm thôi.

Nhưng đã cầu cứu chính quyền, thằng Thảo từ bên ngoại dong về năn nỉ má nó, lớp trưởng bối ở xóm cũng lại bảo, “Thằng Mười mày cho con Thấm nó đi một lần nữa thôi. Chuyện làm phim phiếc này nọ coi vậy cũng là làm việc nước” nhưng ông Mười vẫn nín thinh, ngồi vấn thuốc, uống trà, nhìn xa xôi. Mấy ông già dội ra, chống gậy te te về, bụng chửi, cái thằng, coi mặt chữ điền bự vậy, cái miệng rộng vậy mà ích kỷ, hẹp hòi. Nó không cho con Thấm đi chắc tại ghen chớ gì. Thằng Thọ chết ngắc rồi mà còn ghen.

Bảy năm trước, lúc ông Mười đem hết thảy bốn chín cái thư của Nguyễn Thọ gửi dì Thấm đi đốt hết, cũng không ai cản được. Mấy ông viết sử của tỉnh kêu trời, đồng đội đồng chí của Nguyễn Thọ cũng kêu trời, phải chi còn, đem in vô tập những bức thư tình hay nhất (mặc dù chưa ai được xem Nguyễn Thọ viết ra làm sao). Nhưng thư đã thành tro rồi, ông Mười nói ông không cần biết chuyện giữ gìn bút tích của Nguyễn Thọ để làm tư liệu lịch sử, lưu lại cho thế hệ

mai sau gì hết, ông thấy chướng mắt nên đốt, có bậy thì đem ông bỏ tù đi.

Nhưng có ai bị bỏ tù với lý do lãng xẹt như vậy đâu. Chỉ thằng Thảo, con của dì Thấm và Nguyễn Thọ, là buồn lòng, bỏ về ngoại ở. Dì Út Thía không chồng ôm đứa cháu nhỏ vô lòng, biểu mai mốt lớn rồi cháu hiểu. Có gì mà phải đợi lớn, hồi đó tới giờ, thằng Thảo có chọi chết gà nhà nào, có bẻ trộm trái ở vườn ai, bà con đều xuề xòa bỏ qua, nó là con Nguyễn Thọ mà, tội nghiệp… Họ còn bảo ở ngoài tỉnh nhiều đứa cậy ông cha mình có công còn làm chuyện bậy dữ hơn nữa kìa… Chỉ có ông Mười là răn đe, dạy dỗ, ghìm nó như ghìm con ngựa bất kham. Thằng Thảo trở nên đàng hoàng, tử tế, nhưng gặp bất cứ chuyện gì, trong lòng nó cũng có vết tì, tại mình hỏng phải là con ruột của ổng… lâu ngày, ý nghĩ ấy đầy như nước lên tròm trèm trên mặt đập. Và khi ông Mười ngồi dựa cái cà ràng đốt xấp thơ của ba Thọ, nước đã vỡ bờ, nó lầm lì xếp hai cái quần cụt với mấy cái áo bỏ xuống bến đón tàu. Dì Thấm không thể giữ nó lại. Ông Mười lặng lẽ ngồi đốt thuốc, ngó cái lưng tôm của thằng Thảo dưới bến, lòng trĩu như đeo đá. Ông thương nó bằng chang con ruột ông đó chớ. Bây giờ nó không hiểu, chừng nào nó lớn, yêu thương ai đó, nó sẽ biết mà. Thằng Thảo đi rồi, nhà thành ra nặng nề, dì Thấm, người hiểu ông Mười nhất cũng giận, không thèm nói chuyện, có gọi thì cũng trổng không.

Chuyện nguôi nguôi đi, nhà vẫn buồn, nhưng ông Mười không đau lòng như những bữa từ ngoài ruộng về, ông nhìn thấy vợ cầm xấp thư ở góc nhà, ngồi khóc lặng. Ông thương vợ, cứ nhớ hoài vầy thì đời được mấy ngày vui. Ông đem thư đi giấu trong kẹt bồ lúa, dì vẫn tìm ra, vẫn những bữa đi đâu xa về, dượng thấy đôi mắt vợ mình sưng húp. Buộc lòng ông đem thư đi đốt. Chỉ còn cách đó mới tìm lại nụ cười nhẹ nhõm đậu trên khuôn mặt nhẹ nhõm, vô tư lự như những ngày dì Thấm mới mười tám, hai mươi.

Cả đời, ông chỉ mong người trong nhà hiểu mình chứ trông gì người thiên hạ. Với cái tánh lầm lì, lạnh lùng, ít nói, có nói cũng chậm rãi, huỡn đãi, thật khó để bộc bạch mình trước người. Về Mỹ Hưng với dì Thấm từ sau giải phóng, ông chưa cãi cọ, mếch lòng ai, suốt ngày chăm chút cho mảnh ruộng miếng vườn, cho bốn đứa con vừa chung vừa riêng nhưng đất quê vợ mãi mãi không yêu ông như một đứa con ruột thịt. Vì ông lấy người yêu duy nhất của Nguyễn Thọ làm vợ (đáng lẽ phải để dành), rồi sau đó không cho vợ đi dự những cuộc họp mặt, hội thảo về Nguyễn Thọ (làm vậy không phải là quay lưng với quá khứ sao?) và cũng vì cách ông dạy thằng Thảo (đáng lẽ con của Nguyễn Thọ phải được nâng niu, chiều chuộng). Mặt mày thì đen sì, không biết vui hay buồn, già đầu rồi chưa nói câu nào nghe ngọt ngào với vợ. Ông Mười nghe, buồn quá mà cười.

Ngay bữa đầu Hưng đến, vừa bảo làm phim về Nguyễn Thọ ông Mười đã chụp cái nón lá lên đầu, bảo phải đi cưa củi. Hưng nấn ná lại với dì Thấm, hỏi dì có ngại không khi kể một chút về Nguyễn Thọ, đoạn ổng với dì yêu nhau ấy mà. Dì cười, ngẩng lên, khóe miệng nhẹ tênh, lắc đầu. Dì không ngại, với làng xóm láng giềng và cả với chồng. Thương người tử tế như anh Thọ

thì ngại gì với bà con, lấy ngay thằng ác ôn nào mới mắc cỡ chớ, còn với ông Mười, dì kể rồi, bộc bạch hết chuyện xưa rồi, từ hồi hai người gặp nhau ở nhà máy chà Xã Chọt. Dì thuật tường tận những chỗ hai người gặp nhau, cả những lời thề hẹn. Dì rót trà mời Hưng, rồi bần thần nhìn ra sân, chỗ ông Mười hì hụi kéo cưa một mình, lưng đẫm mồ hôi, dì bảo, thiệt tình tui hỏng có gì giấu ổng đâu, nhưng chuyện hồi đó với anh Thọ… tôi nhớ hỏng hết. Già rồi…

Khách ra về thì trời đổ mưa, mưa mà nắng vẫn chang chang trên đầu, trời hầm hập nóng, dì Thấm đi te ra chỗ đống củi, tần ngần nhìn chồng một chút rồi đằng hắng. Ông Mười không ngẩng lên. Dì lại e hèm, ngoảnh nhìn quanh quất, kiếm chuyện để nói:

- Củi bằng cườm tay để tui bửa cũng được, ông cưa chi mắc công hôn?

Ông không ngẩng lên:

- Mắc công gì, mớ bình bát này khô quá, tôi có bửa thử, nghe dội búa, sức tôi còn vậy, ốm yếu như bà sao chịu nổi.

Dì không nói nữa, ngồi dưới gốc ô môi, bới lại cái bới tóc nhỏ teo ngắt như trái cau. Ông Mười chợt ngẩng lên, đưa khuỷu tay lau mồ hôi chảy tràn trên mặt, hỏi:

- Tính đi không?

- Không. Đi gì mà đi, lu bu muốn chết. Lên phim hỏng biết nói cái gì, hư truyền hình của người ta.

Giọng dì tỉnh rụi, như để bảo chồng đừng lo, chuyện phim gì đó dì không để bụng, không thèm quan tâm đâu.

Tối sau Trần Hưng rủ thêm vài người tới nhà dì Thấm, anh không quên xách theo chai rượu với mớ khô cá kèo mua đằng đầu xóm. Anh nghĩ con người này không dễ thuyết phục đâu, đem rượu lại coi có mở lòng ổng ra được không. Nhưng anh lầm, càng uống ông Mười càng im lặng. Nhậu đã đời cả đám cà xình cà xang về chỗ trụ sở ấp văn hóa mà không nói được gì hết, không thể nói. Trần Hưng nằm ngẫm nghĩ, thấy vừa rồi mình giống như con diều hâu ngồi nhậu với một con gà trống đang xù lông thủ thế bảo vệ vợ con nó.

Lần thứ ba Trần Hưng lại nhà dì Thấm, anh đi một mình. Và thêm một chai rượu nữa. Anh thôi làm diều hâu mà là một con gà trống hiểu biết khác, anh nói anh tới để từ giã, ngày mai đoàn phim về để làm hậu kỳ cho kịp ra mắt Ngày Báo chí Việt Nam. Anh cười xòa, bị trắc trở như vầy cũng buồn, nhưng không sao đâu, có lần đi làm phim tụi tôi còn bị người ta vác dá rượt. Làm công việc này có lúc cũng đi moi móc nỗi đau của người khác ra, giày đi giày lại… Tôi cũng thương vợ như anh Mười đây, nhìn thấy vợ nó đau khổ, buồn bực chuyện gì, tôi cũng xót ruột lắm. Đôi mắt ông Mười dịu lại, ông xoay mãi ly rượu trong tay, rồi hớp từng hớp một, từ tốn như uống trà. Một hồi Hưng khật khờ đứng dậy từ giã, ông Mười mới lên tiếng, “mai vợ

chồng tôi lại". Hưng nghe mừng như đánh lô tô trong bụng, thì ra trên đời này, ai cũng khao khát gặp được tri âm, gặp được người hiểu lòng mình.

Sáng sau, ông Mười lấy xuồng đưa dì Thấm theo kinh Cỏ Chát ra Gò Cây Quao. Nghe chồng biểu thì đi vậy chớ lòng dì Thấm cũng bần thần. Cuối vàm con kinh này là nhà ngoại dì Thấm, nhưng lần nào qua cúng giỗ, dì đều chèo vòng qua kinh Nhà Lầu để về. Bởi vì mỗi lần đi ngang, dì đều không nén được nỗi đau. Dưới kinh ngó lên, có thể thấy chòm cây xanh rì giữa đồng khơi. Ở đó, hồi xưa là chỗ hẹn hò, dì quen thuộc từng bụi cây ngọn cỏ, từng bờ đất. Nguyễn Thọ cũng đã hy sinh ở đó, chỗ mé đìa lục bình, bên cây quao cụt ngọn.

Vì vậy mà Trần Hưng mới dắt mọi người ra Gò Cây Quao để quay cảnh kết, anh còn chu đáo rước cả thằng Thảo về. Đất đồng mùa này đã cày, bờ mẫu chơ vơ những bụi cỏ ống, bụi rạ bị đốt cháy nham nhở. Một đoàn người lặc lè đi dưới cái nắng tháng ba như chó le lưỡi. Ông Mười ngồi lại dưới xuồng, đốt thuốc, đăm đăm ngó khói lên trời.

Tới chỗ chòm quao lớn giữa đồng, họ dừng lại. Trong khi đoàn làm phim đang chỉnh trang máy, chọn góc quay, mọi người xúm lại cái cây có nhiều vết đạn nhất, kéo thằng Thảo lại, nhắc chuyện cũ mèm, "Hồi đó ba mày núp ở đây nè, một mình nó ở lại chặn cho tụi thằng Ninh dẫn đám thanh niên rút. Để coi hồi đó inh là là tháng năm hen, anh Tám, cả xóm lúc đó cà núp cà ló vừa dòm chừng máy bay vừa cấy lúa…". Dì Thấm cứ lấn bấn không biết đứng đâu, ngồi đâu. Thằng Thảo kéo tay dì, tí ta tí tởn: "Ba Thọ chết ở đây nè má, lại coi đi". Dì rầy, có gì mà coi. Trần Hưng lôi ra trong túi áo xấp hình Nguyễn Thọ đưa dì Thấm, đây là tư liệu quý giá nằm trong mớ hồ sơ bên Mỹ mới gởi ngược về. Trên những tấm hình trắng đen cũ kỹ hiện lên một hình người nằm cạnh cây súng đã gãy (nghe nói chính anh đập gãy sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng). Một vuông ngực vỡ toác. Đôi mắt và đôi tay bị bọn ác ôn băm nát… Dì Thấm run rẩy nhìn những bức hình, hức lên một tiếng rồi rũ xuống như tàu chuối héo.

Trần Hưng chỉ chờ có vậy, anh là tay trùm trong việc dẫn dắt cảm xúc, anh hối người quay phim hướng vào khuôn mặt của dì Thấm đang đầm đìa nước mắt. Trời ơi, cảnh này xúc động lắm, chân thực lắm, mấy nhỏ diễn viên chuyên nghiệp nhìn đây mà học. Trong một tích tắc, thằng Thảo lặng đi, nó nhìn không ra, không hiểu được người mẹ hồn hậu mủ mỉ hay cười của nó mới đây bỗng biến mất đâu rồi chỉ còn lại một người đang quay quắt đau thương, vắt kiệt mình như cọng rạ cuối nắng.

Mãi dì Thấm không mở lời nói được, chỉ khóc là khóc, nức nở ồ ồ, nhìn cảnh mọi người xúc động, hỉ mũi rột rẹt nhưng không ai bước ra dỗ cho dì nín. Cho đến khi ông Mười xuất hiện, ông bảo, "mấy chú làm ơn dừng lại một chút" rồi cầm cái khăn rằn lau nước mắt cho dì Thấm, dì như trẻ con, lau khô rồi nước mắt lại trào ra. Ông Mười vẫn nhẫn nại chậm chiếc khăn lên khuôn mặt chớm già của dì, không nói gì hết, khuôn mặt bì sì của ông hơi dúm lại, dường như

ông cũng đau lắm, xót lắm.

Cậu quay phim hỏi, quay nữa hôn, Hưng gật, xong lắc đầu, thôi, cảm thấy mình hơi có một chút nhẫn tâm.

Cuối tháng sáu, phim được chiếu trên truyền hình, phim thiệt là hay, thiệt xúc động, chân thực, đúng với phong cách Trần Hưng. Tất nhiên, phim không có cảnh ông Mười lau nước mắt cho vợ, nhưng những người có mặt chứng kiến buổi quay phim hôm ấy, cả thằng Thảo, là nhớ, cứ mỗi lần màn hình lướt qua vẻ mặt đau đớn, đẫm nước mắt của dì Thấm, họ lại nhớ tới một chiếc khăn, một bàn tay thô, một tấm lưng rộng. Họ suy nghĩ…

***

Hồi nhỏ tôi có nhiều mơ ước kỳ cục lắm. Thí dụ như lớn lên tôi sẽ làm chủ tịch nước, hay lấy một ông già làm… chồng. Già như ông ngoại tôi vậy. Lúc nào cũng chậm rãi, cùng hiền hiền, cũng trầm lặng, cũng tràn đầy bao dung (một ông chồng giống như vậy đáng mong chờ lắm chớ bộ). “Ảnh hưởng” lớn nhất có lẽ vì ông luôn nhặt mấy cây sậy… giập để đánh khi tôi phạm lỗi và dành cho tôi những con tép, con cua lớn nhất, trong chén luôn đầy ắp phần nạc của thịt, cá… Tôi nhớ, cứ đôi ba ngày, ông ngoại lại nhấp nhổm cồng cồng trên chiếc xe đạp cũ hiện ra chỗ rẽ vào hàng dâm bụt trước nhà tôi. Ông hiện ra với dáng vẻ của một ông tiên không có phép thuật thần kỳ, nghèo, mắc đọa. Mồ hôi chảy nhễ nhãi trên gương mặt già nua, mồ hôi đầm đìa lưng áo, ông phều phào vừa thở vừa cười nhìn đám cháu xúm xít lục lọi mớ đồ ăn trong giỏ ra. Những trái vú sữa, khế, mẵng cầu… không khi nào còn nguyên vẹn do bị dằn xóc trên đoạn đường gần mười cây số nhưng với đám cháu nghèo, đó là tất cả nỗi vui.

Những ước mơ ngày xưa như bong bóng lên trời nhiều khi vì lý do lãng xẹt. Lớn lên tôi nhận ra người già quá nhăn nheo, không được… đẹp (trong khi có nhiều thằng con trai hấp dẫn, trắng trẻo thẳng thớm phát mủi lòng).

Cũng tiếc lắm chứ, cái tình đằm thắm, sâu lắng của những người già. Hay là tôi thi vị hóa cuộc sống của họ, lo chiến đấu với tuổi tác, bệnh tật mệt muốn đứt gân, hơi đầu mà yêu iếc…?!

***

## Truyện 8. CUỐI MÙA NHAN SẮC SẮC

Ông già Chín nói nghề bán vé số của ông thấy vậy mà có ý nghĩa ghê lắm, vì đem lại hy vọng cho người ta, vì đem lại sự giàu có cho người ta (nếu trúng số), và nghề này có ý nghĩa nhất là trên những dặm đường phiêu bạt, ông tìm được cô đào Hồng.

Ông già Chín đi theo gánh thè của đào Hồng qua ba con đường Già rồi, mắt mũi kèm nhèm, bốn mươi sáu năm, dễ dầu gì mà nhận ra nhau. Lòng cứ nghĩ, hình như lâu lắm rất quen nhau, nhất là cái giọng rao chè như hát, từ đôi môi đã héo queo cất lên, cong vút, ngọt ngào mà nghe mịn màng từng âm từng chữ. ông Chín bàng hoàng nhận ra đào Hồng dù nhan sắc ngày xưa của bà không còn nữa, mặt nhăn nhúm, nám đen, cái cổ cao ngày trước bây giờ gần như đổ gục vì gánh cái gánh tâm tư mà cuộc đời chồng chất. ông kêu hai tiếng "Cô Hồng!" mà nước mắt rớt cái độp ông Chín nắm tay bà, biểu đi với ông, hỏi đi đâu, ông nói, về nhà "Buổi chiều". Bà nói để bà lấy chút đồ, ông bảo khỏi, thì cuộc đời bà còn gia sản nào ngoài gánh chè oằn nặng trên vai, một cái chòi lá rách te tua cất trên ao bèo cuối hẻm.

Nhà "Buổi chiều nằm ở tận cùng con hẻm Cây Còng. Hẻm cụt. Nhà toàn người già, là chỗ trú ngụ cho những nghệ sĩ cải lương, nghệ sĩ hát bội một thời vang bóng. Tính ra, chỉ có ông già Chín Vũ là vô danh tiểu tốt, nhưng ông là một trong những người sáng lập ra nhà "Buổi chiều", tự ông còn đặt tên cho nó. Hỏi sao không gọi là "hoàng hôn" hay "chạng vạng" gì đại loại vậy, ông bảo, buổi chiều còn nắng. người nghệ sĩ còn có ý nghĩa sống trên đời. Nhà "Buổi chiều nghèo, chi phí dựa vào kinh phí từ trên quận, từ lòng hảo tâm của bà con gần xa, cơm bữa nhiều ơi là nhiều rau mà ít xịu thịt. Vậy mà ai nấy đều vui, bởi cuộc sống trước đây của họ còn nghèo hơn. nghèo không thể tả, nghèo rớt mồng tơi, người ở chùa, người bán vé số, người ngủ công viên, người hát rong, ít ai có nhà để về. Sum họp ở "Buổi chiều", có khổ một tí mà còn được hát. Nghệ sĩ mà, miễn được hát, miễn mà hát có người nghe là sướng rồi.

Để kiếm chút đỉnh tiền phụ thêm thịt cá cho bữa ăn, ông già Chín đi bán vé số, vừa có tiền vừa tìm tung tích của anh chị em đang còn lưu lạc. Đào Hồng lại gánh chè đi tận hang cùng ngõ ngách. Thấy mọi người ái ngại, đào Hồng bảo, "Cứ để em làm, em với anh Chín còn trẻ, còn sức khỏe…". Nói trẻ là trẻ ở trong nhà "Buổi Chiều chớ ông Chín Vũ đã bảy mươi, đào Hồng cung sáu mươi bốn. Buổi sáng. ông Chín gánh gánh chè đưa đào Hồng ra đầu hẻm. dừng dưới gốc cây còng già cóc già kiết, già tới mức nó hỏng thèm trổ hoa nua. ông già trao đòn gánh lại cho bà, Tồi đứng tần ngần nhìn bóng bà xa dần trên đại lộ, tiếng rao chè buổi sớm nghe ngọt lịm. vút cao. Sau lưng bà, còn thấy mấy tờ giấy gói bánh mì ố màu nước cà bay xà quần trên đường rồi sẵn gió đi tao tác. ông già tạt vô quán cà phê chú Tư Bụng, kêu "mấy đứa bưng cho tao năm trăm đồng trà nóng coi". Có người hỏi, sao bữa nay không uống cà phê. ông Chín Vu cười cười, lắc đầu, cười tiếp với cái vẻ không muốn nói mà thèm nói quá trời đi:

- Để dành tiền mua cho cổ chai dầu thơm.

Ông già trịnh trọng thì thào. Cả quán rộ lên cười:

- Già mà còn yêu.

- Mắc yêu thì yêu - Ông già cự lại, vẻ mặt sương sương không giận gì ai - Bây thì biết gì, tình xưa đó, mà mình thương người ta mà người ta đâu có thương mình.

Cạn bình trà, ông già dằn tờ giấy bạc năm trăm dưới đít ly đứng lên xếp ghế lại ngay ngắn, từ tốn rút trong túi ra xấp vé số dày, trước khi đi ông quay đầu lại:

- Tối nay lại chỗ tao coi cải lương, nghe bây.

- Tối nay tuồng gì, chú Chín?

- Lữ Bố hí Điêu Thuyền.

- Í tuồng đó hát rồi. Hát Nửa đời hương phấn đi.

- Bây nói sao tao chiều vậy, mà tuồng đó tao có nhớ miếng nào đâu.

- Chú cần gì nhớ, chú toàn đóng vai quân sĩ với người hầu không à. Có hát hò gì đâu.

Ông già cười khà khà, quay đi, cái lưng cong cong gù gù từ từ mịt mù.

Người trong hẻm không ai làm nghề viết văn nhưng đã biết mình nhớ cái gì khi đi xa nó, nhiều lắm, nhiều không thể kể, nhưng trong đó, chắc chắn nhớ tiếng hát là đà tỏa ra từ nhà buổi chiều.

Những con người tính từng ngày qua để lắt lay thêm một tuổi nữa, vậy mà hát coi cũng ngon lành. Sân khấu là cái hàng ba trông ra sân rộng, luống nào trồng bông sao nhái, bông mười giờ thì trồng, chỗ trống dành cho bà con ngồi. Dàn đờn gồm cây ghi ta thùng, cây nhị cũ mè. Không micrô, nghệ sĩ ca bằng giọng của trời cho, nghiệp đãi. Đào Phỉ tám mươi chín tuổi, đứng không nổi, diễn vai gì cũng ngồi trên ghế, ngồi trên ghế mà lẫy roi sải ngựa coi lạ hết biết. Có bữa bà lỡ ca rớt nhịp, ngồi than: "Kiểu này chắc tui sống hổng thọ quá". Bà con trong hẻm cười cái rần, "sống tới cỡ đó còn than hổng thọ nỗi gì". Ông già Chín không biết hát hò gì, chạy đi chạy lại, lúc thì nhắc cái ghế cho đào Phỉ, lúc thì trèo lên thay cái đèn đứt bóng tối thui, kêu quân sĩ đâu thì ông dạ, chỉ khi đào Hồng hát, ông mới ngồi nép vào đám bông lồng đèn nào đó lặng người đi, thấy đào Hồng nhớ đào Hồng, thấy đó mà nhớ đó.

Ông già Chín Vũ biết đào Hồng từ năm bà mới hai mươi mốt tuổi. Bây giờ hỏi gia cảnh ông ngày trước như thế nào, ông chỉ cười, không nói. Nụ cười nhẹ nhàng trôi trôi, chừng như ông không luyến tiếc gì. Nghe nói, hồi đó, nhà ông giàu có khét tiếng xứ Bạc Liêu. Ông là cháu nội đích tôn của hội đồng Nguyên. Từ nhỏ, gia tộc đã dành sẵn cho ông một cuộc sống no đủ, giàu sang mà không phải làm gì, cả nhà chiều chuộng. Được cái là ông hào sảng, rộng rãi

thương người từ tấm bé. Bữa cúng đình ông mời gánh hát Sài Gòn về hát chơi. Ông thương đào Hồng từ cái giây phút đầu tiên. Người đâu mà đẹp quá chừng, đẹp tới đứng tim người ta. Đào Hồng chưa uống cạn ly trà ông đã hỏi thẳng, không cưỡng lòng được: "Vậy chứ cô Hồng có muốn lấy chồng chưa?". Đào Hồng cười: "Tôi đã nguyện với Tổ cả đời theo nghiệp hát". Chín Vũ nghe vậy, thôi không nói nữa, nhưng vẻ mặt suy tính dữ lắm. Hôm sau, khi gánh Kim Tiêu trở lại Sài Gòn, có ông công tử bỏ nhà, bỏ phú quý đi theo. Không biết hát hò, tướng mạo cục mịch, nhỏ con, ông không được lên sân khấu. Kêu quân sĩ thì ông dạ, kêu "bây đâu" ông cũng dạ, tối ngày lụi hụi kéo màn, dựng cảnh. Ăn cơm quán, ngủ sàn diễn. Cực mấy cũng chịu, miễn là ngày ngày được nhìn thấy đào Hồng đi ra đi vô, đào Hồng hát. Ông vẫn thường khì khịt bảo rằng mình bị Tổ nhập, ba ông hoàng tử Càn, Chơn, Chất đó, cũng vì đam mê nghệ thuật sân khấu mà bỏ cung son, trốn tránh triều đình, cuối cùng chết trên cây vông nem đó, thấy chưa. Có người cười, thằng Vũ bị tình nhập chớ Tổ gì nhập vô nó nổi. Nghĩ lại, tỷ dụ có cái gọi là kiếp trước, hẳn kiếp trước ông Chín nợ bà Hồng cái gì đó, lớn lắm, nên kiếp này, ông trả hoài, trả không hết.

Ông Chín đã cùng đào Hồng đi qua những năm tháng cơ cực, đắng cay. Đào Hồng có thai, ông bầu dọa đuổi, ông Chín đứng ra năn nỉ, biểu: "Em lỡ dại…". Ông bầu hỏi: "Của mầy à?". Ông Chín cười: "Dạ, của em chớ của ai". "Chắc không?". Ông bảo chắc mà lòng buồn rượi, đâu phải đứa nhỏ trong bụng đào Hồng là của ông. Ông biết ba đứa nhỏ là ai nhưng không tiện nói. Vì đào Hồng bảo: "Có biết, xin anh Chín cũng đừng nói, tội nghiệp, ảnh còn nhiệm vụ, còn công việc quan trọng phải làm". Cô hẳn yêu người ta lắm, nên một mực bảo vệ cho người ta. Sau nầy, con đào Hồng một tay ông giữ, ông bồng. Ông dạy nó kêu ông bằng ba, đào Hồng nhìn ông rơi nước mắt. Đó là sự biểu lộ tấm thịnh tình đầu tiên mà đào Hồng dành cho ông suốt hai năm đi theo đoàn Kim Tiêu.

Không khí Sài Gòn bắt đầu khê đặc mùi chiến tranh, buổi sáng, ngồi quán uống càfê mà toàn nghe sặc sụa từ đám quân cảnh mùi thuốc súng. Cũng một buổi sáng, ông Chín bị cảnh sát gô cổ trói đem đi. Cái thời sao mà bất công, tai bay vạ gởi, quân cảnh thấy buồn bắt người chơi cho vui vậy. Tụi nó nghe có người tố cáo đoàn Kim Tiêu có Việt Cộng nằm vùng, coi đi coi lại không thấy ai có lý do vô đoàn lạ như ông. Tụi nó hỏi: "Vậy đang sống giàu có đi theo đoàn làm gì?". Ông mắc cười thiếu điều nhỉ nước đái, cái tụi nầy, mình nói mình lưu lạc tại vì mình thương đào Hồng chắc gì tụi nó tin, tụi nó có biết tình người là gì đâu. Mười ngày sau, ông được thả. Chỉ mười ngày thôi nhưng phải đợi đến nửa đời sau ông mới gặp lại đào Hồng.

Gánh hát rã nhanh, đào Hồng không đợi ông về. Nghe bà con bán đậu phộng, thuốc lá trong rạp kể lại, kép Thường Khanh bị quân cảnh bắt, đào Hồng ôm con bỏ trốn, ở lại chỉ sợ vướng cô rồi lòng người cô yêu lung lạc. Ông Chín quay quất đi tìm, mà người thì tản lạc đâu đâu. Nhiều lúc ông Chín tự hỏi, làm sao đào Hồng có thể sống nổi đến từng ấy năm mà không

có ông đỡ đần một vai gánh mỏi.

Sau nầy, về nhà Buổi chiều, có đêm trăng sáng, ngồi bên rổ khoai lang luộc, đào Hồng có kể chuyện mình. Mọi người chung quanh đều sụt sùi, sao mà hoàn cảnh của nó y hệt mình vậy cà, hổng lẽ đời đào hát là phải vậy. Có người không lấy chồng cho thỏa nghiệp, có người như đào Hồng có con rồi, vì mê hát, vì chiến tranh mà gởi con cho người ta, đến nước nó không thèm nhìn mình nữa. Ông Chín Vũ ngồi rầu rầu, hậm hực. "Biết vậy hồi đó tui bóp mũi nó cho rồi". Đào Hồng bảo: "Anh Chín đừng nói vậy em thương nó không hết chớ có trách nó bao giờ. Có lúc em nghĩ, con nó có nhìn em cũng không chịu, mình nghèo quá làm gì lo cho nó nổi hả anh?" Bà không bao giờ nhắc tới Thường Khanh như chưa từng quen biết con người đó trong cuộc đời. Nhưng những nỗi nhớ niềm thương chắc còn day dứt trong lòng làm cho bà quắt queo, tàn héo. Ông Chín giật mình, cái nhan sắc ngày xưa đã đi đâu mất biệt rồi, rồi tự nhủ lòng, mình nhớ cổ đâu chỉ vì nhan sắc, vậy thì thắc mắc, đau lòng làm chi.

Đào Hồng là người duy nhất trong mấy chị em ở nhà Buổi chiều không bao giờ lên sân khấu mà chưa hóa trang, chưa son phấn. Những ngày mới về đây, biểu bà hát, bà lắc đầu. Ai tra gạn, bà không nói, bảy chị em ai cũng nghèo, có người có son phấn cũng không dám hỏi. Ông già Chín đi theo hỏi hoài, bà nói thiệt. Ông đập con heo đất, đi chợ mua cho bà thỏi son với hộp phấn bông mai. Xong còn kêu cô bán hàng gói lại, chít bông cho cẩn thận. Bà cảm động, nhưng vẻ mặt buồn hiu, "Anh tốt với tôi chi mà tốt hoài vậy?", làm cho ông Chín cũng buồn. Ông nghĩ: "Mình sống làm gì tới từng tuổi nầy mà không hiểu được nhau, Hồng ơi là Hồng".

Trách thì oan, lắm khi ông cũng đâu hiểu được bà. Hồng vẫn thường soi cái gương cũ viền đồng có cán để cầm, mặt gương đã ố lấm tấm. Ông Chín thấy thương lắm, ông lén mua về tráo gương mới vào chỗ bệ cửa sổ rồi lấy cái cũ cất đi. Bà biết ngay là ông, bà giận lắm, mặt lạnh tanh: "Anh tài khôn làm gì, tui đâu có cần gương mới". Ông cố cãi: "Nhưng cái cũ nó mờ lắm…". "Mờ mờ tui mới thích", bà nạt ngang. Không biết tại sao bà lại có ý thích kỳ cục vậy.

Lần đó, ông già Chín buồn, buổi chiều thôi không còn đón bà ở đầu hẻm để gánh giúp gánh chè về nhà, mà ông vẫn thường nói, dù ngắn, ông cũng muốn đỡ đần cho bà một đoạn đời. Ông biết bà còn chờ một cái gì đó, mơ hồ lắm, tiếc là bà không tâm sự với ông. Nghĩ cho cạn, bây giờ đào Hồng cũng như ngày xưa thôi, người ta có khác gì đâu mà mình giận. Sống khép kín, ít nói, ít cười, ít biểu lộ nỗi lòng lên mặt. Chỉ trên sân khấu, đào Hồng mới thỏa thuê khóc, thỏa thuê cười, mà cười sang sảng như Thái hậu Dương Vân Nga vậy nghen. Cái cười mở lòng mở dạ người ta ra.

Cái bữa cả nhà Buổi chiều được xe hơi đón đi giỗ Tổ ở nhà hát thành phố, ông Chín giữ nhà. Hôm đó có ông già lại tìm đào Hồng. Ông già tóc trắng như mây, dáng thong thả, chậm

rãi, cốt cách sang trọng thấy mà ham. Ông Chín hỏi ông già kia quen sao với đào Hồng, nghe trả lời cũng như không: "Tôi với cổ là người quen cũ. Không biết ngày xưa ông đã từng quen biết đào Hồng? Có à? Ừ, thì tôi hỏi ông nè, cái nhan sắc đó làm sao mà người ta quên được, ha? Vừa rồi tôi đọc báo, thấy người ta viết về nhà Buổi chiều, tôi mừng như vừa sống dậy, thể nào cũng gặp được cố nhân". Ông Chín ngồi tần ngần, day day cái chung trà trên tay, lòng bối rối nên nói chuyện trớ he: “Ừ, tụi tui thấy vậy mà được lên báo hoài thôi". Đến lúc khách từ giã về, ông Chín cũng không có biểu hiện gì là mình đã nhận ra người quen cũ. Thường Khanh đã già đi (ai mà chẳng vậy) nhưng cái phong thái tao nhã ung dung vẫn như ngày xưa. Sương gió cuộc đời không làm gì được ông, khi ông đã sống khác cuộc sống của những người nghệ sĩ ở đây, một cuộc sống không chia ly, khổ đau, dằn vặt. Ông Chín chờ hoài, sao không nghe ông Khanh nhắc tới chuyện ngày xưa ông và Hồng từng có một đứa con, người ta dễ quên vậy sao?

Khách chờ không được, từ giã về rồi, ông Chín ngồi chèm bẹp ngoài cửa rào, nghĩ, rồi mình sẽ mất cô Hồng một lần nữa, từng tuổi nầy còn để mất nhau mà coi được sao. Ông tự nhủ lòng, thôi, bà Hồng về ông không thèm nói lại đâu.

Không nói nhưng thèm nói, lương tâm biểu phải nói, ông Chín bảo: "Không biết cô Hồng còn nhớ Thường Khanh, ảnh mới lại đây kiếm cô". Đào Hồng vừa xổ mái tóc cỗi cằn xơ xác ra, lặng người, tay cầm rưng rưng cái đầu tóc mượn. Lâu lắm, bà mới lơ láo ngó lên, đôi mắt ráo khô "tôi đi giặt bộ đồ". Ra tới lu nước bà tựa người vào đó, mặt soi xuống nước bật khóc. Ước gì nước đừng trong như vậy để khỏi phải hiện lên một nhan sắc tàn phai. Không nhìn đằng sau mình nhưng bà biết, ông Chín đang chạy theo nhìn mình, bà nói khẽ: "Mai người ta tới đừng nói tôi ở đây nghen, tôi… tôi không muốn gặp". Ông Chín đứng đó, trong lòng vừa mừng (tại cô Hồng không muốn gặp chớ không phải tại tôi ích kỷ à nghen) vừa thắt thẻo thương bà, ông bảo: "Không tránh được hoài đâu, cô à, mà có gì phải tránh né nhau, người ta, sống ở đời cốt là ở tấm lòng".

Tránh làm sao được khi kịch bản cuộc đời đã bày ra một cảnh gặp nhau. Ông Khanh gặp bà Hồng ở đầu hẻm, lúc trời chạng vạng, khi bà quang gánh trở về. Nhìn thấy ông, bà mỉm cười, giở nón, bà hỏi: "Nghe nói ông tìm tôi?". Ông Khanh đứng chết lặng, ngẩn người ra, lòng ông đau đớn. Đó không phải là cái nhan sắc mà ông nhớ thương, chờ đợi. Không phải đào Hồng, dứt khoát không phải đào Hồng mà ông đã ôm trong tay ấp trong lòng, đã từng che chở, bao bọc cho ông những ngày xưa cũ.

Có những vẻ đẹp không phải ai cũng nhìn thấy được. Ông Chín nói với bà Hồng như vậy, ông biểu bà đừng buồn, bà cười bảo: "Tôi có buồn gì đâu", nhưng nước mắt bà nhỏ xuống trong khe. Người ở hẻm Cây còng không thấy ông già sang trọng đi xe hơi tìm vào nhà Buổi chiều nữa.

Bắt đầu những cơn mưa mùa ràn rạt trên mái nhà, đập ầm ầm vào hai bên vách đóng bằng thiếc cũ. Không thấy bà Hồng gánh chè ra ngõ, không còn nghe tiếng rao ngọt ngào thánh thót mà buồn thiệt là buồn của bà, cũng không thấy ông già Chín Vũ ghé quán chú Tư Bụng uống năm trăm đồng nước trà.

Đào Hồng bệnh nặng. Ông Chín thắt lòng khi biết trong người bà nhiều bệnh như vậy. Bà như trái bầu khô chỉ còn nhờ vào chút chờ đợi mỏng manh của tình yêu thời son trẻ làm cái vỏ cứng cáp ở bên ngoài. Rồi cũng từ ngày sự thất vọng xui cái vỏ thấm mưa nắng mục ruỗng đi. Bà nhắc tới cái chết hoài, đào Phỉ nạt, "tao sống tới từng tuổi nầy mà còn không chết, bây mà chết chóc gì". Rằm tháng ba, như thường lệ là cữ hát của nhà Buổi chiều. Đào Hồng ốm sát chiếu nhưng vẫn đòi ra hát. Ông Chín vẽ chân mày, tô phấn thoa son cho bà rồi dìu bà ra ghế. Bà ngồi ghế mà hát. Bà hát cho Thái hậu Dương Vân Nga trước ngổn ngang nợ nước tình nhà, hát cho nàng Quỳnh Nga bên cầu dệt lụa, cho nàng Thoại Khanh hiếu thảo róc thịt nuôi mẹ chồng, cho nàng Châu Long tảo tần nuôi Dương Lễ, Lưu Bình ăn học và cho Tô Thị trông chồng hóa đá vọng phu…

Đào Hồng hát đến lịm tiếng đi. Bà ngồi trên sân khấu gục đầu. Cái gánh nặng tâm tư này, không mang nổi nữa rồi. Khi ông Chín dìu bà xuống giường, bà đã hôn mê. Người ta hát vở cuối cho bà, cho một người nghệ sĩ chân chính. Đào Hồng đã gặp lại rất nhiều người thân thuộc cũ, bà nghe con trai bà gọi má, nghe ba má bà nói lên lời tha thứ vì đứa con gái đã bỏ nhà theo nghiệp xướng ca, lời tha thứ bà chờ đợi ngót năm mươi năm ròng rã. Bà sung sướng trở về nhà thơ ấu, đi bắt chuồn chuồn đậu trên hàng bông bụt, cạnh mé mương…

Bông trang rụng ngoài sân.

… Có lần, ghé quán càfê chú Tư Bụng, tôi quen với ông Chín Vũ. Ông Chín người gầy nhom, nhỏ thó, nhưng tốt bụng, xởi lởi. Ông nói với tôi rằng bỏ cả đời đi theo đoàn hát cũng không uổng, bởi vì đời ông thực có ý nghĩa. Lần đầu ông đóng được vai chính, người ta hỏi vai gì, ông bảo vai con của đào Hồng, phút lâm chung của người đàn bà suốt đời ông yêu thương, ông gọi: "Má ơi!" và thấy bà mỉm cười. Chỉ vậy thôi à. Ừ, chỉ vậy thôi. Nhưng tụi trẻ bây thì biết gì chuyện tình cảm của người lớn…

***

Ngày ngày kẹt giữa đám đông, chen chúc trên những con đường đông nghịt người, nhiều khi tôi gật mình, trời ơi, họ kia, đồng loại mình kia, sao mình lại cô đơn đến rã rời…

Lúc ấy, tôi có một cảm giác kỳ lạ, chỉ mình trên đời nầy, chỉ một mình… Chẳng ai là tri âm, chẳng ai cả…

***

## Truyện 9. BIỂN NGƯỜI MÊNH MÔNG

Chỗ sân ấy hồi hè tụi con nít còn cò cò, u hơi, vậy mà mới vài ba trận mưa mùa đã mênh mông nước. Rồi bèo lấm tấm xanh, rau ngổ, rau muống mọc đầy, vươn những cái ngọn non nhuốt, trắng phau phau. Từ ngoài đường vào khu nhà thuê chỉ còn một lối nhỏ lát gạch Tàu rêu trơn tuột. Dặn hoài, nhưng đêm qua, ông già Sáu Đèo lại trợt chân.

Ông còn ngồi loay quay ngoi ngóp dưới sân bèo thì vừa lúc Phi về, anh hỏi, trời đất, làm gì ngồi đây. Ông Sáu cười, hàm răng rống trơ, móm mém, "Qua chờ chú em về". Phi nắm tay đỡ ông dậy, xốc ông lên vai như xốc một đứa bé lên mười. Ông già dụi cái mặt già nua vào tóc anh, biểu:

- Chú em, tóc dài rồi, sao không chịu đi cắt đi, thanh niên để vậy coi bầy hầy lắm.

Phi không nói gì hết, lòng anh lặng đi, nghe nhói ran cả ngực mà không biết niềm nhớ nó đang cựa quậy chỗ nào. Lâu lắm rồi mới có người nhắc anh chuyện tóc tai.

Hồi ngoại Phi còn sống, thấy tóc anh ra hơi liếm ót bà đã cằn nhằn: "Cái thằng, tóc tai gì mà xấp xãi, hệt du côn". Phi cười, "Con làm nghệ sỹ, tóc phải dài chút đỉnh chớ, ngoại". Ngoại anh nạt, "Người ta nhìn nghệ sỹ là nhìn tài, nhìn tánh chứ nhìn mái tóc sao?". Phi không cãi nữa, cầm mấy ngàn chạy đi, lát sau đem cái đầu tóc mới về.

Nói cho cùng, anh không nghe lời ngoại thì nghe ai bây giờ.

Phi sinh ra đã không có ba, năm tuổi rưỡi, má Phi cũng theo chồng ra chợ sống. Phi ở với bà ngoại, chiu chít quanh quẩn bên chân bà như gà mẹ gà con. Thấy Phi suốt ngày tha thủi một mình, ngoại biểu đi hàng xóm chơi, Phi lắc đầu, "Đi đâu ai người ta cũng bảo giống ông Hiểu nào, trưởng đồn Vàm Mấm nào á. Con với ổng nước lã, người dưng mà, ngoại?" Ngoại không nói gì, lặng lẽ ngồi đương thúng, dường như trong mình có chỗ nào đó đau lắm, nhói lắm.

Phi mười, mười lăm tuổi đã biết rất nhiều chuyện. Thì ra, đã không còn cách nào khác, má mới bỏ Phi lại. Sau giải phóng, ba Phi về, xa nhau biền biệt chín năm trời, về nhà thấy vợ mình có đứa con trai chưa đầy sáu tuổi, ông chết lặng. Cũng như nhiều người ở Rạch Vàm Mấm này, ông ngờ rằng má Phi chắc không phải bị tên đồn trưởng ấy làm nhục, hắn lui tới ve vãn hoài, lâu ngày phải có tình ý gì với nhau, nếu không thì giữ cái thai ấy làm gì, sinh ra thằng Phi làm gì. Ngoại Phi bảo, "Tụi bây còn thương thì mai mốt ra tỉnh nhận công tác, rủ nhau mà đi, để thằng Phi lại cho má".

Sau này ngoại hỏi Phi, ngày xưa ngoại tính vậy con có buồn không, Phi cười, làm gì mà buồn, ngoại. Nếu chuyện con ở lại làm cho hết thảy mọi người đều đề huề vui vẻ thì con cũng vui chớ.

Má cũng hay về thăm Phi, thường là về một mình. Tất bật, vội vã, không làm gì cũng vội

vã. Lần nào cũng hối hả kéo Phi vào lòng hỏi còn tiền xài không, lúc rày học hành thế nào, có tiếp ngoại vót nan không, sao mà ốm nhom vậy? Rồi từ từ má chỉ hỏi anh chuyện tiền xài thôi.

Hết cấp hai, Phi lên thị xã mướn nhà trọ học, một năm mấy lần lại nhờ má đi họp phụ huynh. Gặp bữa mưa thì trèo lên mái nhà thông máng xối, khi thì tiếp má khiêng mấy tấm dal lót sân sau, thấy gì làm nấy như ở nhà mình. Ba Phi thì hội họp, công tác liên miên, Phi ít gặp. Ông thay đổi nhiều, tướng tá, diện mạo, tác phong nhưng gặp Phi, cái nhìn vẫn như xưa, lạnh lẽo, chua chát, lại như giễu cợt, đắng cay. Mà, ba thì dứt khoát không nhìn con như vậy. Ông hay chê Phi với má, "Cái thằng, lừ đừ lừ đừ không biết giống ai" (còn có thể giống ai?). Hết lớp mười, Phi vừa học vừa tìm việc làm thêm. Má anh rầy, "Bộ má nuôi không nổi sao?" Phi cười, "Má còn cho mấy đứa em, phải lo cho tụi nó học cao hơn nữa. Tự mình con sống cũng được, má à. Hồi con mới vài ba tháng tuổi, lúc biết lật, có khi quăng cái đít không qua, không phải ngoại đã biểu má đừng đỡ tiếp để sau này làm việc gì con cũng tự làm được đó sao". Rồi Phi thôi học đi theo đoàn hát, má anh giận tím ruột bầm gan, "Ai đời ba mầy làm tới chức phó chủ tịch, không lẽ không lo cho mầy một chỗ làm tử tế, sao lại vác cây đờn đi hò hát lông bông. Làm vậy khác nào làm ổng mất mặt". Chỉ ngoại Phi là không rầy, ngoại anh hỏi, "Bộ làm nghề đó vui lắm hả con? Thoải mái chớ gì? Phải rồi, hồi xưa má con đẻ rớt con trên bờ mẫu, mở mắt ra đã thấy mênh mông trời đất rồi, bây giờ bị bó buộc con đâu có chịu". Phi chỉ cười cười mà không nói. Hồi còn ở đoàn cải lương Bông Tràm thì vui, đóng vai quân sỹ cũng vui, rồi đoàn giải thể, phía bên ca múa nhạc nhận Phi về, mùa nắng thì đi nông thôn, mưa ở lại thị xã, bạn đồng nghiệp rủ Phi đi hát rong ở mấy quán nhậu, nhà hàng, chạy show đám tang, đám cưới... Chỉ thiếu điều ôm cái thùng kẹo kéo ra ngoài đầu chợ vừa hát vừa rao thôi. Mà, ban đầu thấy ê chề, tủi cực lắm. Bây giờ thì không bỏ được, vì được sống tự do tự tại, được hát để vợi nỗi lòng chứ không hẳn vì đôi ba chục ngàn bồi dưỡng mỗi đêm. Nếu không có hợp đồng đi hát xa thì ba giờ chiều Phi vác cây đờn ra quán đến tận hai ba giờ khuya mới về, lúc về đã say. Thì khách người ta mời mỗi bàn mấy ly nào bia, nào rượu trộn lẫn lại làm gì mà không say. Say rồi hát nghêu ngao trên đường về. Nhờ vậy, mà người ở xóm lao động nghèo nầy biết thằng Phi "nghệ sỹ" vẫn còn ở đây, trong căn nhà cửa trước lúc nào cũng khép im ỉm. Ở trong cái tổ bê bối của mình, Phi ngủ vùi đến trưa hôm sau. Ngoại biểu anh cưới vợ hoài, nhưng Phi nghĩ mãi, có ai chịu đựng được anh chồng lang thang say xỉn như mình, hồi còn là một hòn máu thoi thót anh đã làm khổ bao nhiêu người rồi, bây giờ lấy vợ không phải lại làm khổ thêm một người nữa sao?

Rồi ngoại Phi nằm xuống dưới ba tấc đất, đôi bông tai bằng cẩm thạch ngoại để dành cho cháu dâu vẫn còn nằm im trong hộc tủ thờ. Còn một mình, anh đâm ra lôi thôi, ba mươi ba tuổi rồi mà sống lôi thôi, ba mươi ba tuổi rồi mà còn nghèo hoài. Nhiều bữa trời mưa thức dậy thì không thấy đôi dép đâu, cái thau nhựa bể vành dành để giặt đồ đủng đỉnh trôi lại. Bèo theo

nước mơn man mấy cái chân giường. Ngó cảnh nhà, Phi tự hỏi, mình sống bê bối từ hồi nào vậy cà. Từ hồi nào thì phong trần, bụi bặm, khắc khổ, ăn bận lôi thôi, quần Jean bạc lổ chổ, lai rách te tua, áo phông dài quá mông, râu ria rậm rạp, móng tay dài, tóc dài. Từ hồi nào muốn soi kiếng phải lấy tay vẹt mớ râu tóc ra như người ta vẹt bụi ô rô.

Không biết, có ai la rầy, có ai để ý đâu mà biết. Má anh lâu lâu lại, hỏi anh đủ tiền xài không, bà có nhìn anh nhưng không quan tâm lắm chuyện ăn mặc, tóc tai. Ngoài ngoại ra, chỉ có ông già Sáu Đèo nhắc anh chuyện đó.

Ông già Sáu mới dọn lại thuê một căn chung vách với nhà Phị Ông cũng nghèo, lúc chuyển đến đồ đạc chỉ gói gọn bốn cái thùng cáctông, dọc đường rớt đâu mất một thùng đựng mùng mền quần áo nên chỉ còn bộ đồ duy nhất dính dạ Ai cũng ái ngại, ông Sáu phủi tay cười, "Thôi, của đi thay người, ba thứ đó mà nhằm gì, mất con quỷ này mới tiếc". Ông chỉ tay vô cái lồng trùm vải xanh. Giở ra nhìn thấy một con bìm bịp chỗ nào cũng đen trủi, trừ đôi cánh màu xám. Đám trẻ xúm lại, bảo nhau "Ngộ quá hạ Nó hót làm sao?". "Bậy, bìm bịp đâu có hót, nó kêu, tiếng của nó phát ra từ trong cổ họng nầy nè. Giọng nó ấm lắm, tiếng kêu phát ra từ tấm lòng mà. Mấy con chim há mỏ ra hót lách chách thấy vậy chớ không chân tình đâu, rồi ông già dừng lại, nuốt nước miếng, hạ giọng, con người ta cũng vậy thôi hà". Đám trẻ nấn ná chờ hoài, mãi con bìm bịp mới cất tiếng kêu, tụi nó tiu nghỉu, "Kêu gì buồn thấu trời". Ông già cười hỉ hả, "Buồn hả, buồn chớ sao không. Trời sanh ra cho nó con mắt đỏ như khóc vầy không buồn sao được".

Lúc đó, Phi vừa ngủ dậy, đứng lặng, lắng nghe tiếng bìm bịp buồn buồn xa vời vợi trong ánh nắng chiều, Phi nhớ triền dừa nước xanh miết ở trước nhà ngoại mình, nhớ đứt ruột. Lúc đó, ông già đang mặc độc cái quần tà lỏn đã xoăn cón ngồi giặt bộ đồ kaki màu cứt ngựa, thân hình nhỏ quắt quần quặt, chép miệng, "Con trời vật nầy lại kêu bậy, giờ nầy con nước đang chuẩn bị ròng sát đáy. Qua rành con nước tháng ba nầy quá mà. Nó bỏ sông lâu quá rồi. Chú em mầy nhớ quê hả?". Phi gật đầu. Ông già rủ, "Vậy chút nữa qua nhà qua nhâm nhi mấy ly chơi". Phi không ngần ngại, nhận lời. Người ta buồn nhất, cô đơn nhất là khi ngủ dậy. Và khi ngoài trời đang nắng ráo mà không biết phải đi đâu, về đâu.

Nhà ông Sáu có sẵn rượu, nhưng ông bảo không phải ông ghiền, sẵn rượu để gặp tri âm nhâm nhi chút chơi, "Qua thích chú em qua mới mời". Đi lại vài ly, ông già hỏi:

- Chú em đang đau ở trong tâm phải hôn? Chỉ có người đau mới uống từng chút như vầy.

Phi cười, anh vốn ít lời, lại không thích kể lể chuyện mình. Ông già lại không ép, ông nói nỗi buồn như cái ao, càng đào càng sâu, ai ác làm gì. Mà, cái ông già nầy chắc cũng đang đau, cũng uống từng chút một đó chớ. Và uống tới chừng nào đó, ông già còn gõ chén ca "Chớ bìm bịp kêu nước lớn chớ em ơi. Buôn bán không lời… chớ buôn bán không lời… chèo chống mỏi

mê…". Giọng ông già nghẹt mũi tựa như khóc. Rồi ngoảnh ra sân vắng, ông già chắc lưỡi, cha, tới sáng mai không biết đồ có khô kịp không đây. Phi về lục lọi cho ông vài ba cái quần tây với áo lẻ, lúc trở qua đã thấy ông già, treo bộ đồ trước mặt, vừa uống vừa quạt, dáng điệu vừa trịnh trọng vừa nhẹ nhàng, nâng niu như đang quạt cho người yêu mình.

Sáng sau, lúc Phi còn đang ngủ thì ông già Sáu vỗ vách, "Qua đi đây, chú em nhớ dòm chừng con quỷ sứ dùm qua nghen". Phi chợt tỉnh, bàng hoàng, đó là lúc anh đang mơ màng nghe tiếng mưa long tong trên mái nhà, Phi đang thèm ai đó gọi mình thức dậy. Đợi qua cơn xúc động thì ông già đã đi xa rồi.

Ông Sáu Đèo làm nghề bán vé số, có tối ông gặp Phi ở ngoài quán. Lúc thì cho hay, sao phơi giày mà để mưa ướt mem vậy. Sao đồ ăn không chịu đậy kỹ, để mèo vô ăn hết cá chiên rồi, nó còn tha cái đầu qua nhà quạ Nhưng lần nào ông cũng đứng nghe anh hát, hết bản, vỗ tay xong, ông cũng "boa", không phải cái kiểu kẹp tờ giấy bạc giữa hai ngón tay rồi phe phẩy trước mặt anh, ông từ tốn rút trong túi ra tờ giấy bạc hai ngàn, nhét vào túi Phi rồi cài nắp túi cẩn thận. Trân trọng như trân trọng người nghệ sỹ.

Trời trở chướng, ông Sáu than đau nhức mình. Phi qua nhà cạo gió cho ông. Lần theo những chiếc xương gồ ra trên thân mình nhỏ thó, ốm teo, Phi buột miệng "Bác Sáu ốm quá". Ông già Sáu cười, "Tính chết mấy lần rồi, nhưng còn mắc nợ đời. Nợ thì phải trả chớ bỏ đi đâu. Thứ nhất là nợ con quỷ sứ nầy nè, tội nghiệp". Ông kể, có lần định đem con bìm bịp cho người tạ Cậu đó cũng tử tế lắm, bữa đó nhậu cườm cườm, qua với nó mới bàn về rượu. Qua nói chuối hột mà ngâm rượu uống say lúc nào không biết, nó cãi, bìm bịp ngâm rượu mới thiệt là ngon. Qua thôi. Sau nầy có ông cán bộ giàu lắm, mua vé số của qua hoài, nghe kể có con bìm bịp, ổng xin, qua đem lại, nhưng cả tuần nó không kêu tiếng nào, thấy qua lại thăm, nó nhìn đứt ruột lắm. Qua xin lại, đem về, những thứ quê mùa như nó, ở nhà lầu thì không cất tiếng được". Ông biểu, "Sống một mình thì buồn lắm, chú em nên nuôi con gì đó, con… vợ thì tốt nhất, nếu chưa tính chuyện đó được thì nuôi chó, mèo, chim chóc. Đừng nuôi sáo, nuôi sáo kết cục rồi cũng chia ly hà, nó hay sổ lồng, chết yểu. Kiếm thứ dân dã mà nuôi, để nhớ quê, nhớ gốc rễ mình, để đi đâu cũng muốn về nhà. Như qua, nhiều lúc phò con bìm bịp nầy như phò bà già vợ vậy mà vui". Đi bán ở đâu, lâu lâu ông cũng tạt về nhà, quăng mấy con cá ươn cho "con quỷ sứ", xong rồi từ giã, "Tía đi nghen". Trời mưa dầm, ông già đội áo đi kiếm cóc, rắn mối cho nó ăn. Vui buồn gì cũng tía tía con con. Có đêm con bìm bịp kêu suốt, những tiếng bịp bịp ngắn ngủn buồn thiu thỉu, ông bảo với Phi, nó nhớ sông đó. Lúc nào qua thấy nhớ sông nó đều kêu như vậy. Ông kể, hồi trẻ, ông toàn sống trên sông, ông có chiếc ghe, hai vợ chồng lang thang xứ nầy xứ nọ. Gặp mùa lúa thì gặt mướn, gặp vịt bầy đổi đồng thì chở thuê gặp rẫy bí, rẫy khóm thì mua về bán lại chợ nổi Cà Mau, nước ngược cắm sào đậu lại thổi cơm, bìm bịp kêu, nước bò lên bãi, ông cho ghe ra bến. Cuộc sống nghèo vậy mà vui lắm. Phi hỏi, "Vậy bác Sáu

gái đâu rồi?" Ông già rên khẽ, "Chú mầy cạo mạnh tay làm qua đau quá". Ông quay lại, gương mặt ràn rụa nước mắt, Phi giật mình, hỏi quýnh quáng, "Con làm bác đau thật à, chỗ nào vậy bác?". ừ, cái chỗ nầy, chú mầy không làm qua hết đau được đâu. Ông già Sáu mếu máo chỉ về phía tim. "Cổ đi rồi. Sống khổ quá nên cổ bỏ quạ Cổ lên bờ, không từ giã gì hết, bữa đó đúng là qua bậy, qua nhậu xỉn quá trời, rồi cũng có cự cãi mấy câu, cảnh nhà không con nên sanh buồn bực trong lòng, qua có hơi nặng lời, cổ khóc. Lúc thức dậy thì cổ đã đi rồi. Qua đã tìm gần bốn mươi năm, dời nhà cả thảy ba mươi ba bận, lội gần rã cặp giò rồi mà chưa thấy. Kiếm để làm gì hả? Để xin lỗi chớ làm gì bây giờ. Mà, kiếm hoài không gặp, qua sợ mình mắt dở rồi nên nhìn không ra cổ, tới chết không biết có gặp được không". Ông Sáu ngừng lại, lấy tay quệt nước mắt, "Cái con bìm bịp quỷ nầy nó cũng bỏ qua mấy lần nhưng ngủ một đêm trên đọt dừa nó lại quay về. Sao cổ không quay lại?". Phi không biết. Không biết.

Vì không biết nên ông già phải đi tìm để hỏi cho ra. Rồi một bữa, ông bày ra bữa rượu để từ giã Phi, ông bảo đã ở đây một năm hai tháng mười chín ngày rồi, ngõ nào cũng đi hẻm nào cũng tới mà người thương đâu chưa thấy. Phi hỏi ông sẽ đi đâu mà cảm giác giọng mình đang run rẩy. Ông Sáu cười, "Cha, để coi, chỗ nào chưa đi thì đi, còn sống thì còn tìm. Qua nhờ chú em một chuyện, chú em nuôi dùm qua con quỷ sứ nầy. Qua yếu rồi, sợ có lúc giữa đường lăn ra chết, để con "trời vật" nầy lại không ai lọ Qua tin tưởng chú em nhiều, đừng phụ lòng qua nghen". Phi dạ. Ông dặn đi dặn lại, con bìm bịp nầy ăn tạp lắm, nó khoái ăn cá ươn, cá chết, chú em mầy đừng có sợ nó hư bụng, nó sành ăn tổ chạ Cũng đừng chấp nê mấy thứ hư thúi đó, cho dù ăn gì thì nó cũng kêu hay, như con người ta vậy, nhìn nhau phải nhìn mặt tốt của nhau. Mai mốt nó đẻ trứng, chú em lấy giấu đi, để nó thấy mấy cái trứng mồ côi nó tủi. Hai người ngồi ở sân sau, dưới một đêm trăng sáng, trăng đầy. Có lần ông bảo, sướng nhất là được uống rượu dưới trăng.

- Chú mầy uống đi, buồn gì, hai đứa mình có duyên gặp đây, có phải là vui biết bao nhiêu không? Nhưng qua có lời dặn lại, chú em đừng bao giờ uống say quá, chỉ những người sầu muộn mới uống say thôi.

Ông đi rồi, chỉ còn lại Phi và con bìm bịp, thấy nó cứ thắc thỏm mổ cái mỏ vào mấy nan tre, tưởng nó đói, Phi đi bắt rắn mối cho nó ăn. Nhưng nó không ăn, cả đêm kêu thê thiết, những tiếng bíp bíp nhỏ xuống cái xóm Rạch Chùa từng giọt như giọt máu. Phi giở cửa lồng, con bìm bịp đập cánh xao xác, đứng niễng đầu nhìn anh buồn lắm, sao anh ngồi đây mà tía tôi đâu? Phi cười buồn bã, ước gì tao biết được bây giờ tía đang ở đâu. Tía thấy tao buồn nên để mầy ở lại,nhưng rồi lúc ông già bé nhỏ ấy buồn, ai kêu nước lớn cho ông nghe.

Từ đấy, ông già Sáu Đèo chưa một lần trở lại. Từ đấy, giữa biển người mênh mông, Phi gặp biết bao nhiêu gương mặt, cùng cười đùa với họ, hát cho họ nghe, cùng chạm ly uống đến say… Nhưng không ai nhắc Phi cắt tóc đi, đàn ông đàn ang ai để tóc dài.

Biển người thì mênh mông vậy…

***

Tôi thường đứng trên cầu Gành Hào, nhìn vô chợ nổi, ở đó có thể trông thấy một dãy ghe rập rờn xao động cả mặt sông, những cái chân vịt gác chỏng lên loang loáng dưới mặt trời.

Một chiếc ghe là một ngôi nhà nhỏ, ngang hai mét, dài năm bảy mét. Nhỏ bé, chật hẹp. Nhưng có một cái gì đó thật khác thường, thế giới đó hẹp đến nỗi chỉ vừa để xoay lưng, để nằm co, để cúi người… mà cũng dài cũng rộng vô phương bởi cuộc sống rày đây mai đó lênh đênh cuối bãi đầu ghềnh.

Những chiều tà, chợ nổi đìu hiu bập bềnh đậu hết một vạt áo nắng vàng hoe hoe, đỏ hoe hoe. Những người đàn bà cúi đầu ngó chăm chăm xới nồi cơm dào dạt khói, những ngươi đàn ông xếp bằng ngồi trên mui ghe vấn những điếu thuốc to đùng bằng đầu ngón chân cái, phi phà nhả khó lên trời. Những đứa trẻ con ngồi tênh hênh trên mũi ghe câu ca chốt, cá mè. Những cô con gái sau một ngày bán hàng mệt mỏi soi mình xuống sông, chải tóc.

Họ chắc cũng từng yêu từng vui từng đau, từng nghe phảng phất niềm thương nhớ đất.

***

## Truyện 10. NHỚ SÔNG

Mỗi lần qua sông Cái Lớn, Giang lại nghĩ chắc tới già, tới chết, mình sẽ chẳng bao giờ rời chiếc ghe nhỏ này đâu. Cũng khúc sông này, năm Giang mười tuổi, má Giang chết. Hôm đó, trời mưa nhỏ nhưng gió nhiều, gió bạt tay chèo liêu xiêu. Nước từ vàm sông cuồn cuộn đổ ra. Chiếc ghe bạt nước tấp vô sà lan chở cát. Ông Chín, ba Giang, chống đằng mũi; má Giang, chống đằng lái. Giang ngồi trong mui ghe, ôm con Thủu vào lòng. Giang thấy rõ ràng lúc cây sào trong tay má đang chỏi vào thành sà lan trượt hướt lên, má ngã xuống, đầu má đập vào cái gờ sắt, đôi chân còn bíu vào ghe. Rồi má cong lại như chiếc võng, hụp vào sông. Giang khóc điếng, bồng con Thuỷ lồm cồm bò về đằng sau lái, Giang còn kịp nhìn thấy mái tóc má trôi loà xoà liêu phiêu trong làn nước rồi mất hút.

Giang không hiểu tại sao mình nhớ hoài, nhớ ràng ràng cái ngày đó. Cho nên qua vàm lần nào Giang đều kéo con Thủy ra, Giang chỉ: má chết chỗ này nè. Con Thuỷ ừ hữ như không. Giang hỏi: Không nhớ à? Thuỷ lắc đầu.

Cũng phải, lúc đó con Thuỷ còn mềm xèo, nhỏ xíu như con mèo mướp. Hệt như Giang, nó lớn lên trên ghe. Lúc buôn bán, lúc nấu cơm, ông Chín không bồng được, Giang buộc sợi dây dù vô chân nó, đầu kia Giang buộc vô mui ghe. Con Thuỷ bò chán bò chê rồi nằm ngửa ra, ngó những trái cà, trái khóm, trái bí, bầu ông Chín treo lúc lỉu trên nhánh chà đằng mũi ghe. Có lẽ nó biết thân mình mồ côi mẹ nên nó dễ chịu, dễ tánh.

Gia đình ông Chín sống hẳn trên ghe. Cảnh của ông cũng buồn lắm. Nhà nghèo, ra riêng, gia đình chỉ cho hai công đất. Năm Giang ba tuổi, Giang lên sởi. Ông Chín bán đất cứu con. Số tiền còn dư lại, ông mua chiếc ghe nhỏ đi bán hàng bông. Cả nhà dắt díu nhau linh đinh sông nước. Có lúc vừa ghé lại bờ, chưa kịp buộc dây ghe vô gốc mắm, do quẩn chân lâu ngày Giang đã chạy lên bờ, chạy cuống chạy cuống như điên trên đất. Má Giang rớt nước mắt: "Con nhỏ thiệt thòi...". Ông Chín an ủi: "Vì miếng ăn mà, mình ơi".

Sau này khi vợ chết, không hoàn toàn vì miếng ăn mà cả nhà ông Chín trôi dạt hết dòng sông này đến con kinh kia. Ở đáy con sông nào đó còn là nơi gởi gắm xương thịt của người đàn bà xấu số - má Giang. Những buổi tối, buộc ghe vô gốc tra bông nở vàng cặp mé sông, ông Chín dạy chị em Giang học. Có được chút vốn học hành nhỏ nhoi, ông dạy bằng hết. Giang lanh lợi hơn con Thuỷ, học ít mà tính rợ cực kỳ giỏi. Buôn bán lu bù mà nó tỉnh như không. Nó tính toán hết, mua rau trái, đường đậu tạp phẩm cho chuyến đi, chở than, chở củi chuyến về. Nhiều chuyến bốc than còn nóng chất dưới sạp ghe, chị em Giang nằm trên đó mà ngủ, sáng ra lưng phồng rộp. Ông Chín ứa nước mắt, cắn răng biểu: "Lần sau thôi nghen, con Hai".

Bây giờ hỏi lại Giang nói không có con kinh, con rạch nào mà ghe chưa đi qua, không có đường ngang ngõ tắt nào mà ông Chín không biết. Xuôi dòng, ngược dòng, con nước kém, con

nước ròng… Không ai nói với ai, nhưng cả nhà ông đều nghĩ, chắc là sống như vầy hoài, như vầy mãi thôi. Chị em Giang đùa nhau sau này lấy chồng, ra riêng, ba cho mỗi đứa một chiếc ghe. Con Thuỷ nói nó không lấy chồng, nó ở vậy đi bán với ba, nó nói mà giọng hơi buồn. Ông Chín nghe rồi như gió ùa về, lòng tự dưng nghe đau xót. Rồi khi hai đứa con gái ông sinh ra những đứa con, chúng lại phải sống cuộc đời lênh đênh như má chúng, ông nghĩ vậy, đâu có được. Những buổi chiều ghé đi qua thị trấn, qua phố huyện, giờ tan học nhìn đám học trò túa ra cổng trường, đám học trò áo lem mực, tay kẹp nách cái cặp, tay mang bình nước, con Thuỷ lón lén đắm đuối nhìn lên, mắt ông Chín cháy âm âm một nỗi gì đau đáu.

Giang gặp hoài đôi mắt đó, Giang thương ông quá đi thôi. Giang lấy chồng. Chồng Giang tên Thuấn ở Đập Sậy. Những lần đậu ghe lại buôn bán, Thuấn đều mời ông Chín lên nhà uống rượu. Nhà Thuấn không giàu nhưng cũng đủ mặc đủ ăn, có đất làm ruộng, gần trường xã. Ông Chín chọn Thuấn trước, ông hỏi Giang có ưng không. Giang ngồi chải tóc, chải tới rát da đầu, vuốt ra từ cây lược mớ tóc rối (như lòng mình rối). Giang gật. Giang lấy chồng hôm mười chín tháng hai, khi dọc những triền sông, trên những đám chùm gọng, những rặng ráng… loài chùm gởi tơ hồng phủ lên một màu vàng óng, rồi chi chít những bông hoa trắng con con như hột tấm mẳn. Mấy chiếc ghe bạn kè lại thành bè, đậu phía ngoài đập. Đám đàn bà con gái bê những cái cà ràng nhóm củi nấu ăn trên bờ. Hiện - bên ghe bạn - cũng bày đặt đi đốn lá dừa về bẻ vòng nguyệt trên mũi ghe nhà Giang. Ngày vui của Giang mà Hiện lầm lì, có cười cười cũng héo xèo. Nửa đêm nhóm họ, rượu uống sương sương, Hiện ca Tình anh bán chiếu mà nước mắt ròng ròng. Hiện lấy mu bàn tay quệt nước mắt, trợn trạo biểu: "Rượu xứ nầy cay dễ sợ". Rồi dòm trong ghe thấy Giang ngồi xếp quần áo với con Thuỷ, Hiện kêu: "Chắc sau này mình hổng gặp được nữa, cô Hai hen". Giang ngước lên cười buồn. Con Thủy thày lai: "ảnh thương chế đó". Giang vỗ đầu em: "Thương khỉ khô gì mà không chịu nói, hả?". Con Thuỷ cười: "Chế hỏi cái bộ như em là ảnh vậy". Sáng sau, Giang mặc áo dài từ dưới ghe bước lên, ông thợ chụp ảnh chụp được một pô đẹp ơi là đẹp, đẹp nhất là quanh Giang mớ bông tra vàng rụng tơi bời lừng lững như hàng trăm cái chuông.

Giang ở nhà chồng rồi, con Thủy buồn lắm. Nó thay Giang buôn bán cho ông Chín nghỉ ngơi sau bao ngày lèo lái. Nó lanh lợi, mau mắn không bằng Giang nhưng được nước siêng. Ngày nào nó cũng lật lịch coi, tới con nước ba mươi đi bán vùng xóm rẫy về, ghe ghé Đập Sậy thăm chị nó. Có bữa dọn cơm nó vô thức dọn thừa đôi đũa, cái chén, ông Chín rày: "Mai mốt bay lớn bay cũng lấy chồng, chị bay đâu ở được với bay hoài". Nói vậy mà sao lòng ông cũng cồn cào nhớ.

Ghé Đập Sậy, Giang đòi ông Chín ở lại một đêm, cho Giang xuống ghe ngủ với con Thủy. Giang than nức nở: "Trời ơi, con nhớ ghe quá trời đất đi". Xuống ghe, Giang đưa tay rờ rẫm từng món hàng, từng miếng sạp. Trên nhà, ông Chín ngồi uống rượu với Thuấn. Thuấn uống dữ,

anh toàn tợp nguyên ly. Uống xong rồi lè nhè than: "Con nuôi con Giang như nuôi con sáo, hổng biết giờ nào nó xổ lồng nó bay. Con Giang là vợ con, nó ở đây mà lòng dạ nó ở đâu á…". Ông Chín lặng người.

Thường thì cơm nước, quét dọn xong hễ hở ra giờ nào Giang lấy xuồng chèo đi giờ ấy. Trời đất, nó đi đâu? Thuấn cười chua chát: "Hổng biết, nó chèo khơi khơi vậy đó ba à, con cũng nghi bậy trong bụng, có bữa con rình đi theo, vợ con chèo đã đời rồi nó buông chèo lụi vô đám lá, lấy tay vịn, ngồi ở đó. Rồi chèo về, vậy à". Ông Chín thở dài.

Đêm đó Giang nằm dưới ghe. Giang hỏi con Thủy: Vậy chớ ghe mình bán có đắt không, bây giờ ghe mình thường về đậu ở bến nào, ba còn buồn, còn uống rượu ban đêm không… Thủy trả lời muốn mệt. Con Thủy nói:

- Anh Hiện gởi lời thăm chế, ảnh hỏi em hoài hà, hỏi vậy chớ chế lúc này vui hông? Em nói em hổng biết. Sao mà em thấy ảnh tội nghiệp thiệt. Phải chi… - Con Thủy lúng búng dừng lại rồi thẹn thò nói tiếp - Phải chi có cái gì thường được, mình thường cho ảnh.

Mắc mớ gì mà phải bồi thường - Giang cười rồi giật mình. Con Thủy năm nay mười tám tuổi, nó lớn thiệt, lớn mau quá. Giang nhớ cái ngày con Thủy có kỳ kinh nguyệt đầu tiên, nó lụi đầu giấu vô mớ cốm gạo treo lủng lẳng khóc mướt. Giang bảo không sao đâu, không sao đâu mà chực rơi nước mắt. Giang nghĩ phải chi còn má. Thủy còn có chị nó, chớ ngày đó của Giang, Giang cũng khóc mà không thể hỏi ai. Ông Chín tinh ý biết, ông lặng lẽ qua bên ghe nhà Hiện, nhờ má Hiện. Ngồi hút thuốc như ống khói tàu, lần đầu tiên ông thấy mình bất lực, vô dụng và bối rối trước đứa con gái đáng thương.

Nhớ lại nhiều chuyện quá, Giang không ngủ được. Con Thủy bày ra chuyện lắc ghe, lắc như là ghe đang bị sóng vậy, nó biểu "chắc là chế quen ngủ vậy rồi, êm êm hổng chịu". Giang thiếp đi, thấy mình đang ở trong một cơn mơ mà giấc mơ cũng tròng trành.

Khi ra về, nhìn bóng Giang xơ rơ đứng tiễn bên hàng me, ông Chín dặn lòng, thôi, sau nầy có nhớ thì lâu lắm mình mới ghé thăm. Rồi nó sẽ quen, sẽ quên đi. Nó phải biết cách sống với đất để nghĩ về tương lai những đứa con của nó.

Nhưng chưa đầy con trăng đã thấy Giang khăn gói về bến Xã Xiêu. Giang lần theo mấy chiếc ghe bạn hỏi thăm rồi quá giang họ về. Ông Chín thấy Giang lòng đau bầm. Ông gằn gằn hỏi: "Con Hai! Bay đi đâu?" Giang cúi mặt: "Con nhớ ghe quá hà, con nước rồi ba không thèm ghé thăm con". Giang nói thêm, nói Thuấn cho Giang đi, chừng nào muốn về thì về, "ảnh dễ ghê vậy đó ba à". Ông Chín đâm sầm ra ngồi đàng lái, vấn thuốc rồi bập bập trên môi mà không buồn đốt. Con Thủy sợ ông giận Giang, nó men ra nói khơi: "Lâu lâu có con gái về thăm, sướng thấy mồ, ba đừng giận ba ha". Ông không trả lời, lúc đó ông đang nghĩ về một người đã khuất, lòng ông chua chát: "Tui biết tính sao bây giờ, bà ơi. Tui tính lầm một lần này rồi". Nghe con

Thuỷ cười với Giang rộn rã: "Chế ngủ trên nhà riết rồi cũng quen mà, ngủ ghe vừa chật vừa nực thí mồ - Con Thuỷ nói hoài, nó thích có đất, có vườn như bên chồng Giang - Có đất để làm gì hả? Để trồng cây, ừ trồng cây ăn trái, trồng mít và trồng rau". Giang nhắc: "Ờ phải em ham đất lắm, hồi nhỏ ghe đậu bến nào chế cũng coi em bắt mệt, cứ xoay lưng là em chổng mông cạp đất ăn ngon lành. Ăn đất hoài bụng ỏng bụng eo luôn, nhớ chưa?”.

Ông Chín lần vào trong, vẹt mớ bánh kẹo, giỏ hũ gạo ra, moi dưới đáy một chiếc hộp sắt sơn đen. Ông gọi chị em Giang lại, ông mở hộp ra, trong hộp một túi vải dây gút miệng. Ông ngồi xếp bằng, trịnh trọng, trang nghiêm như thể ông sắp đánh đổi cái gì thiêng liêng nhất trong cuộc đời. Ông từ tốn lấy từ trong túi ra từng chiếc khâu vàng óng ánh, nói: "Ngày mai ba đưa con Hai về, thằng chồng bay chắc đang trông…". Giang ngước nhìn trân ông rồi cụp mắt, cúi đầu. Dốc ngược cái túi, ông Chín bảo:

- Dành dụm cả đời ba chỉ có bao nhiêu đây thôi. Ba sẽ bán chiếc ghe nầy, về quê nội mua một miếng đất, rồi ba với con Thuỷ cuốc đất trồng rau, có gì ăn nấy. Ba đi cả đời, ba cũng mệt…

Con Thuỷ ngỡ ngàng nhìn vào mớ vàng rồi nó lặng lẽ bò ra ngoài mũi ghe. Nó sợ còn ngồi trong đó, chút nữa thôi nó sẽ bật khóc vì thương mình, thương ba. Con Thuỷ biết khi bỏ lại sau lưng hơn nửa đời sông nước, ông Chín hẳn sẽ buồn lắm, đau lòng lắm. Trong này ông Chín biểu Giang: "Ngủ đi. Rồi ngày mai…". Ông chờ Giang quay đi rồi mới đốt nén nhang cắm trên cái trang thờ treo trên vách: "Còn bà, bà đã thành nước, thành đất, thành cỏ thành cây, cha con tui ở đâu, xin bà theo đó. Đám cháu chắt chít của mình rồi sẽ chẳng phải chịu lênh đênh".

Giang ngồi ở đầu vòm mui nhìn ra đằng trước. Con Thủy không biết mình đang vui hay đang buồn, nó thẫn thờ buông chân xuống nước, khỏa bì bõm, mắt hướng về chiếc ghe của Hiện đang đậu sát bờ lá. Hiện biết Giang về nên Hiện nằm ca sang sảng.

Con Thuỷ lầm bầm: "Chắc là sau này em không gặp được anh đâu".

Đêm nay cũng có gió nhiều, cà bắp trong đám lá dậy hương, cái mùi dân dã không chịu được. Gió làm sóng chao ghe mà sao khó ngủ quá vậy nè.

## Truyện 11. DÒNG NHỚ

Sáng nay, má tôi lại ra đứng tần ngần ở chợ Ba Bảy Chín, nghiêng nghiêng ngó ngó một hồi, biểu con nhỏ chèo đò chèo dài dài chợ nổi. Chợ rao bán rau trái dậy động cả một khúc sông, má tôi thấy ghe nào cũng lần xuồng lại, dòm mặt chủ rồi đi. Con nhỏ chèo đò chắc là chèo mối, nó biết bà già định đi đâu, định làm cái gì nên nó biểu:

- Hỏng hỏi thăm thì vô phương kiếm ra, ngoại ơi.

Má tôi ngẩn ngơ. Hỏi chớ, chú ơi, thím ơi, tôi muốn hỏi thăm một người quen. Tên gì? Ghe bán gì? Hai Giang. Ghe bán hàng bông. Trời đất, ở xứ này có tỷ tỷ ghe bán hàng bông, cũng có biết bao nhiêu người tên Giang, vậy tướng tá người đó ra làm sao. Bây giờ đâu có biết ra làm sao, gặp được một lần mười sáu năm trước, nhớ sao tả vậy nghen. Đàn bà, chừng sáu mươi, trạc tuổi tôi, tóc dài, da ngăm ngăm, không đẹp không xấu. Mới đầu đi với chồng, sau chồng bỏ lên bờ vì cơ cực quá trời, hồi trẻ có đứa con gái đầu lòng chừng bảy tháng tuổi thì rớt xuống sông chết.

- Vậy thì đông lắm, người sống trên chợ này hễ mười thì có năm người y chang hoàn cảnh vậy, dân Ba Bảy Chín mà, "ba chìm, bảy nổi, chín lênh đênh", chị hỏng nghe sao?

Má tôi chẳng hẳng:

- Vậy a?

- Ừ, người đó quen sao mà tìm coi bộ cực dữ?

- Quen. Chà, hỏng biết nói sao bây giờ, dài dòng lắm, vợ của chồng tôi.

Nếu vậy thì dài dòng thiệt, chuyện tình tay ba mà phim dính vô chuyện nầy cũng năm bảy tập trở lên, còn cải lương lâm ly không biết bao nhiêu là nước mắt.

Má tôi cũng khóc nhiều rồi.

Má tôi nói hoài, ba mươi tám năm bà về làm dâu nhà chồng, cực có, sướng có, chưa bao giờ nội tôi khắt khe, nhỏ nhặt, khó chịu với dâu, nhưng má tôi vẫn hận nội tới chết mới thôi. Hỏi sao kỳ vậy, má tôi kéo chéo khăn lên chậm chậm vô đôi mắt: "Bộ hết người rồi sao mà nội bây cưới tao cho ổng, đó - bà chỉ tay ra bến - gần hết đời rồi tao có được vui đâu".

Đó là lúc "ổng", tức ba tôi chống cây gậy khật khừng lang thang xuống bến. Ông dừng lại chỗ mấy cây tra, lấy tay rờ rẫm, săm soi từng cái lá, cái bông như tay bắt mặt mừng thằng bạn lâu năm mới gặp. Rồi ông lần ra tới đầu bến, đứng dưới hàng mắm già ngày xưa ông trồng để giữ đất cho khỏi lở, để mặc cho mấy cái hoa nắng vàng xơ rơ đậu xuống cái đầu húi cua, bạc trắng của mình, ông già tha thiết nhìn ra sông. Chỉ vậy thôi rồi khật khừng quay lên, cái chân trái yếu ớt như tựa hẳn vô cây gậy, cứ mỗi lần chân bước, đầu gậy lại xoáy sâu vô đất một lỗ

tròn tròn.

Cảnh thì quen lắm, thì ngày nào, buổi nào ba tôi chẳng làm vậy nhưng cứ tụm cả nhà lại, rồi ngồi lặng lẽ dòm, ai cũng nghe đau đau xót xót như ai lấy cật tre cứa tới cứa lui trong lòng. Bởi cái lúc này là lúc sum họp đây, vậy mà sao vẫn thấy thiếu một người, mà thiếu đúng cái người đang lững thững đi dưới nắng kia mới chết.

Sau đợt tai biến mạch máu não lần thứ nhất, nửa người bên trái ba tôi yếu hẳn đi, tưởng chỉ vậy thôi, đến lần thứ hai bỗng dưng tâm trí ông già nhớ quên, ít nói, lẩn tha lẩn thẩn. Nhưng còn sống, còn tự mình đi đứng được là may lắm rồi, ai cũng nói vậy. Lúc đó cả nhà đang ở chợ, ba tôi càng lúc càng buồn, hay chống gậy đi, mấy lần cả nhà bỏ tiệm may đi kiếm ông. Sau này chỉ cần một mình tôi, vắng ông, tôi chạy xe dọc theo con đường về vườn cũ là gặp. Thấy tôi, ông già khựng lại, không nói gì, nhưng cặp mắt khẩn cầu, da diết, tôi làm như không biết, cầm gậy, đỡ ông lên xe chở về, có lần ba tôi khóc, ông khóc rưng rức, nước mắt nước mũi nhễu nhão, lòng thòng.

Sau lần ấy, cả nhà quyết định đưa ông về sống trong vườn nhà nội. Vườn bỏ lâu nay, nhưng nhờ cô dượng Ba ở kế bên nhà trồng trọt, trông coi nên chỉ cần dựng căn nhà lên là ở được. Chuyện cắt cử người ở lại với ba tôi thì khỏi phải bàn bởi chừng nào mà má tôi bỏ ông được, "làm gì má cũng phải giữ ba", tôi đùa. Má tôi xua tay:

- Ổng còn nguyên đó chớ có đi đâu, trước không mất giờ còn sợ mất mát gì nữa -giọng má chợt cay đắng, hồi đó giờ ổng có phải của tao đâu mà giữ.

Nói rồi má tôi trùm cái khăn lên đầu bước xuống xuồng, đưa tôi qua sông, tới bờ bên kia, ngó lại, ba tôi đứng chênh vênh trên bến, đôi mắt như đang nhìn da diết mà không biết nhìn ai, chỉ thấy mông mênh vậy thôi. Chơ vơ, cô độc. Má biểu tôi đi đường cẩn thận rồi bơi xuồng trở về, còn nói với theo:

- Sao má lo quá, má sợ ba mầy, ổng mà chết ổng cũng xuống sông để chết.

Lo cũng phải, không phải ba tôi nhớ vườn xưa mà chống gậy về, ông nhớ sông, một ngày ba bốn lượt lủi thủi chống gậy ra bến, cặp mắt như ngó mong, như hờn giận. Ba tôi vốn là người của sông mà. Ông đang ở đây nhưng tâm hồn ông, trái tim ông, tấm lòng ông chảy tan vào dòng nước tự lâu rồi.

Và cũng y như má tôi, ba cũng không sống được mấy ngày vui, vui thật, vui đúng nghĩa. Hồi tôi còn nhỏ, còn sống chung với bà nội, đêm đêm cả nhà đi ngủ, ba tôi ngồi hút thuốc trên bộ vạc kê trước nhà, chống rèm lên, ngó ra sông. Kiểu ngồi một chân xếp bằng, chân kia dựng lên, rồi tì cái tay cầm điếu thuốc lên cái đầu gối, đêm này qua đêm khác, kiểu ngồi không đổi. Nửa đêm, má tôi đi ém mùng lại, tôi thức giấc, ngó ra chỉ thấy đốm lửa lập lòe, lúc đỏ rực, lúc lại tắt thiu tiu. Má tôi ngồi trong mùng lặng lẽ nhìn ba, còn ba thì nhìn ra sông. Sông cách nhà

một cái bến dài chẻ ngang đám dừa nước, đám ô rô mọc lởm chởm chồm từ mé lá lên. Những đêm trăng sáng, nếu không vướng mấy bụi ráng, bụi lức dại có thể thấy một dòng chảy líu ríu, sáng loáng, lồng lộng. Ban đêm, con sông trước nhà tôi không ngủ, nó thức theo những chiếc tàu rầm rì chảy qua, theo tiếng mái chèo quẫy chách bụp rất đều. Dài từ ngã ba Vàm đến đây, nước chảy êm, khuất gió, những chiếc ghe đi đêm hay đậu lại, nghỉ ngơi. Lâu lâu, có chiếc ghe hàng bông lặng lẽ neo lại ngoài bến nhà tôi, treo ngọn đèn chong lên cây đước chơm chởm những cái nhánh con, mỗi nhánh lủng lẳng trái khóm, trái bầu dầm nắng mưa đã teo héo. Không thấy bóng người, chỉ nghe tiếng gàu tát nước cọ vô xuồng xao xác. Hừng đông chạy xuống bến thì ghe đã đi rồi. Những đêm đó, ba tôi hút thuốc dữ, cứ nhìn chong chong ra ngọn đèn đỏ ối, nhỏ nhoi, buồn hiu ngoài kia. Ba tôi thở dài. Má tôi thở dài, chạy qua buồng bên khóc với bà nội tôi, không biết nói cái gì, chỉ nghe lõm bõm, tiếng nội làu bàu: "Vậy ra má đã làm sai cái gì?" và má tôi tuyệt vọng: "Kiểu này biết chừng nào ảnh mới quên chuyện xưa hả má?".

Ngày xưa ba tôi cũng yêu thương một người. Nội tôi dứt khoát không chịu (nội có tỷ tỷ lý do để không chịu), ba tôi mới dắt díu người ta bỏ nhà đi, sống kiếp thương hồ. Hai người trải qua biết bao nhiêu cơ cực, nào là gặt mướn, làm cỏ lúa, đắp bờ… mới có được một ít vốn, ba tôi sắm cái máy Koler xuống rẫy bán hàng bông. Họ sống nghèo lắm. Mỗi lần đi ghe đi ngang qua nhà, ba tôi khắc khoải ngó lên, vừa nhớ, vừa đau vì cãi nội. Rồi hai người có với nhau đứa con, nhưng chị bạc mệnh chết đuối, tận cùng đau khổ, ba tôi bỏ về nhà, được về, ba tôi cũng phải đáp ứng vài điều kiện của nội, vậy là ba tôi bỏ người ta giữa dòng bơ vơ. Tôi biết được có bao nhiêu đó thôi, kể ra cũng mấy dòng vậy thôi. Mà, cũng phải đợi tới năm mười lăm tuổi, cả nhà mới cho tôi biết. Tôi bật ngửa, chuyện xảy ra lâu rồi, nhưng người ta vẫn còn nhớ, vẫn còn cắm sào trước bến nhớ ba tôi, vậy mà biểu ba tôi quên cái rụp thì làm sao quên được.

Mà, cũng vì ba tôi quên không được má tôi mới thương ông nhiều, sau nầy, lớn lên, biết yêu thương rồi, tôi mới ngộ ra. Con người ta, nhất là đàn ông thương ai mà vì nỗi gì đó quay lưng lại quên mất tiêu thì đúng là không tử tế, không đáng tin chút nào. Với tôi, ba tôi thì quên hay không cũng được, ba đã sống tốt với cả nhà tôi lắm rồi. Ông sống tử tế đến vô cùng, đến thừa, dường như ông gởi gắm tình thương yêu đến cả người vắng mặt.

Ở cái xóm quê, mười người đàn ông thì nhậu nhẹt hết chín, trong chín người hết năm nhậu về chửi vợ, đánh vợ như đánh bịch muối, ba tôi là người duy nhất còn lại. Ông ít nói, hiền lành, từ tốn với má tôi, những lần má tôi bệnh, ba chèo một hơi mười mấy cây số vừa đi vừa về đưa má tôi ra trạm xá, không than mệt, không thở ra, tận tụy. Lúc nào cũng mình mình tôi tôi, mấy bà hàng xóm nghe tủi cho mình mà khóc, má tôi cũng òa khóc theo, cảnh mỗi người tự người đó biết, người ta hay đứng núi này trông núi nọ vậy mà.

Mơ hồ dường như mình mắc nợ ai đó, cả nhà tôi lúc nào cũng cảm thấy không vui, dù hạnh phúc (hai thứ này sao lại không thể đi chung). Không thấy ai đòi nhưng nợ vẫn cứ là nợ,

nó rờn rờn quanh quất trong chái bếp ngày ngày khói tỏa, trong mấy chiếc giường ngủ con con, trong hai bữa ăn mỗi ngày. Ngồi quây quần như vầy trong bụng cứ nghĩ, có một người nào đó cô độc, bơ vơ. Mà tội nhất là nội tôi, vốn mê cải lương, nhưng bữa nào ti-vi chiếu mấy tuồng có bà mẹ chồng ác nghiệt chia rẽ duyên của con, dâu là thấy nội tôi rầu. Cho tới lúc cuối đời, chắc nội tôi vẫn băn khoăn trong lòng câu hỏi: "Vậy ra, mình giống mấy bà già trong đó thiệt sao?".

Má tôi thấy nội bứt rứt cũng không tỏ ra phiền muộn nữa, cốt để an ủi nội tôi lúc cuối đời. Khi nội tôi vừa khuất, má quyết định gặp đối thủ một lần, chỉ định nhìn vậy thôi, chưa biết làm gì mà cũng không biết làm gì người ta, nhưng chắc chắn phải biểu người ta buông tha ba tôi ra, còn gì nữa đâu mà neo ghe trước nhà ngó mong hoài.

Chờ đợi, rình rập hụp hửi mấy lần, chiếc ghe nhỏ với ngọn đèn đo đỏ lại về đậu trước bến nhà tôi, như mong đợi của má. Bữa đó, má nói với ba tôi chèo xuồng về chơi bên ngoại một đêm. Gà gáy chập đầu, bà trở lại, trên xuồng chất đầy mấy thứ rau đồng, bà giả đò làm người đi chợ sớm.

Ngang qua, má tôi tấp xuồng lại kế bên chiếc ghe, than:

- Tính đi chợ cho sớm mà gió quá, chèo không lên, bậy thiệt.

Má tôi tin rằng, người đàn bà kia, cũng như ba tôi, những đêm như vầy không bao giờ ngủ. Mà thật, dì đang chong đèn ngồi thêu áo gối, nghe tiếng má tôi, dì quay lại, dường như sững sờ, bất ngờ một chút dì cười:

- Dà, đêm nay nhiều gió thiệt - Dì vẹt mớ quần áo, kim chỉ trên cái sạp tre - Chị vô mui ngồi cho ấm, chờ bớt gió rồi đi, ngồi ngoài đó cảm sương chết.

Má tôi không từ chối, bà buộc dây xuồng lại, bước qua ghe. Bà cao người nên ngồi trong cái mui lợp bằng lá chầm đóp phải khom một chút. Họ ngồi đối mặt với nhau. Má tôi thấy lòng mình bình lặng lạ lùng, hồi ngồi dựng cái cảnh gặp mặt nầy, cứ tưởng là phải làm một cái gì ghê gớm lắm. Có thể vì người đàn bà của ba tôi hiện lên rất hiền, dì mặc chiếc áo cộc tay mầu cau khô ở trong, khoác thêm chiếc áo bà ba ở ngoài, mỏng te, nhiều mụn vá. Tóc đã bạc nhiều, lơ thơ vài cọng rủ xuống mặt. Sương gió đã làm cho khuôn mặt dì đen sạm, nhăn nheo. Má tôi nghĩ thầm trong bụng: "Xấu hơn mình nhiều". Má tôi sợ cứ nhìn chằm chằm người ta hoài cũng không phải nên má ngó lơ chỗ khác. Đồ vật trên ghe món nào cũng nhỏ nhắn, tuềnh toàng. Ngay sau lưng chỗ má tôi ngồi, bỏ khoang tát nước có một cây ớt hiểm, một cây sống đời đang trổ bông trồng chung trên miệng cái khạp bể. Dì lúi húi dẹp miếng vải đang thêu dở, với lấy bình thủy, châm nước vô cái bình trà sứt vòi, ho khúc khắc. Má tôi chép miệng: "Cha có trà uống thì còn gì bằng, mà chị bịnh hả, mấy lá sống đời nầy ngậm với muối cũng đỡ ho lắm". Dì ngước lên cười: "Dà, lúc nầy trở gió, cũng nhờ nó…". Má tôi hỏi:

- Chị đi ghe một mình à, một mình cũng được sao?

- Dà, cũng được, chị.

- Ủa, chồng chị đâu?

- Dà, dì bối rối, ảnh… đi xa lắm.

- Còn chồng tôi thì theo vợ bé mất rồi, má tôi nói luôn.

Dì nhìn sững má, dường như để xem xem nỗi đau mất chồng của má với dì có giống nhau. Hồi lâu, dì chợt cúi mặt:

- Uống trà, chị, hoàn cảnh của chị cũng buồn thiệt. Nhưng thể nào rồi ảnh cũng quay về. Thiệt đó chị, đa số đàn ông đều tốt.

Tốt sao? Người ta bỏ cô để cưới tôi mà là tốt à, má tôi ngồi lặng, tự hỏi, mà không biết nói gì nữa, cái câu quan trọng nhất chắc không phải nói lúc nầy. Má tôi ngồi ngó quanh, một ánh đèn nhỏ nhoi thôi cũng đủ hắt sáng vài xâu cốm gạo treo trên vách, mấy hũ kẹo, bánh ngọt, tiêu tỏi để bên này, trái cây như khóm, bí rợ, khoai lang thì chất thành hàng bên kia. Sát bên hông dì, dưới tấm vải trắng thêu dở là hai xấp quần áo cũ, người lớn có, trẻ con có được xấp ngay ngắn, nhưng hết thảy đều cũ kỹ, bạc mầu. Má tôi vọt miệng:

- Ủa, chị có cháu nhỏ à?

Sau nầy, má tôi nói, đó là cái câu tàn độc nhất mà má lỡ miệng đánh ngay vào nỗi đau của dì. Dì nhìn trân trân vào ngọn đèn, cái nhìn đau nặng. "Con bé Phước nhà tôi vô phước lắm chị à, tại tôi không cẩn thận nên cháu vừa mới biết bò đã té sông, trôi mất. Cũng mười mấy năm rồi, bây giờ nó còn sống, chắc tôi thêu gối cưới cho nó cũng vừa. Tôi… tôi chiêm bao thấy cháu nó hoài, chiêm bao lãng nhách hà, tự nhiên tôi thấy con tôi biết nói, nó biểu má đừng bỏ con, trời ơi, tiếng nó thấy cưng lắm kìa, vía tôi trả lời, mẹ sẽ sống trên sông hoài với con, vía tôi thấy nó cười…". Dì nói một hơi dài, giọng dì hơi nghẹn lại: "Trời ơi, chị có chuyện buồn lòng mà tôi lại kể chuyện buồn lòng nữa, chắc chị phiền tôi lắm. Mớ đồ nầy tôi cất lâu rồi, sợ mốc, cứ mấy tháng là tôi đem ra giặt lại, của con bé con tôi có, của chồng tôi có. Chồng tôi… tôi chỉ còn giữ lại bao nhiêu đây thôi. Chị coi, tôi khùng hôn, không giặt thì không được mà giặt hoài, tới hơi chồng cũng bay, tôi cũng quên mất rồi…".

Dì cười quay quắt. Má tôi chút nữa đã bật khóc, bà cố nén nghẹn ngào:

- Đàn bà mình sao khổ vậy?

Tiếng gà gáy xa xa, con nước đêm nay mau lớn quá, mới đây thôi đã ngập nửa cây sào neo ghe rồi. Lúc nầy, nước lớn không nghe bìm bịp kêu, mà nhờ không có, chứ nghe bìm bịp kêu càng buồn nữa. Má tôi ngồi bình tâm lại, vậy thì mình nhỏ nhen gì mà giành với người ta chút nầy nữa. Năm nầy qua năm khác mình được sống chung với ảnh, ban ngày ngoài ruộng, ban đêm chung giường. Ngó mặt nhau ăn cơm, ngủ cũng đấu mặt lại ngủ… Còn người ta, nhớ

thương đứt ruột, có thể chạy ào lại để gặp nhau nhưng vì lương tâm không làm được, đành ngồi đây ngó lên, ngồi ở trên ngó xuống. Đau lắm chớ. Má tôi nhìn ra ngoài trời, vẫn còn khuya lắm, nhưng đã thấy mấy chiếc xuồng đi chợ sớm lướt qua, tiếng mái chèo quẫy chũm trên mặt sông ngọt, nhẹ, cứ tưởng từng lát nước xếp lên nhau như những lát đất cày. Dường như trời bớt gió nhiều rồi. Dì nghiêng đầu ra ngó trời, chừng như nuối tiếc, thảng thốt:

- Trời đất, đêm qua lẹ thiệt. Chắc tôi phải đi bây giờ.

- Sớm vậy sao?

- Dạ, tôi thường đi… trước lúc người ta thức…

- Tại tôi nhiều chuyện làm chị thêu không xong…

- Không, người đàn bà cười, nét mặt thốt nhiên buồn bã, tôi thêu cho hết đêm, xong rồi lại tháo chỉ ra thôi, tôi sợ, nếu không làm gì, tôi… tôi sẽ nhớ chồng con tôi rồi mắc… khóc, cầm lòng không được. Mà, đàn ông chịu cực khổ nhiều lắm rồi, lấy nước mắt trói buộc họ nữa, tội họ lắm, chị à.

Vậy rồi hai người chia nhau đi. Ghe nổ máy rồi, khói xịt tơi bời, dì còn dặn lại: "Nếu ảnh có quay về, chị đừng giận ảnh nghen. Người ta có đi đâu làm gì thì cũng thương mình chị thôi". Má tôi không nói, quay đi và khóc.

Tháng sau, má tôi quyết định gom mớ của cải cả nhà có được ra chợ, mua cái nhà. Ba tôi biết chút ít nghề mộc nên nhận đóng tủ, bàn ghế ở nhà, má tôi chiên đậu hũ bỏ mối, chị tôi mở tiệm may, tôi vào đại học. Mọi thứ được sắp đặt lại, mới mẻ, gọn gẽ. Má tôi bắt ba phải xa sông, nhưng chính bà cũng biết, những dòng nhớ vẫn tiếp tục chảy mãi trong hồn ông. Má tôi cũng không kể với ba cái đêm gặp "tình địch" ấy, nhưng mãi mãi, mỗi khi cả nhà ngồi ăn cơm, tim má lại hiện lên hình ảnh cái rổ úp chén đan bằng nan tre đã xỉn mầu, trên đó có cái dĩa, cái tô và ba cái chén, ba đôi đũa như thuở người đàn bà trên ghe còn nguyên một gia đình.

… Bây giờ má tôi muốn gặp dì, nhưng lâu quá, chờ hoài không thấy dì ghé lại đậu ngoài bến như ngày xưa, đã mười mấy năm rồi, không biết có biến cố gì không. Chỉ tội má tôi tảo tần kiếm cho kỳ được. Tôi hỏi má tìm làm gì, má tôi nói để cho hai người gặp lại, coi thần trí ba mầy có đỡ hơn không. Rồi thì ba tôi cũng mỏi mòn nằm xuống trên mảnh vườn của nội tôi, bình yên. Má tôi vẫn không ngừng tìm kiếm dì, hỏi để làm gì, má tôi nói để cho dì hay và nói với dì, nếu sống mà không gần được chừng nào chết, mời dì lên nằm trên đất vườn tôi.

Đó là nỗ lực cuối cùng má tôi làm để chấm dứt cái cảnh ba nằm bên má mà hồn vẫn hướng về những dòng sông miên man chảy.

***

Tôi mới gặp lại thằng bạn cũ, cái thằng mỗi khi cười làm tim tôi thút thít thòm thèm. Tốn

tới bốn năm. Ủa vậy thì bốn năm đó, chúng tôi chẳng rời xa cái thành phố chật chội nầy, cớ sao không gặp nhau?

Tôi ngồi ngẫm nghĩ mấy giả thuyết (tất nhiên là trong lúc rảnh) có thể, khi tôi, tất tả trên con đường này thì thằng bạn lại đi trên đường khác; tôi đi cho mua cá nấu cơm, bạn đang nhậu, tôi thức gần trắng đêm để viết lách kiếm cơm, bạn phải ngủ; khi tôi ngược về vùng sâu vùng xa công tác, ban được sếp cử đi Sài Gòn… Kè xuôi người ngược. Nhưng tôi nghĩ, cũng không loại trừ chúng tôi từng bị mắc trong một vụ kẹt xe, có cách nhau chừng năm ba thước cũng vô phương đối mặt. Hay chúng tôi cùng học, ờ, thí dụ như học nghị quyết, chắc là tôi ngồi đằng cuối còn thằng bạn ngồi dãy đầu, tôi lên cầu thang bên này bạn xuống cầu thang kia…

Về cái sự chúng tôi không gặp (dù thi thoảng cũng nhớ nhau), có quá nhiều giả thuyết. Nhưng, nếu quyết lòng, thi có khó khăn gì để gặp nhau, hở trời?!

***

## Truyện 12. DUYÊN PHẬN SO LE

Một bữa gió dầm dề, khách vắng teo, mười ba nhân viên khu du lịch văn hóa So Le tổ chức nhậu nhẹt, xong rồi thi coi ai có cuộc đời buồn nhất. Mới biết, dì Chín nấu bếp hồi nào giờ chưa từng biết yêu ai, con My̆ nghèo, toàn mặc đồ cũ của chị Hai, mười tám tuổi mới vung vinh được bộ quần áo của chính mình, Hường thì yêu thầm nhớ trộm ông thầy dạy toán… Xuyến kể sau cùng, bằng cái giọng hết sức điềm nhiên, cô nói mười bảy tuổi có yêu một người, yêu đến nỗi bỏ cha mẹ theo tình. Mười tám tuổi thằng nọ phụ phàng, bỏ cù bơ cù bất giữa chợ. Lúc ấy đã không còn đường về nhà nữa…

Mọi người rưng rưng bảo thôi, khỏi kể thêm khúc sau mầy cũng xứng đáng là người có cuộc đời buồn nhất ở So Le này rồi. Rồi cả bọn lặng lẽ ngồi nghe gió thốc qua lòng, rúm ró nỗi cô đơn. Trời ơi, thêm một mùa gió Đông nữa mà chưa người nào lấy được chồng. Tuyệt vọng như dì Chín nấu bếp đã đành, còn My̆, còn Lam, còn Hường… và cả Xuyến kia nữa, cô sắp qua khỏi thời con gái mất rồi.

Mà ngộ, chỉ Xuyến là không xao động gì hết, lúc gió về. Kể chuyện mình xong, cô đứng dậy, đóng hết các cửa sổ, lau sàn nhà, trải khăn lên bàn, xếp ghế cho ngay ngắn. Ngang qua phòng anh Năm, Xuyến vào coi có quần áo dơ không rồi gom ra sàn nước ngồi giặt, cằn nhằn anh sao để cổ áo thâm kim. Dửng dưng, bởi không còn gì để trông đợi, bởi Khởi đã thật sự không quay lại nữa rồi?

Hay bởi những mùa gió chẳng còn gì để lạ, Xuyến tới đây lúc khu du lịch mới hình thành, giám đốc Thuy̆ hay bảo, Xuyến là bậc “khai quốc công thần” của So Le. Chân bước lên bờ, thấy vợ Thuy̆ đang ẳm con ngơ ngác trước mênh mông hoang vắng, không sợ đã đành, đằng này, Xuyến mừng húm. Cụm nhà nghỉ lọt thỏm cuối bìa rừng. Biển đằng trước. Và gió lộng lồng trên đầu. Ở đây là cuối đất, xóm làng gần nhất cũng cách hai vạt rừng, sau lưng So Le chừng nửa giờ đồng hồ là trung tâm xã, thêm ba giờ để đến huyện, ra tỉnh mất nửa ngày. Tàu đò thường quăng lên khu du lịch những người khách xốc xếch, lử lả đường xa, họ cuống quýt ngắm rừng xanh ngời ngợi trên đầu, lýnh quýnh ngó những con thuyền dập dềnh thăm thẳm đằng phía biển. Nôn nả chạy ra mốc tọa độ chụp hình, hối nhà hàng dọn cơm ra. Vừa ăn vừa coi đồng hồ, tính xem thêm chén nữa thì có kịp chuyến đò trưa không. Vội vậy, nhưng vẻ thoả mãn hiện lên trên nét mặt, vì chụp được cái hình ngay chỗ panô vẻ chữ Mũi So Le tổ bố để về khoe với bạn bè, vì được móc cục đất khóc ồ ồ, ôi giời ơi, đất thiêng của ta ơi, đất thương đất nhớ ơi, sau đấy thì làm thơ.

Bọn Xuyến cố nín cười, thấy lòng vui, dù biết với những du khách này, chẳng thu lợi nhuận gì nhiều. Nhưng có họ cũng đỡ thèm người, đỡ thấy mình giống khỉ. Rồi khu du lịch được vực dậy, bắt đầu từ một nhà hàng thuỷ tạ ngoài bãi bồi, cụm pa nô tiểu cảnh, những con đường xi

măng giả gỗ ngoằn ngoèo luồn sâu vào rừng… Mũi So Le ngỡ ngàng dụi mắt đón những du khách cười nói bạo liệt, đạp mũi ca nô lên bến. Họ ở lại lâu, nhậu lâu, ca hát tưng bừng…

Nhưng đời đám nhân viên phục vụ bỗng buồn hiu. Khách đến, khách say, tán tỉnh, hôn hít họ rồi về (thì ca hay, phục vụ chu đáo, nên khách thưởng chơi vậy mà). Người ở lại chua chát nghĩ, điệu này rồi sẽ khó lấy chồng, đáng ra đôi má này đôi tay này phải để cho người mình thương iu ấp. Có ai yêu mình, tin mình, chịu cưới mình khi suốt ngày mình đưa mặt cho người ta hôn hít (và cả đáp lại người ta, nếu có yêu cầu). Bà con ở đây cười cợt, dè bỉu đã đành, tệ như mấy anh chàng thợ xây nhà thuỷ tạ ốm tong teo, đen nhẻm vậy mà không thèm chọc ghẹo một lời. Không biết đã đành, thấu hiểu, yêu thương như Khởi một bữa còn đập đàn bỏ Xuyến mà đi.

Chuyện đó cũng đã lâu, nhắc lại, Xuyến cười, quên mất tiêu rồi (giọng như quên cái nón, cái khăn, cây bàn chải đánh răng…). Chiều chiều, nó hay ra cái bến trước quán cà phê nhỏ của vợ chồng giám đốc Thuỵ, ngó xa theo con rạch loằn ngoằn, vắng ngắt. Như chờ đợi, như mong ngóng, như hy vọng… Nhưng có chờ đến tối chỉ chiếc đò máy chở bé Bi, con gái Thuỵ tan trường về ghé lại. Xuyến lên nhà chơi với Bi (hú vía, may mà có con bé nhỏ teo xinh xẻo này). Xuyến nướng tôm cho Bi ăn, thắt mớ tóc xoăn mềm mại của Bi thành bím, Xuyến hỏi con bé bữa nay cô giáo dạy bài gì, rồi lớn nhỏ hai người vỗ tay hát ngêu ngao. Ai nhìn thấy cảnh ấy cũng cũng thương, Xuyến leo lẻo nói cười, thấy vậy mà không phải vậy.

Mọi người bảo nhau, lòng con nhỏ Xuyến vẫn còn đau. Một bữa thấy Xuyến vào phòng Khởi, thụp xuống vùi mặt vào chiếc áo anh bỏ lại. Một bữa nhìn trời mây nước mênh mông mà đôi mắt ráo hoảnh, trống trơ, nhìn mà không thấy gì hết. Một bữa thấy Xuyến tết tóc cho bé Bi, Xuyến rơi nước mắt.

Một bữa Xuyến bảo anh Năm Già đừng hát cái bài "Lòng dạ đàn bà", "hồi đó anh Khởi hát hoài, em nghe mắc chán rồi". Anh Năm vậy a, vậy à, mà trách mình vô ý dữ. Ba mươi chín tuổi, sớm lấm láp bụi đời nên mặt anh Năm khằng, đen đúa, lưng hơi khom. Hôm tới đây anh vẫn còn là nhân viên hậu đài của đoàn ca múa nhạc. Hết mùa lưu diễn, bữa đó cả đoàn được thưởng một bữa nhậu tại Mũi So Le. Ai cũng vui nên say quá chừng, say vùi dẫn cho đến khi một nhân viên của nhà hàng đập cây đàn vào bức tường trước mặt. Những sợi dây đứt bặt buốt nhức giữa tiếng gãy giòn, và trong những sững sờ, cồn cào một tiếng thở thảng thốt. Mắt mở trợn trạo, mặt đỏ bừng, Khởi lia tay vào bàn tiệc (như đang đếm gà, vịt), gằn giọng: "Cô nắm níu ở đây là vì thèm khát thứ người này sao, Xuyến?", xong quay lưng đi một nước. Xuyến tuyệt vọng ngó theo, rồi cô run rẩy mỉm cười, lẩy bẩy rót rượu cho khách, bảo uống đi mấy anh, không có chuyện gì đâu… Nhưng cuộc vui tới đó đã tàn mất. Khách xuống tàu, anh Năm Già còn đứng trên bến, anh bảo sau này chắc nhà hàng mình thiếu người, tôi ở lại để đàn cho cô hát nghen, cô Hai. Xuyến lắc đầu cười thê thiết, "Anh tính đền cho tôi à… có phải tại anh đâu

mà…" nhưng anh Năm đã quả quyết xô mũi tàu ra.

Anh ở lại Mũi So Le, làm con khỉ thứ mười ba, những con khỉ khác cứ hỏi nhau sao chuyện đi ở thằng cha này coi nhẹ hều vậy cà. Anh được phân cho một căn phòng ngó ra hành lang phía sau có nhiều dây phơi, một bữa đang lui cui dọn giường nghe Xuyến mừng rỡ, ngỡ ngàng kêu "Anh Khởi!". Anh quay lại, Xuyến thất vọng bưng mớ quần áo quay đi. Năm "Già" xin được chuyển phòng.

Mỗi chiều Xuyến ra bến chơi, anh cũng xách dao dọn cỏ, tỉa cây gần đó, anh nói láp giáp đủ chuyện dưới đất trên trời (Như thể mình mà im lặng Xuyến sẽ khóc mất). Anh nhằn gió trên trời, thổi chi cho tội, nhằn ai phơi khô cá thòi lòi không đặng nắng để bốc mùi thúi ủm. Nhằn cả chuyện độ rày gạo cá lên giá quá chừng… (ủa, chuyện này mắc mớ gì đàn ông lo)

Có khi Xuyến hụ hợ vài câu, có khi cô chỉ mỉm cười. Ngoài chỗ nói nhiều ra (mà toàn nói chuyện khơi khơi), sao mà anh Năm "Già" giống Khởi kỳ lạ. Giống cả cái yêu lặng lẽ, lầm lì (như ông trời trả lại y chang). Đóng cái móc áo trong phòng Xuyến, thay bóng đèn, sửa chốt cửa, nấu tô cháo nóng để đầu giường lúc Xuyến say. Ngày ngày, anh Năm bắc một cái ghế ngoài bàn tiệc, phục vụ việc hát hò cho khách, uống đỡ dùm Xuyến vài ly rượu khi khách mời. Anh còn lấy xuồng chở Xuyến với bé Bi chơi dài trong rạch, hái trái ô rô. Nhiều khi Bi ngọng ngịu nói cười, thấy thương không chịu được, Xuyến ôm ghì nó, bảo sao mà em mê con nít quá chừng à, anh Năm. Anh cười hỏi sao Xuyến không đi làm cô nuôi trẻ. Xuyến lặng người đi, vì vết thương cũ trong lòng nghe rịn máu.

Khởi cũng có lần hỏi Xuyến câu ấy. Đâu chỉ vậy, nhiều bữa nhìn Xuyến quằn quại vì bị mời rượu say mèm, anh lẳng lặng ra thị xã xin sẵn một chỗ làm rồi hỏi Xuyến có đi với anh không. Xuyến cười, trời đất, đi đâu, anh. Khởi bảo, đi làm cô nuôi trẻ, bỏ Mũi So Le. Xuyến bần thần một thoáng (những đứa trẻ ấy có một mụn thịt trong vành tai, có một nốt ruồi son đỏ sau gáy, có cái rốn to nhăn nhúm buồn cười như cái mặt người, cái rốn hai mươi mốt ngày mới rụng… như Bi không?. Tần ngần, Xuyến bảo, "Mai mốt nghen anh, bây giờ công chuyện đang rối… Mấy đứa Nga, Hường mới vô làm, công việc chưa rành, khờ ịt, chỗ mình còn xây dựng tùm lum, chẳng ai coi sóc… Đó, bé Bi con anh Thuỵ bệnh đang nằm ngoài trạm xá hỏng biết chừng nào về…".

Nhớ lại, nhiều lúc Xuyến cười, mấy lý do đó trớt quớt, chẳng ăn nhập gì với mình, hèn chi Khởi cười gằn, bỏ đi. Đáng lẽ phải nói như vầy, em thấy yêu mến, gắn bó mảnh đất này quá đi, anh à (nói theo kiểu thanh niên tình nguyện trả lời phỏng vấn trên truyền hình). Ở đây ba năm rồi, bây giờ bỏ rừng, bỏ biển, bỏ cả những cơn gió Đông cồn cào mắc dịch này thiệt không đành… Còn nữa nghen, bạn bè ở đây ai nấy đều tốt, vợ chồng giám đốc Thuỵ cũng thấy thương quá chừng, tóc sắp bạc màu mới kiếm được đứa con, chắc là hiếm muộn, chắc là chờ

đợi, chắc là chữa trị rất tốn tiền. Em biết họ từ hồi họ còn ở chợ, trước nhà có một hàng điệp đỏ, mùa nắng lá rụng tả tơi, lá xếp dày, nằm lên đấy không sợ bụi đất…

Những lời hay ho đó, Xuyến học thuộc lòng, định nói vào cái ngày anh Năm mở lời biểu Xuyến theo anh. Một bữa hai người chơi thả tàu giấy dưới bãi với Bi, anh Năm nhìn Xuyến thật lâu, trìu mến nhìn chị em vung vinh thách nhau thuyền nào đi trước, cắn môi mấy cái, nhìn trước nhìn sau (như sắp truyền tin cho nhau giống trong phim “Biệt động Sài Gòn”), anh bảo, “Cô Xuyến mê con nít vậy, sinh cho tôi một đứa nghen”. Hôm đó trời đứng gió, Xuyến nghe con ong o e trên ngọn đước, nghe mình rỗng không, nghe tim nín thít, (và bần thần tự hỏi, đứa trẻ mình sẽ sinh với anh có cái ngón chân út quẹo đơ, có những sợi lông măng dày mịt che cả bớt đen sau cổ như con bé Bi xinh xẻo này không). Xuyến cười lạt nhách, lấy tay phát nước đẩy chiếc tàu giấy đi, Xuyến bảo, em chưa tính tới anh à. Anh Năm cũng cười, nhìn con tàu trắng trôi xa, từ từ mù mịt, bẽ bàng nghĩ, dường như Xuyến không quên được một người.

Sáng sau, anh Năm từ giã Mũi So Le. Mọi người kêu trời, sao cha nội này đi ở đơn giản vậy kìa. Tiễn anh vòng vèo qua những con đường nhỏ trong rừng, ai cũng nghe tiếc, nghe đau, nói dèm với nhau (cốt để anh Năm nghe thấy), khu du lịch mình bộ khai trương ngay ngày xấu, hồi đó tới giờ không tổ chức được một đám cưới nào. Xuyến đi sau cuối, chân bời rời bước, anh Năm tần ngần hỏi, “Cô Xuyến có chuyện gì nói với tôi không?”. Xuyến ngơ ngác một lát rồi cười, dạ, anh đi mạnh giỏi.

Và tàu mang người đi, thăm thẳm như thể nó đã nuốt chửng anh rồi. Mọi người hỏi Xuyến có sao không, Xuyến bảo, mai mốt cũng quên (như quên đôi dép, đôi giày… Và như quên Khởi). Rồi Xuyến đi gom khăn trải bàn, cuốn tất cả các bức màn, đem giặt. Nhưng vừa rảnh tay, Xuyến đã nghe buồn anh cõng buồn em đi lê thê trong dạ, cô dựa lưng vào tường, những vuông vải phơi trên đầu cồn cào, oằn oại, tơi tả gió. Xuyến ngồi ở đó, ngó nắng, bỗng thèm có con bé Bi ở cạnh, để khóc với nó chơi, để đi qua niềm đau đang như bão bời bời.

Để thấy đời có buồn thêm chút đỉnh, cũng không sao. Như thế này thì nhằm nhò gì cái hồi Xuyến xin làm bồi bàn cho một quán ăn trong thị xã, để được đi lại (chầm chậm) trên khúc đường gần đó, nhìn Bi bò lủm củm trong nhà. Bi biết đi, mẹ dắt ra sân, Xuyến giả đò lại gần khen, em bé dễ thương quá hen, mà không dám xiết chặt Bi vào lòng, áp mặt mình lên đôi má phúng phính lông tơ, vì sợ mình sẽ khóc. Bữa kia mới buồn ác, thấy Bi lon ton chơi mình ngoài sân, bỗng không kìm được, Xuyến xốc Bi lên chạy một đoạn rồi thất thần dừng sững lại, kêu lên hai tiếng trời ơi, mình làm khổ nó rồi, mình nghèo như vầy… Xuyến đưa Bi quay lại. Những khuya, ngủ không được, Xuyến lọ mọ lại khoảng sân đầy lá trước nhà Bi, rờ rẩm chỗ đất cạnh gốc điệp già. (Chỗ đó, có một sáng đôi vợ chồng nọ mở cửa ra, thấy một đứa bé đang nằm say ngủ).

Mấy chuyện này may mà Xuyến giấu chặt trong lòng, phải kể ra chắc là buồn vô địch cấp huyện chứ sá gì cái Mũi So Le nhỏ nhoi này.

***

Dạo trước, hồi chưa có phong trào nhạc "Sáng sáng anh uống cà phê. Tối tối anh uống cà phê.." hay "Ở bên người ấy xin đừng nhờ đến tôi. Ở bên cạnh tôi xin đừng làm khổ tôi…", mấy chiếc xe kẹo kéo, khoai mì luộc hay mở bản nhạc như vầy "Một trái tim khô. Một trái tim mùa đông. Trái tim đã nhiều lần, nhiều lần chạy trốn tình yêu. Suốt đời tôi mãi mãi là người đến sau….", nghe cũng hay hay.

Mà hơi mắc cười, tình yêu, ai cũng khoái, sao cha nội nầy đòi chạy trốn?!

***

## Truyện 13. MỘT TRÁI TIM KHÔ

Năm Hậu ba mươi chín tuổi, Hậu gặp một chuyện ly kỳ, chạng vạng trên đường về nhà, qua cua Bún Bò, Hậu bị đâm. Thằng cha này giết người mà nhát hít, nhắm mắt đâm hai nhát nhưng chỉ ngoáy trúng bả vai. Thấy Hậu đổ gục, người này còn sám hối một câu, xong quăng dao xuống mương cống chạy mất. Sau câu nói ấy Hậu mới thấy mình chết ngắc.

Vết thương lành nhưng Hậu mắc chứng trầm uất, hoang tưởng, rối loạn tâm thần. Hẳn cái cú sốc chết đi sống lại ấy khủng khiếp lắm. Hậu đã khóc suốt tháng đầu nằm viện, uống thuốc vào thì ngủ thiếp, thức dậy đã thấy nước mắt chảy thành hàng (như thể Hậu đã khóc sẵn trong mơ). Tháng thứ hai Hậu vật vờ, nín thinh nín thít, nằm không muốn dậy (mà đã dậy thì chẳng muốn nằm), đang ăn rớt đũa Hậu thà lấy tay bốc chứ không thèm lượm lên. Rồi bỗng một ngày Hậu tỉnh queo, xin bác sĩ cho xuống bếp bệnh viện nấu cháo từ thiện với chị em, "Chớ rảnh quá biết làm gì bây giờ". Giỏi giắn, tươi tắn, đến nỗi không ai tin Hậu còn bệnh (bác sĩ nhiều khi còn không dám tin), nhưng mãi Hậu vẫn không nhận ra chồng. Thường nhiều lần lại thăm, Hậu ngó lơ, Thường nắm tay, Hậu quạu quọ, mặt nhăn như khỉ ăn gừng, bảo, tui có chồng rồi nghen, cha nội. Chồng tui tử tế đàng hoàng chứ đâu có cà chớn như ông. Thường buồn quá, tha thẩn ra về.

Hôm mới giải phẫu xong, cảnh đời mới buồn ác liệt. Khi tỉnh dậy, Hậu chỉ biết tê tái hỏi một câu, "Sao anh đành đoạn giết em?" (trời đất ơi, chắc là hết chuyện nói rồi). Ba đêm Thường thức trắng, con mắt trỏm lơ, người căng như sợi dây đàn, lặng người theo mỗi tiếng Hậu rên, hớt hải khi Hậu trở mình, nhưng đến khi Hậu hỏi câu ấy, Thường mới quỵ xuống, rối rít gọi em ơi, em à, em sao vậy, thấy đau ở chỗ nào. Anh đây mà, chồng em đây, không nhận ra anh sao…

Hậu chỉ nhếch một nụ cười tê dại, thấy mình quên thật rồi, điên thật rồi. Cái người đàn ông đang đứng trước mặt mình đây, là chồng, vậy mà bây giờ nhìn mặt thấy xa lạ, ghê tởm, thấy mình nẫu lòng ra, muốn chết quách đi cho rồi. May, sau này Thường không đến nữa, vì bận túi bụi thay Hậu tiếp nhận chức Tổng giám đốc công ty Mặt Trời, nghiễm nhiên là Chủ tịch Hiệp hội đồ chơi (những gì Hậu để lại nặng nề hết sức). Thường than với nhỏ Thỏ, "Gặp mẹ con lòng ba đau quá". Mà, không đau sao được, kỷ niệm tươi rói như mới hôm qua, hai người cùng nhau nấu bữa cơm chiều, cùng nhau sơn lại đôi cánh cửa, sửa hàng rào, cụm nụm trồng hành quanh chậu ớt. Buổi sớm chung xe đến công ty, vào đấy thì mỗi người một phòng nhưng ngang qua lần nào cũng búng vô cửa kính chóc chóc, để ngẩng lên ngó nhau cười. Hậu đi kiểm tra công việc ở chi nhánh miền Tây, Thường gọi điện thoại theo, ngập ngừng hỏi chỗ ấy mưa nhiều không?

Lúc đó, Hậu đang căng thẳng vì phát hiện ra một vụ bê bối tài chính động trời nên trả lời

nhát gừng, lạnh ngắt. Phải biết đấy là cuộc trò chuyện cuối cùng, thể nào Hậu cũng nói thêm vài câu em nhớ anh em yêu anh lắm, thể nào cũng nhắc chuyện tình xưa xanh mướt màu rau muống luộc chấm tương kho, chuyện Thường đạp xe chở Hậu đi dưới pháo hoa những giao thừa… Mối tình đẹp nhưng cũng nhiều trắc trở, mấy bận Thường tránh đi vì dư luận đồn đãi Thường lợi dụng con gái nhà giàu, là mấy lần Hậu tất tả giữ người yêu lại, "Người ta nói gì kệ họ, em tin anh".

Vậy mà bây giờ lạnh lẽo, tan hoang như đồng sau bão, đến nỗi hay tin Thường lấy vợ, Hậu dửng dừng dưng, tỉnh bơ ba khía. Lòng chỉ se đau khi thấy nhỏ Thỏ mặt xìu co, tủi buồn ngồi thút thít, nó chờ Hậu khóc quá trời, chỉ có nước mắt rơi là hy vọng một trí nhớ, một tình yêu, một mái ấm về lại… Hậu biết nó nghĩ gì nên ôm lấy đôi vai nhỏ, bảo "Chừng con lấy chồng, mẹ khóc cho con coi”. Thỏ mếu máo cười, ai mà thèm… Rồi mẹ với con nhìn buổi sáng đã lên cao, nghe mùi gió chướng ngọt ngào, thấy chỗ u ám như bệnh viện mà trời xanh, trời đẹp như vầy, chắc ở ngoài kia nắng nhuộm đời tươi rực rỡ. Hậu bảo con, sẵn bữa nay mẹ xuất viện cho rồi. Thỏ phì cười.

Tưởng nói chơi, nhưng Hậu ra viện cũng đơn giản như trả phòng khách sạn. Đã mướn sẵn một căn nhà nhỏ như hộp diêm quẹt nằm trong con đường cũng nhỏ, Hậu dọn ngay vào đó. Hàng xóm gầy gò ra xe đỡ ít đồ đạc còm nhom. Buổi chiều, Thỏ chở sách vở, quần áo, búp bê… lại, kêu Hậu ngồi nó chải tóc cho, bảo thiếu con mẹ bê bối cho coi. Mà, mẹ ơi, con nghỉ chơi với ba rồi…

Hậu trở lại bệnh viện, xin việc. Người ta dành cho Hậu một chỗ làm ở khoa ngoại thần kinh. Công việc đơn giản chỉ quét dọn và săn sóc bệnh, nhưng những người trước bỏ việc vì sợ. Hậu thì thấy chỗ này dễ thương. Đi qua căn phòng cũ, nắng vẫn chênh vênh đeo ngoài cửa sổ, nghĩ tức cười, sao mình có thể ở đây từng ấy tháng trời vậy cà. Để kết bạn với đám người buồn cười, một cậu nhóc múa may vèo vèo, kêu Chỉ Nhược nàng ui, nhoẻn miệng cười khi Hậu gọi lại bằng Vô Kỵ. Một phụ nữ trạc ba mươi, chín năm trời giắt hoa lá trên đầu thi hoa hậu, rớt ngay phần ứng xử: Trước hết, em xin cảm ơn các đấng sinh thành, sau đó cảm tạ cha mẹ đã đẻ ra em… Một anh chàng làm thơ không hiểu nổi, nhiều lúc giảng thơ cho Hoa Hậu nghe, tự mình ngất ngư cười, câu này tui hổng biết viết về cái gì. Một ông đẹp người, hiền hậu, lên cơn thương nhớ vợ mới xé áo quần. Có lần ông lẻn ra ngoài, trèo lên lan can tầng bốn ngó xuống sân gọi vợ hời hời, Hậu dịu dàng kêu: "Xuống đây với em, mình ơi", ông trở xuống, ở truồng tồng ngồng, ôm Hậu vào lòng, ông khóc. Hậu cũng khóc, trong vòng tay ấm mà nghe mình lạnh ngắt, khóc cho một trái tim đã chết ngoẻo cù nèo.

Chết ngay ở cua Bún Bò, ngay sau khi thằng cha giết mướn run rẩy bảo, "Đừng oán tôi nghen, có oán hận thì oán chồng bà". Trong một thoáng Hậu xâu chuỗi các sự kiện lại. Chồng mình. Khoản tiền thất thoát. Cô kế toán trưởng chi nhánh miền Tây. Những lời đồn đại (mà

trước giờ Hậu chẳng tin)… Hậu nghe tim mình vỡ bục ra, giãy đành đạch rồi nín luôn. Sau coi phim thấy cảnh hiếp đáp éo le cũng không thương khóc nữa (hoàn cảnh ấy thì sức mấy mà đau bằng mình). Có lần đi chợ gặp Thường, Hậu ung dung chào, hỏi. Xong đứng nấn ná ở đấy trông tim nó lồm cồm ngồi dậy nhói chơi, nhưng không ăn thua, nó lặng như tờ.

Trái tim đã mắc chứng vậy nên tội mấy ông đi qua đi lại tán tỉnh tòm tem, nói thương em quá chừng. Hậu cười, thương thiệt hông à, lúc trước tui bị điên đó nghen. Ai nghe nói cũng sửng sốt, chạy dài, dù có tiếc hùi hụi, chắc lưỡi, than, "Đẹp vậy mà điên, uổng thiệt". Nhưng tưởng tượng thử coi, hai người đang ngủ bỗng dưng vợ bật dậy lấy dao kề cổ ta, cười khà khà khà, quá ớn.

Chỉ Nhâm còn lại, Nhâm cười, ai cũng một thời điên, vì quá sung sướng, quá khổ đau, vì danh vọng… Nói tới đây, Nhâm thảng thốt cúi đầu, tôi đã có lần điên vì tiền, lúc đó, con gái tôi đau nặng lắm… Hậu gật đầu miệng ờ ờ (như đã chứng kiến cảnh ấy rồi, đã biết tỏng rồi), nhưng chưa thôi dọa thêm, "Nhâm không sợ thiệt sao? Tôi điên là quên chồng tuốt luốt". Nhâm cười, "Tôi sẽ làm cho cô Hậu nhớ tôi hoài". Mà có vẻ như Nhâm chẳng làm gì thì Hậu cũng nhớ, cũng hay nghiêng ngó người ta. Nhâm ở kế bên, hai nhà chung vách, mới đầu Hậu không thấy mặt, chỉ nghe tiếng cơm sôi, tiếng đập muỗi. Và những cái thở dài xao xác như lá rụng hoa rơi. Thằng cha nào mà coi bộ đời cũng buồn, Hậu nghĩ, đến nỗi không nghe tiếng con nít cười, tiếng đàn bà càu nhàu chạy gạo. Một bữa Hậu mở cửa ra, đá nhằm Nhâm nhậu say nằm ngủ đại dưới thềm. Kỳ cục thiệt, không hiểu sao Hậu thảng thốt, nghe tim nhót lên một cái, chết cha, mình với thằng cha này có duyên gì mà gặp ở đây.

Nhâm thì tin là có duyên phận, bởi nhìn Hậu, Nhâm thấy thương như gặp ở kiếp nào, hồi nào… Mỗi chiều về, thấy mẹ con Hậu ngồi trước cửa nhổ tóc sâu, Nhâm thấy lòng êm đềm như cỏ. Cứ muốn ngồi gần đấy cho đủ một chòm hạnh phúc, để bình yên nhả khói thuốc lên trời. Nhâm thương cả nhỏ Thỏ, một lần nó bước qua khi Nhâm mới vừa ngủ dậy, thảng thốt, bàng hoàng, Nhâm kêu lên hai tiếng con ơi. Để rồi bẽ bàng nhìn nhỏ Thỏ cười.

Nụ cười đó, con gái Nhâm không bao giờ có. Thương Nhâm, nó chỉ thiu thỉu gượng nhếch môi mỗi khi chuẩn bị vào phẫu thuật. Rồi tới một ngày nó thôi không cười được nữa, dù là một cái cười thiêm thiếp, xanh leo lét, như mộng mị, chiêm bao…

Nó đi rồi, Nhâm nhậu suốt tháng sau, định là sẽ nhậu hết nửa đời còn lại. Đỡ hết biết, một ngày kia mẹ con Hậu đến, chui vào cái hộp kế bên, cười giòn, họ còn kéo ra sàn nước, chỗ tắm giặt chung, con xối nước cho mẹ gội đầu. Hình ảnh ngọt ngào vô phương.

Nhâm phụ hồ ngoài công trường, mong ngày qua mau, chạy về nhà, có khi chỉ để coi Hậu ngồi giặt áo. Nhỏ Thỏ cười, kéo Hậu lại thông báo tin… buồn, ông đó mê mẹ quá trời. Ờ, mà ổng coi bộ hiền hén, tại đời cũng buồn quá. Hậu gật gù. Đẹp trai. Mũi cao. Nhưng để râu tóc

quá dài, dọn lên sẽ đỡ hì hợm. Hơi bê bối, Thỏ nói, bằng chứng là bạ đâu ngủ đó. Con người có vẻ phức tạp, vì chơi với mấy người cũng có vẻ… phức tạp. Cái thẹo dưới cằm quá ấn tượng, gặp một lần chắc là khó quên, Hậu nói với vẻ như đã biết rành, nhưng cái tâm lương thiện. Con thấy sao? Mẹ thấy sao? Hai mẹ con bình luận như đang đứng trước máy giặt sắp mua về.

Sau đó là một mùa mưa dài, chuyện của Nhâm với Hậu không có biến động gì lớn. Cũng đi qua đi lại, cũng bịn rịn trong lòng, cũng giả đò kiếm chuyện nói chơi, nhưng thay vì trong bối cảnh nắng ngột cả người bây giờ hai người nhìn mưa rơi. Nhìn nước bò lên ngập đám cỏ đằng trước, mấy con cá nhỏ đủng đỉnh lội tới lội lui, thò lỏ nhướng con mắt coi lũ người ta chẳng ra gì. Nước tràn vô nhà ngập nửa ống chân, bèo hoa dâu trôi bồng bềnh chân giường, đi làm về Nhâm qua nhà, hì hụi tát. Bữa sau nước lại chảy vào, không thấy Nhâm than, biểu Hậu cứ ngồi trên giường, bôi thuốc lên mấy chỗ nước ăn. Có đám trẻ lội bủm xủm đi qua hát rằng "Ước gì mình đừng ngăn cách, ước gì nhà mình chung vách, anh… khoét tường… hú hí với em". Hậu lắc đầu, "Con nít nhà ai mới tí tuổi đầu mà quỷ quái", Nhâm cười, sẵn nói luôn, "Tôi tháo vách thiệt à, cô Hậu".

Câu này, Hậu coi như là lời tỏ tình, thì đã là lần thứ năm. Tính luôn một bữa đòi góp gạo nấu cơm, một bữa đòi trả tiếp tiền nhà, một bữa nhỏ Thỏ bị đứt chân mà mắc cỡ không cho Nhâm cõng, Nhâm gắt, thì cháu cứ coi tôi như cha, một bữa gió buồn thiệt buồn, Nhâm nói phải chúng ta ở chung nhà chắc là vui lắm…

Vui gì, chuyện tình này chắc bỏ lửng lơ như vậy thôi. Hậu vẫn nói cái câu, "Nhâm đâu có hiểu nhiều về tôi…" để thay lời từ chối. Bởi Hậu gật đầu, hẳn nhiên hai người sẽ lấy nhau. Sau bữa tiệc nho nhỏ sẽ là đêm động phòng (chớ còn gì nữa), Nhâm sẽ phát hiện Hậu có một cái thẹo lớn trên vai. Thể nào Nhâm cũng hỏi tại sao, mà Hậu không nghĩ ra được câu chuyện gì để nói. Kể sự thật rằng một bữa đi qua cua Bún Bò, Hậu bị đâm, sợ Nhâm sẽ đau. Tuần trăng mật chưa bắt đầu đã lịm buồn, dở cười dở mếu…

Nhiều khi không thể tin được, làm gì có chuyện trùng hợp lạ lùng vầy. Nghĩ đời thiệt mắc cười, sao biết nhau ở đây, để thương nhau đến mức này, để rồi nhận ra lúc trước đã gặp gỡ một lần, ở cua Bún Bò, trong một tối đèn thì u ám vàng vọt mà cái vệt sắc lạnh của con dao lại lóe lên…

***

Tôi hiểu biết về Phật Giáo không nhiều, vớ được quyển sách nào thì đọc cái ấy. Cũng có đều hiểu được, học được, làm được, nhưng nhiều điều buộc phải “bó tay". Ví dụ như mấy lời nầy: “Khi nào ban bực tức, giận dữ, hãy bất động! Ngay tại đó! Đừng cử động! Đừng làm gì cả! Đừng nói gì - dù chỉ một lời. Hãy yên lặng và bất động hoàn toàn. Tuyệt đối không biết gì đến

kẻ hoặc sự việc làm cho mình giận dữ" (Hạn chế sân hận, trải rộng tình thương - Tỳ kheo VISUDDHÀCÀRAZ). Trời ơi, mình giận muốn chết, muốn gào thét, muốn cào cấu, muốn đáp phá mà không cho mình nhúc nhích, sao có thể hả hê? Đạt được đạo mới khó làm sao…

***

# Truyện 14. CÁNH ĐỒNG BẤT TẬN

***(I)***

Con kinh nhỏ nằm vắt qua một cánh đồng rộng. Và khi chúng tôi quyết định dừng lại, mùa hạn hung hãn dường như cũng gom hết nắng đổ xuống nơi này. Những cây lúa chết non trên đồng, thân đã khô cong như tàn nhang chưa rụng, nắm vào bàn tay là nát vụn.

Cha tôi tháo cái khung tre chắn dưới sàn ghe, bầy vịt lúc nhúc chen ra, cuống quýt, nháo nhào quẫy ngụp xuống mặt nước váng phèn. Một lớp phèn mới, vàng sẫm quánh lại trên bộ lông của những con vịt đói, nhớp nháp bám trên vai Điền khi nó trầm mình bơi đi cặm cọc, giăng lưới rào bầy vịt lại. Tôi bưng cái cà ràng lên bờ, nhóm củi.

Rồi ngọn lửa hoi hót thở dưới nồi cơm đã lên tim, người đàn bà vẫn còn nằm trên ghe. Ngay cả ý định ngồi dậy cũng xao xác tan mau dưới những tiếng rên dài. Môi chị sưng vểu ra, xanh dờn. Và tay, và chân, và dưới cái áo mà tôi đã đắp cho là một cái áo khác đã bị xé tả tơi phơi những mảng thịt người ta cấu nhéo tím ngắt.

Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu. Người ta đã lòn tay, ngoay chúng để kéo chị lê lết hết một quãng đường xóm, trước khi dừng chân một chút ở nhà máy chà gạo. Họ giằng ném, họ quăng quật chị trên cái nền vương vãi trấu. Vai nữ chính, một người đàn bà xốc xếch đã lạc giọng, đôi lúc lả đi vì ghen tuông và kiệt sức. Nhưng đám đông rạo rực chung quanh đã vực tinh thần chị ta dậy, họ dùng chân đá vói vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hằn học, hả hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt. Cuộc vui hẳn sẽ dài, nếu như không có một ý tưởng mới nảy ra trong cơn phấn khích. Họ dùng dao phay chạt mái tóc dày kia, dục dặc, hì hục như phạt một nắm cỏ cứng và khô. Khi đuôi tóc dứt lìa, được tự do, chị vùng dậy, lao nhanh xuống ghe chúng tôi như một tiếng thét, lăn qua chân tôi, đến chỗ cha, làm đổ những bao trấu cha vừa mới xếp.

Đám người ngơ ngác mấy giây để chấp nhận việc con mồi bỏ chạy. Tôi mất mấy giây để háo hức thấy mình nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên, tôi lồm cồm xô ghe dạt khỏi bờ, sợ hãi và sung sướng, tôi cầm sào chống thục mạng ra giữa sông, mắt không rời đám người đang tràn ra mé bờ chực lao xuống, nhảy nhót điên cuồng. Rồi tiếng chửi rủa chói lói chìm đi, tiếng bầy vịt tao tác kêu dưới sạp chìm đi, trong tôi chỉ có âm thanh của chiếc máy Koler4 nổ khan, rung bần bật dưới tay Điền, khạc ra những đám khói khét lẹt, đen ngòm. Khói trôi về phía sau chúng tôi, mờ nhoè những bóng người đang tuyệt vọng ngó theo, bàn tay nào đó cầm nắm tóc của chị vẫy lên phơ phất phơ phất …

Cha tôi không đóng vai trò gì trong cuộc tháo chạy ấy, ông im lặng, khi đã đi khá xa, cha ra đằng mũi cầm sào. Tôi bò vào trong ghe, lấy áo đắp lên người chị, sao cho che được đôi vú rách bươm và khoảng đùi rướm máu. Chị cười méu máo, nói cảm ơn bằng mắt và thiếp đi.

Suốt một quãng đường, chị không hề thay đổi thế nằm, im lìm, lạnh ngắt như người chết.

Trong ghe chỉ trôi mênh mang những tiếng rên khi dài, khi ngắn, khi thiu thỉu buồn xo, lúc nghe như tiếng nấc nghẹn ngào…

Nhờ vậy mà chúng tôi biết chị còn sống, để đi với chúng tôi gần hết con sông Bìm Bịp, đến cánh đồng hoang vắng này. Điền hơi lo lắng khi nghe chị vẫn còn rên rỉ, nghĩ là chị đã đói, nó hối tôi nấu cơm mau. Nó thấy tiếc vì trên ghe chỉ còn mấy con khô sặt mặn chát, "tui nuốt còn không vô, nói chi…"

Nhưng chiều hôm đó và cả ngày sau, chị không ăn. Chị từ chối cả uống nước, đợi đôi môi khô đã bắt đầu nứt ra, chị mới chịu hớp một vài ngụm ít ỏi, dường như chỉ đủ ướt môi. Đói và khát, nhưng chị còn sợ đau hơn. Người ta đã đổ keo dán sắt vào cửa mình của chị…

Tôi nói lại với cha và Điền trong bữa cơm. Tôi nghe hai người lặng đi, tiếng đũa tre khua vào miệng chén ngưng bặt. Điền ngó tôi và tôi thì đọc được sự ghê sợ, kinh tởm cồn lên trong mắt cha. Điền chan nước vào chén, lua vội vàng rồi men theo con đường đất dọc mé kinh, nó đi vào trong xóm. Tôi dặn với theo, ghé tiệm mua giùm ngàn rưỡi đường cát.

Chắc gió đã bạt mất lời tôi, khi quay về, Điền không mang theo gì, nó lẳng lặng xòe tay trước mặt tôi, tay nó dính một lớp gì đó, bóng mượt, trong suốt, và đang khô quánh lại, khiến những ngón tay đơ ra như đá. Điền bảo, "Keo dán sắt…". Dường như những người sản xuất ra loại keo này cũng không ngờ nó nhiều công dụng đến thế. Hai chị em tôi tỉ mẩn lột lớp keo ra, mảng da non trên bàn tay nó bỏng đỏ nhừ, tươm máu. Chúng tôi cùng ngó về chỗ khoang ghe, nghe tiếng thở thênh thang cùng gió…

## (II)

Cánh đồng không có tên. Nhưng với tôi và Điền, chẳng có nơi nào là vô danh, chúng tôi nhắc, chúng tôi gọi tên bằng những kỷ niệm mà chúng tôi có trên mỗi cánh đồng. Chỗ chị em tôi trồng cây, chỗ Điền bị rắn cắn, chỗ tôi có kỳ kinh nguyệt đầu tiên… Và mai này khi trôi dạt đến một nơi nào khác, nhắc đến cánh đồng này với cái tên của chị, chắc chúng tôi sẽ xốn xang.

Sáng sớm ngày thứ ba, chị ngồi dậy được, ngó quanh, chị hỏi, "Trời đất ơi, chỗ nào mà vắng tanh vậy nè". Làng xóm xa xa đằng phía những rặng dừa xanh thẩm. Đồng đất trống trơn, trên đôi bờ kinh chơ vơ những cây gòn. Hai đứa nhỏ đầu mướt sương đang hí húi trộn thức ăn cho vịt, nhìn chị ngạc nhiên đến ngây ngất. Giọng nói chị không bị thương tích gì hết, trong vắt và ngọt ngào.

Chị hỏi "Tắm ở đâu, mấy cưng?". Tôi chỉ xuống kinh. Chị ngó những váng phèn, ngao ngán. Điền nói, đằng kia có một cái ao.

Đó là một hố bom cũ, bình bát mọc quanh, rau muống chằng chịt phủ kín mặt nước, cọng rau ốm nhằng, đỏ au. Chỗ này, hôm qua, Điền đã câu được những con cá thát lát ú mềm. Chị trầm mình dưới đó rất lâu, chẳng kỳ cọ gì, chỉ để nước lạnh chườm dịu lại những chỗ đau. Lúc chị lên bờ, tôi thấy máu lợn cợn theo những giọt nước nhỏ xuống giữa hai đùi, chắc chị đã làm gì với chỗ keo dán ác nghiệt ấy. Rồi cũng lâu lắc, cũng cà nhắc từng bước ngắn như lúc đi, chị với tôi quay lại bờ kinh. Điền hí hửng khi thấy chị chịu mặc chiếc áo sơ-mi thẫm phèn và cái quần cụt quăn queo của nó.

Chỉ có cha lầm lì dọn cỏ quanh chòi. Chỉ có cha là hờ hững với thành quả của hai chị em tôi. Không chấp thái độ lạt lẽo của cha, chị ngó về phía người đàn ông đang vồng lưng trong nắng sớm, chếnh choáng: "Ba mấy cưng đẹp trai dễ sợ…".

Vì lẽ đó? Có phải vì cha mà chị ở lại với chúng tôi, trên một cánh đồng vắng ngắt. Những vết thương đã lành rất mau. Chị cười, bị đánh hoài riết cũng quen. Tôi hỏi chị làm gì để bị đánh. Chị cười, "Làm đĩ". Rồi có lẽ chị áy náy vì quá sỗ sàng với chúng tôi, chị vò đầu Điền "chắc mấy cưng không biết đâu…".

Điền nhìn tôi cười. Chúng tôi đã gặp nhiều, rất nhiều người phụ nữ giống chị. Cứ mỗi mùa gặt, họ lại dập dìu trên đê, lượn lờ quanh lều của những thợ gặt, những người đàn ông giữ lúa và bọn nuôi vịt chạy đồng. Họ cố làm ra vẻ trẻ trung, tươi tắn nhưng mặt và cổ đã nhão, nhìn kỹ phát ứa nước mắt. Đêm đến, sau các đụn lúa, họ thả tiếng cười chút chít, tiếng thở mơn man… lên trời, làm nhiều người đàn bà đang cắm cúi nấu cơm, cho con bú trong lều thắt lòng lại. Tối nào mua rượu cho cha, chúng tôi cũng đi ngang qua những đôi người. Chúng tôi nhận ra họ ngay, khi không còn mảnh vải nào trên người họ vẫn điềm nhiên cười khúc khích và uốn éo thân mình chứ không trơ ra ngượng nghịu, cam chịu như những người phụ nữ quê. Sáng sau, họ xiêu

xiêu biến mất, đem theo mớ tiền công ít ỏi suốt một ngày làm việc quần quật của đám đàn ông.

Chị, cũng giống như họ, chớm tàn tạ, đói rã ruột ở thị thành mới chạy xuống quê, cất cái quán nhỏ, giả đò buôn bán bánh kẹo lặt vặt, thực chất là làm nghề. Ở đó đàn ông dễ tính và thiệt thà. Chị sống nhờ những món tiền họ cắm câu đêm đêm, bằng tiền bán lúa, dừa khô hay những buồng chuối chín. Cũng có lúc thu hoạch bất ngờ, khi chị mồi chài một người đàn ông vào trò chơi giường chiếu, suốt hai ngày đêm, và chị được một triệu hai. Đó là vốn vay xoá đói giảm nghèo, khi về tới nhà, với tám trăm ngàn còn lại trong túi, hẳn người đàn ông ấy não nề biết bao nhiêu, oán chị biết bao nhiêu khi thấy vợ con nheo nhóc bu quanh nồi khoai luộc trong nhập nhoạng nắng chiều.

- Ăn trên mồ hôi nước mắt của người ta nên lâu lâu bị đánh cũng đáng đời, hen mấy cưng?

Chị nói, và ngã nghiêng cười, dường như chị thấy mình trả giá vậy cũng vừa. "Mà hên nghen, nhờ vậy mà gặp được mấy cưng, được ở chung vầy, vui thiệt vui…".

Cha không vui, vì có thêm một miệng ăn. Bầy vịt cũng không vui, chúng mổ vào chân chị mỗi khi chị bước qua rào, "bà ở đây làm chi để phần ăn của tụi tui bị xén bớt, trong máng độn toàn là trấu ngán thấy ông thấy cha, đã vậy còn bắt tụi tui đẻ trứng để nuôi bà". Chị nhảy xổm ra, la oai oái, sau lại cười (mà con mắt đung đưa phía cha) "mai mốt mấy con vịt quỷ này sẽ khoái chị, mấy hồi…".

Nhưng tôi và Điền biết thể nào chị cũng ra đi, trong mỏi mòn. Quãng thời gian chị bên chúng tôi, vì thế cũng mong manh. Nhiều khi lùa vịt ăn mót một đỗi đồng, nghĩ chị bỏ đi, Điền thảng thốt chạy về.

- Mấy cưng thương chị thiệt hả? Tội chưa…!??”.

Chị ngạc nhiên, thấy nước mắt ràn rụa trên má thằng Điền (mà chị không biết là nó bị bệnh chảy nước mắt sống từ hồi chín tuổi). Thật cảm động khi đời đánh ta tả tơi bầm dập, vậy mà hai đứa nhỏ này lại trìu mến, quyến luyến lạ lùng. Thêm một lý do nữa để chị ở lại với chúng tôi, trong một mùa hạn nóng bỏng, bất thường.

Mùa đến sớm. Vì vậy mà nắng rất dài. Mới rồi, chúng tôi dừng chân ở một xóm nhỏ bên bờ sông lớn mênh mang. Mỉa mai, người ở đây lại không có nước để dùng (như chúng tôi đi trên đất dằng dặc mà không có cục đất chọi chim). Người họ đầy ghẻ chóc, những đứa trẻ gãi đến bật máu. Họ đi mua nước ngọt bằng xuồng chèo, nín thở để nước khỏi sánh ra ngoài vì đường xa, nước mắc. Buổi chiều đi làm mướn về, họ tụt xuống ao tắm táp thứ nước chua lét vì phèn, rồi xối lại đúng hai gàu. Nước vo cơm dùng để rửa rau, rửa rau xong dành rửa cá. Con nít ba tuổi đã biết quý nước, mắc lắm cũng ráng chạy ra vườn đái vô chậu ớt, chậu hành (báo hại cây rụi lá). Ở đó, có người con trai bảo, "ước làm sao trước lúc má tui chết, bà được tắm

một bữa đã đời". Câu nói này làm tôi thương anh ta quá chừng. Hôm tôi đi, anh tần ngần đứng bên hè, hỏi nhỏ "Không biết em có muốn ở lại với… má tui?!". Tôi lắc đầu, hai gàu nước ít ỏi của má anh, tôi nỡ nào sẻ nửa?

Tôi giục cha rời khỏi cái xóm tàn tạ đó. Những cánh đồng chúng tôi qua, lúa chết khô khi mới trổ bông. Người ta không thể trồng đậu, trồng dưa vì thiếu nước. Bầy con nít giỡn nhoi trên những con kinh khô trơ lòng.

Chỗ chúng tôi cắm lều cầm vịt, nước đã sắc lại thẫm một màu vàng u ám. Nhưng chúng tôi chẳng có chỗ nào để đi nữa, từ bờ bên kia của sông Bìm Bịp là vùng đệm cho những cánh rừng tràm lớn. Mùa này, người ta lấy nước từ tất cả các dòng sông nhỏ, các con kinh để bơm vào rừng, chống cháy. Chúng tôi cũng không thể ngược sông Bìm Bịp băng qua vùng Kiên Hà, ở đó họ kiểm dịch thú y rất gắt gao. Và dịch cúm gia cầm nghe đâu vẫn còn bùng phát khắp đồng bằng.

Để bầy vịt khỏi bị chôn sống (điều đó đồng nghĩa với việc đứt vốn cho mùa sau), bọn tôi quyết định vẫn cầm chúng ở đây. Chúng được nuôi trong sự mỏi mòn. Ngày ngày, tôi lùa vịt đi ăn mót những bông lúa khô quắt queo trên đồng, không có nước chúng bì bạch, chậm rì và chẳng thể đi xa. Trứng thưa thớt, những quả trứng chúng đẻ ra cũng chai ngắt, dài nhằng, nhẹ tênh, vỏ dày sần sượng. Đòi hỏi gì nữa ở những con vịt đã già, đã đẻ quần quật suốt ba mùa trước, đã vô vọng vì ngày càng khó tìm lúa và cám trong máng thức ăn. Ngay cả nước để chúng tắm táp cũng chua lét vì phèn.

Mà, mùa mưa vẫn còn xa lắm.

Ngày ngày, Điền rủ chị đi giăng lưới, nhắp cá và tát những cái mương cạn. Cá ăn không hết, chị đem vô xóm bán và hãnh diện đưa cho cha vài mươi ngàn thừa sau khi đã sắm ít quần áo. Mắt chị nhìn cha đầy khiêu khích, "Cuộc đeo đuổi vẫn còn dài, cưng à…".

Chị đổ lì. Chị tìm mọi cách để sà vào cha. Một bữa chị bảo Điền xuống ghe ngủ với tôi, còn chị sẽ lên chòi. Đó là một đêm tối nhờ nhờ, trôi trên trời một mảnh trăng mỏng leo lét. Điền ngọ nguậy, xoay trở liên tục, nó kêu khó ngủ, đòi nghe tôi hát, bài gì cũng được. Nhưng Điền vẫn thao thức, dường như giọng hát tôi không át được tiếng sột soạt rạo rực trong cái chòi nhỏ trên bờ. Điền chê ngủ ghe chòng chành quá chừng. Tôi biết lòng nó đang chao.

Điền có những ngày bối rối. Nó hay hỏi tôi, "người ta thương mẹ ra làm sao?". Mặt nó dãn ra, khi biết cây kẹp tóc, trái dừa tươi hay con cá thác lác… mà nó dành cho chị cũng giống hệt như người ta vẫn thường cho mẹ. Và niềm nhớ lúc đi xa, nỗi khao khát được nằm gần, được dụi mũi mình vào da thịt người đó… cũng tự nhiên như ý nghĩ bình thường nhất của những đứa con. Nhưng những nghi hoặc vẫn loay hoay trong mắt Điền, và nó quyết định chịu đựng một mình, khám phá một mình. Thí dụ như đêm nay, cái gì khiến tim ta đau nhói, cái gì làm cho ta

cảm thấy giận dữ, nặng nề?

Khi tôi thức dậy, Điền đã mệt mỏi thiếp đi, nó nằm co quắp, hai tay kẹp giữa đùi, mặt buồn như phủ một lớp sương giá. Chị bước ra khỏi chòi, khoan khoái vươn vai. Sự ưng ý, mãn nguyện lấp lánh trên khoé mắt. Chị cười, bảo:

- Hồi hôm sương nhiều ghê, nó nhiễu lên mặt chị hoài, nhột gần chết.

Rồi chị giành nấu cơm. Chị xoắn tay áo lên hì hụi thổi lửa, đầu tóc xấp xãi dính đầy vảy cá. Trông chị như bà vợ tảo tần. Hình ảnh ấy làm tôi ứa nước mắt, nhưng cha tôi chỉ lạt lẽo nhếch cười. Vì cái cười đó mà tôi ứa nước mắt thêm lần nữa.

Cha đưa chị một ít tiền ngay trong bữa cơm, khi nhà đủ mặt, "Tôi trả cho hồi hôm…". Rồi cha điềm nhiên phủi đít đủng đỉnh đứng lên, sự khinh miệt và đắc thắng no nê trong mắt. Chị nhét tiền vào trong áo ngực, cười, "Trời ơi, ba mấy cưng sộp quá chừng".

Điền và tôi rủ chị đi câu (Chúng tôi cho là chị buồn, dù chuyện đó khá tức cười, làm điếm được trả tiền mà buồn nỗi gì). Suốt buổi, không dính con cá nào, chị nói, "Mắc cười quá, tới mấy con cá quỷ này còn chê chị". Câu nói nghe tỉnh bơ, bâng quơ mà tủi vô phương. Điền lặng bắt con cá rô lội xuống mương, lặn sâu, móc cá vô lưỡi câu của chị. Lúc nó trồi đầu lên thì đã thấy chị cười.

Trưa ấy chúng tôi trầm nghịch dưới nước rất lâu. Chị cười nôn khi thấy bùn bám dưới mũi tôi xám xanh như bộ râu củ ấu. Tự dưng nét mặt chị bỗng âu yếm lạ, như đang nựng nịu một đứa bé con và thằng em trai mười bảy tuổi của tôi đứng đực ra, chết lặng trong nỗi ngượng ngùng. Nước cồn cào chỗ bụng nó, tôi biết chị đang táo tợn làm gì đó phía dưới. Rồi phát hiện ra một mất mát lớn lao, chị thảng thốt kêu lên:

- Trời đất ơi, sao vầy nè, cưng?

Chị toàn hỏi những câu hỏi khó. Chỉ nghe thôi đã đau, nói chi trả lời. Thí dụ như có lần chị hỏi "Má mấy cưng đâu?", "Nhà mấy cưng ở chỗ nào?", thằng Điền đổ quạu:

- Biết chết liền!




Những chiều ghe chúng tôi đi ngang qua những người đàn bà ngồi giặt giũ dưới bến sông, tôi hay hỏi lòng, có phải tôi vừa ngang qua má đó không. Tôi cố giữ trong lòng hình ảnh má nhưng rồi ngày càng tuyệt vọng khi thấy nó nhạt nhòa dần, cứ nghĩ mai này gặp lại mà không nhận ra nhau, lòng nghe buồn thiệt buồn.

Má tôi hay mang xoong chảo ra bực sông chùi lọ nghẹ, sẵn đón ghe hàna (bông) mua ít rau cải tươi và bán lại những quày chuối chín bói trong vườn. Dần dần, buổi chiều, đám thương hồ hay lại neo ghe chỗ mấy cây mấm trước nhà. Một người bảo không sao xa được người đàn bà có cái cười làm lấp lánh cả khúc sông. Má tôi nguýt dài:

- Dóc…

Người đàn ông cười hề hề, thề "Tôi nói láo cô Hai cho xe đụng chết ngắc" (Ngay lập tức, Điền thì thầm, "thằng chả ở dưới ghe kiếm đâu ra chiếc xe, nói dóc…", và bằng cái vẻ ác cảm lạ lùng, thằng Điền biểu tôi nhìn khuôn mặt và tấm lưng trần chi chít những nốt ruồi của ông ta, bảo "Tại hồi đó má ổng mới sanh ổng ra quên lấy lồng bàn đậy, nên ruồi bu tùm lum").

Cho dù người đàn ông ấy có quá nhiều nốt ruồi, cho dù chẳng cao ráo, đầu ít tóc… nhưng với chiếc ghe chở đầy vải vóc, những người đàn bà lam lũ quê tôi vẫn thường trông ngóng ông ta. Tất cả họ đều trở thành trẻ thơ khi bước chân lên ghe, họ tíu tít, háo hức, họ thèm muốn đến bồn chồn rồi dùng dằng trở lên bờ với tâm trạng tiếc nuối, ngậm ngùi, thấy mình già khi ngang qua bồ lúa vừa hót bớt một lỏm, thằng cha bán vải lấy mấy giạ mà như khứa một ít tuổi xuân đi.

Bồ lúa nhà tôi đã cạn từ sau Tết. Điều đó làm má tôi hơi buồn, nhưng người bán vải xăng xái bảo, "Cô Hai cứ coi đi, không mua cũng được - rồi ông ta sửng sốt khi thấy má rạo rực khi ướm thử những khúc vải rực rỡ lên người - Chèn ơi, coi nó bình thường vậy mà khoác lên mình cô Hai lại thấy sang quá trời". Má bỗng nhiên bồn chồn:

- Dóc…

Tôi chưa bao giờ thấy cái màu đỏ lạ lùng ấy. Đỏ hơn bông bụp ngoài sân, đỏ hơn máu. Má ngó chúng tôi, hỏi: "Gì mà nhìn trân trân vậy hai đứa?". Tôi nói, "Má lạ quá hà, nhìn không ra". Má mừng quýnh, "Thiệt hả?". Tôi muốn khóc quá chừng, má con xa lạ với nhau mà sao lại mừng?

Một bữa tôi chiêm bao, chẳng đầu chẳng cuối gì, chỉ thấy vía má giãy dụa trong tấm vải đỏ lạ lùng kia nhưng nó thít chặt, riết lấy, siết dần cho tới khi má thành một con bướm nhỏ, chấp chới bay về phía mặt trời. Giật mình thức dậy mới hay mình ngủ quên trong kẹt bồ lúa, con chó Phèn ngoài hè nôn nóng cào đất rột rẹt chỗ cái lỗ chui (Chắc má tưởng hai chị em tôi đi

chơi nên chốt cửa trước cửa sau mất rồi). Mà Điền ngồi ém ngay đó, lì ra, không cục cựa, mình nó mướt mồ hôi, không có vẻ gì là nó đang khóc, nhưng nước mắt chảy ròng ròng. Tôi ôm đầu nó, giấu ánh nhìn của nó vào ngực mình.

Đứa mười tuổi quay lưng lại, đứa chín tuổi úp mặt vô áo chị nó, nhưng cả hai vẫn như thấy rõ ràng, trên chiếc giường tre quen thuộc, má oằn uốn người dưới tấm lưng chơm chởm những nốt ruồi. Họ cấu víu. Vật vã. Rên xiết.

Đó là hình ảnh ấn tượng cuối cùng của má tôi trên nền một cái nhà nhỏ, đằng trước có bộ bàn chữ U, bộ vạc tre, rồi đến một cái bồ lúa nhỏ dựng gần giường ngủ, và gian bếp thấp. Quanh hè, dài theo những lối đi ra vườn, ra bến là những cục đá tảng, những thân dừa chẻ hai, cha tôi đã hì hục lót để suốt một mùa mưa, chân má tôi không bị dính sình bùn.

Suốt nhiều năm sau đó, tôi không dám nhớ má, bởi ngay vừa khi nghĩ đến má, ngay lập tức hình ảnh ấy hiện ra. Theo đó là rực rỡ trên da thịt màu vải má tôi vừa đổi được (không phải bằng tiền, hay lúa). Mà, đáng lẽ phải nhớ tới khúc má nằm võng hát đưa mình ngủ ấy, hay đoạn má ngồi giặt áo bên hè, hay má cúi đầu giữa vầng khói mơ màng, thổi lửa bếp ung…

Má có rất nhiều hình ảnh đẹp, và cả khuôn mặt lo lắng của má khi chiều ấy vẫn còn đẹp, nhìn thấy nước mắt không ngừng tuôn rơi trên mặt thằng Điền, má thảng thốt hỏi: "Mèn ơi, mắt con sao vậy?. Tôi trả lời, day day chậm rãi, "Chắc tại nó nhìn thấy chuyện bậy đó, má. Trưa nay nó ngủ kẹt bồ lúa". Má chết lặng nhìn tôi, cái nhìn như lịm đi trên khuôn mặt đẹp não nề. Không thể giải thích vì sao tôi lại hể hả.

Và tôi luôn nghĩ rằng chính vì câu nói đó mà má tôi ra đi.

Tôi chạy qua nhà hàng xóm, nói với thím Tư rằng má đi mất tiêu rồi. Cả xóm tưng bừng, kẻ mừng vì vợ mình chưa bỏ theo trai, người vui vì con đàn bà đẹp nhất xóm đã đi rồi, khỏi lo ông chồng suốt ngày thòm thèm dòm ngó, cũng có người buồn, ghe vải chắc chẳng quay lại xóm này. Mọi người bàn ra tán vào, xôn xao, bắt tôi nhớ lại coi trước lúc đi má tôi có hành động gì đặc biệt mang tính dự báo không? Chuyện này quan trọng lắm, nó cho người ta tự kiểm tra trình độ trải nghiệm, suy đoán. Thí dụ như nhà nào có người mới mất họ kêu lên, hèn chi đêm trước có nghe chim cú kêu, thê thiết lắm. Thí dụ như nhà nào bị mất trộm, họ bảo nhau, hồi hôm tui nghe tiếng chó sủa thiệt kỳ, là tui nghi rồi… Nhưng chuyện ra đi của má tôi không mấy ly kỳ…

- Hồi chiều má con không nấu cơm…

- Vậy sao?

- Má con nằm trên giường thở dài…

- Vậy hả? Thở ra làm sao?

Tôi hết biết tả. Tiếng thở thườn thượt, nghe buồn mênh mông, chảy từng giọt như nước mắt. Má tôi thở dài khi ghe cha ghé bến vì biết mai mốt cha lại đi. Má tôi thở dài khi tắm, khi nước trôi dài trên làn da trắng như bông bưởi. Lúc ngồi vá những bộ quần áo cũ. Mỗi lần ghe vải ghé trước bến, má cũng thở dài, tay bối rối nắn vào hai túi áo mỏng kẹp lép. Thở dài cả khi thằng Điền bảo cho con xin tiền mua kẹo, má ơi.

Mọi người không thất vọng, họ cho thời gian lùi lại xa xa, thì ra cũng đã có điềm báo trước mối nhân duyên này tan rã, ngay cái bữa đầu tiên, ngay lần gặp đầu tiên. Má tôi ngồi khóc bên bực con sông Dài, cha tôi chèo ghe đi ngang, đã qua khỏi một quãng nhưng vì mủi lòng, cha quay mũi lại. Cha hỏi, cô về đâu tôi cho quá giang. Má tôi ngước lên, mặt ràn rụa nước, "tôi cũng không biết về đâu". Cha tôi chở người con gái tội nghiệp này về nhà, và trong thời gian suy nghĩ tính coi mình đi đâu, má yêu cha mất rồi, sau đấy thì đẻ hai chị em tôi. Rõ ràng, quá rõ ràng, thấy chưa, má tôi chỉ quá giang một khúc đời rồi đi, ai cũng linh tính vậy, chỉ cha tôi là không, nên bây giờ mới khóc hận, cười đau.

Tới đây thì hết chuyện nói, hàng xóm ra về. Giống hệt như vừa tan đêm hát, họ xì xào đi vào trong đêm, tiếng chó sủa rộ lên dài theo những con đường xóm. Tôi và Điền nằm nhìn trân tráo lên nóc mùng, nghe gió hui hút trên những ngọn tre già bên hè. Một hồi, thím Tư qua, thím kêu hai chị em tôi qua nhà thím ngủ.

Sáng sau, thím đi chợ, tới bến tàu, cho hay "Vợ Út Vũ bỏ nhà. Theo trai". Ông chủ chiếc đò chạy tuyến Hưng Khánh nói lại với mấy bà bạn hàng, và chiều lại cha tôi mới nhận được lời nhắn ấy khi đang lên đòn dong cho một ngôi nhà gần chợ Hội. Nghe nói cha tôi còn cười, giọng ra vẻ giận, "Bộ hết chuyện giỡn rồi sao, cha nội?". Có vẻ khó tin, khi một người nghĩ rằng, chỉ cần mình hết lòng yêu thương, gánh hết sự kiếm sống nhọc nhằn thì sẽ được đền đáp xứng đáng. Có vẻ buồn cười… Và cha tuột xuống đất, run rẩy…

Quãng hành trình về nhà có vẻ rất dài và khắc nghiệt, nó vắt kiệt cha tôi. Cha cười cay đắng, khi thấy quần áo má còn treo trong nhà, còn cả cái khăn tắm và đôi dép Lào cũ, như thể má đang chơi bên xóm, chỉ cần thằng Điền kêu má sẽ xấp xãi chạy về, mừng húm hỏi "Đi chuyến này nữa là đủ tiền mua ti vi màu, phải hôn anh?".

Coi kỹ thì má không đem theo gì. Chi tiết đó làm đau lòng người ở lại, nó cho thấy người đi đã chẳng suy nghĩ, đắn đo, đã không một chút trù trừ, chỉ rũ mình cái rột, sạch trơn, vậy thôi.

Cha đem tất cả đồ đạc của má đem đốt. Khói bay mù mịt trong nhà, mùi vải, mùi nhựa cháy khét lẹt, những cái áo hồng áo tím rúm ró lại, chảy thành những giọt tro. Cha nhìn ngọn lửa, mặt đanh lại, rồi mắt bỗng rực lên, ngây ngất vì một ý nghĩ mới lạ.

Chúng tôi dong ghe đi, quặn lòng ngoái lại căn nhà đang quay quắt dãy dụa trong lửa đỏ. Nghe vẳng theo âm thanh lốp bốp rất giòn của những thanh gỗ cháy, và tiếng xóm giềng í ới gọi

nhau. Chắc chắn sẽ có người vỗ đùi cái đét, "Hồi hôm qua, ngó cái mặt u ám của Út Vũ, tui nghi thể nào thằng chả cũng đốt nhà. Nghi đâu có đó, thiệt là y như để vậy, các cha".

Kể nhiều chuyện như vậy là để trả lời chị, nhà tôi, má tôi, rốt cuộc đã trở thành tro bụi mất rồi. Nên khi hết mùa lúa chín, những người nuôi vịt chạy đồng khác đã trở về nhà còn chúng tôi lại tiếp tục lang thang.

Đàn vịt đưa chúng tôi đi hết cánh đồng này đến cánh đồng khác. Đôi khi không hẳn vì cuộc sống, chúng là cái cớ để chúng tôi sống đời du mục, tới những chỗ vắng người. Ở đó, ít ai phát hiện ra sự khác thường của gia đình tôi, và ít hỏi cái câu, "Má mấy đứa nhỏ đâu?". Để cha phải buột lòng nói "chết rồi!" và cười lạt khi nghe người nào đó kêu lên: "Mèn ơi, tội hai đứa nhỏ hôn".

## *(IV)*

Lần đầu tiên hai chị em tôi lạc giữa đồng. Cơn mưa buổi xế chiều làm tắt rụi ánh mặt trời, và đêm tối nhanh chóng ập xuống. Mưa giăng bốn bề, những rặng vườn trở nên xa vời, mờ mịt, căn lều và chiếc ghe của mình nằm ở phía nào vậy ta, Điền hoang mang hỏi. Chúng tôi lội xom xom xuống một mé vườn và rã rời tuyệt vọng xua bầy vịt quay ra. Cha tôi đã bỏ về ghe từ giữa trưa, có thể cha đã uống rượu say và ngủ mất tiêu. Có thể cha còn thức nhưng cha không đi tìm. Khóc đã đời, một hồi, thấy trời ngày càng tối, chúng tôi quyết định buông trôi, tha thểu đi theo bầy vịt, biết đâu…

May sao, chúng nhớ đường về. Khi nhìn thấy ánh đèn chong leo lét đầu ghe, chúng tôi mừng như chết đi sống lại, Điền nắm tay tôi chạy như điên, nước đồng văng sáng trắng. Bầy vịt tao tác một phen (báo hại đêm đó tụi nó nín đẻ). Cha tôi ngồi chờ bên cạnh cây roi.

Sau này, đã tự học cách định hướng bằng bằng mặt trời, bằng sao đêm, bằng gió, bằng ngọn cây… nghĩ tới lần lạc đồng, thấy cười quá chừng. Mắc cười hơn là Điền, vốn rất sành sỏi đường đi nước bước, lại bị lạc lần nữa, giữa ban ngày. Nó loay hoay ở giữa một gò đất chùm gọng leo dày mịt, không biết vô đó bằng đường nào nhưng chẳng thể quay ra, có người đàn bà bưng rổ bánh quy lại, biểu nó ăn. Đói quá, thằng Điền ngốn gần chục cái. Lúc tôi tìm được nó nhờ tiếng rên ư ử, bụng nó đã lặc lè, và miệng đầy sình đất. Quay đi quay lại không có bóng người, chỉ có cái mả lạng nằm sát đất, rời rợi cỏ xanh.

Những ngày sau này, tôi một mình trở lại gò đất, nhưng chờ hoài không thấy ma hiện ra. Nghe thằng Điền kể, người đàn bà đó thiệt hiền, chỉ đau đáu vuốt tóc nó và ánh nhìn chan chứa thương yêu. Tôi nghe mà khóc muốn chết, sao con ma đó không chịu giấu tôi giùm cái.

Rồi tôi ngồi quẹt tay lau nước mắt đi, kỹ càng, để gương mặt an nhiên, ráo hoảnh. Tôi quyết không để cha thấy mình buồn, quyết không để cha bật ra cái câu "Chịu hết nổi cái cảnh sống này rồi hả? Chừng nào đi?".

Cha vẫn thường đánh chị em tôi, thường đánh khi vừa ngủ dậy. Đó là khi người ta thấy hoang hoải, chán chường, sau một giấc dài, mở mắt ra, vẫn gió đìu hiu, vẫn nắng võ vàng trên những cánh đồng hoang lạnh. Và tôi tự nhớ lại coi hồi sáng này, hồi trưa này mình đã làm gì giống má, kho cá bỏ quá nhiều tiêu? Hay vì tôi buộc tóc nhong nhỏng? Hay tại tôi ngồi bắt chí cho thằng Điền?

Hay tại tôi càng lớn càng giống má. Có bữa, nửa đêm thằng Điền thức giấc, nhìn thấy tôi day lưng lại lui cui vá áo, nó thảng thốt kêu "Má ơi!". Tôi cảm thấy mình thất vọng đến rã rời. Những thói quen, những cái gì liên quan đến má tôi phủi gần sạch rồi, nhưng tôi làm sao có thể từ bỏ hình hài này.

Tôi đành để cha đánh để ông bớt đau chút lòng. Sau này chị em tôi không day dứt chi cho

mệt, vì hiểu thấu ra, mình bị đòn chỉ vì là con của má, vậy thôi.

Với chúng tôi, quãng thời gian ấy vẫn còn vui lắm, sau này, cha tôi chán không đánh nữa. Cha ơ thờ, lạt lẽo, chuyện gì cần nói thì nói vài câu nhát gừng. Cha giao bầy vịt cho hai đứa tôi, lúc rảnh ngồi gọt đẽo những cán dao, tấm thớt hay lẳng lặng vác cần câu đi câu cá, vừa bán được tiền, vừa khỏi phải nhìn những đứa con của một bà mẹ bạc lòng. Thành ra, cái ghe thấy nhỏ, lại rộng vô cùng tận, loay hoay chỉ ba con người, nhưng nhiều năm trôi qua, hai chị em tôi vẫn cảm thấy xa cách cha. Có lần, khi đi trên sông, thằng Điền giả đò té chìm ngỉm mất tăm, tôi giả đò kêu la chói lói, cha hơi giật mình hoảng hốt, dợm lao xuống nước, nhưng rồi cha điềm nhiên ngồi lại, tiếp tục gọt đẽo, chắc là nhớ ra thằng Điền đã lặn lội nước sông từ năm bốn tuổi, sức mấy mà chết trôi.

Chúng tôi biết là khó đòi hỏi gì hơn nữa, chỉ một chút xao lòng của cha, là mừng lắm rồi. Cha giống như đồ vật bằng gốm vừa qua cơn lửa lớn, vẫn hình dáng ấy nhưng đã rạn nứt, nên chúng tôi chỉ dám đứng xa mà nhìn, mủ mỉ nâng niu, nếu không thì vỡ mất.

Và chiếc ghe, cánh đồng, dòng sông thênh thang mãi…

Tôi và Điền buộc phải tự học lấy cách sống. Nhiều khi dễ đến không ngờ… Nhờ Điền bị rắn hổ đất cắn mà chúng tôi biết được cách phân biệt vết răng của rắn độc. Nó để lại trên cổ chân Điền một cặp vết răng như hai cái lỗ nhỏ, sâu hoắm. Tất nhiên, phải nhờ người thợ gặt tốt bụng vác thằng Điền chạy một đỗi đồng để tới ông thầy lấy nọc rắn, nó mới giữ được cái mạng để rút… kinh nghiệm. Sau này, một lần băng qua một đám cỏ dày, đến lượt tôi bị rắn cắn, tôi kêu, Điền ơi, chắc Hai chết trước à. Thằng Điền nhìn vết thương nó cười, nói không sao, số Hai sống lâu lắm, hai hàng răng tươm máu giống hệt nhau như vầy, chắc cú là rắn bông súng cắn chơi thôi. Và nhìn bướm bay, nhìn mây trôi tôi biết ngày nắng hay mưa. Nghe bìm bịp kêu chúng tôi biết nước lên. Dừng ghe ở một tuyến kinh nào, thằng Điền trèo lên ngọn cây cao, ngó bao quát cánh đồng và tính toán xem có thể cầm vịt ở đấy bao lâu thì hết thức ăn, đúng chóc. Hay chúng tôi tự phán đoán ở đâu vụ mùa đến sớm, vùng nào lại trễ tràng để rời cánh đồng này, chúng tôi đến ngay một cánh đồng khác, ngay khi lúa vừa chín tới.

Thành ra, mùa du mục của chúng tôi kéo dài liên tục từ mùa mưa sang nắng, rồi lại mưa. Nhiều lúc tôi hơi nhớ con - người. Họ ở trong cái xóm nhỏ kia, chỉ cách chỗ chúng tôi dựng trại vài ba công đất. Họ lúc nhúc trên thị trấn kia, nơi chúng tôi vẫn thường ghé lại mua gạo, cám, mắm muối… dự trữ cho những chuyến chạy đồng xa. Và họ ở gần ngay đây, họ vừa gặt lúa vừa nói chuyện tục tĩu rồi cười vang bên bầy vịt đang rúc rích tìm thức ăn, nhưng tôi vẫn nhớ…

Có lẽ vì cuộc sống của họ ngày càng xa lạ, với chúng tôi. Họ có nhà để về, chúng tôi thì không. Họ sống giữa chòm xóm đông đúc, chúng tôi thì không. Họ ngủ với những giấc mơ đẹp, chúng tôi thì không. Nằm chèo queo, co rúm, chen chúc nhau trên sạp ghe, chúng tôi đánh mất

thói quen chiêm bao. Điều này làm tôi và Điền buồn biết bao nhiêu, vì cách duy nhất để được nhìn lại hình bóng má cũng tan rồi. Mà, thí dụ như những cơn chiêm bao quay trở lại, chúng tôi không biết chắc là hình ảnh ấy của má có xuất hiện hay không.



Mùa khô năm tôi mười ba tuổi, bầy vịt lăn ra chết gió. Để kiếm sống, cha tôi quay lại với nghề thợ mộc. Cha nhận đóng giường, tủ cho một vài nhà trong xóm Bàu Sen, chúng tôi neo ghe lại đó dài ngày.

Cái cảm giác đang ở xóm cũ (có ngôi nhà cũ) vây riết lấy chúng tôi (chữ "chúng tôi" tôi không kể cha vào). Những trưa xế ngồi ngoài hàng ba một nhà trong xóm, tôi tước lá dừa thắt cào cào châu chấu, Điền ngó nắng rưng rưng ngoài sân, nói "sao gió ở đây giống hệt gió nhà mình". Hai đứa tôi muốn khóc.

Chị chủ nhà ngần ngại nói với cha, "Ngó mặt hai đứa con anh thấy thương quá, thấy… không bình thường". Cha tôi cười nhẹ, "Vậy hả? Ờ ờ…".

Đứa con gái chị chủ nhà trạc tuổi thằng Điền, rủ chúng tôi vào nhà chơi. Nhưng nó luôn nhận được những cái lắc đầu. Chúng tôi sợ quá cái bồ lúa trong nhà, hình ảnh nó làm cả hai chị em ngạt thở. Thật lạ làm sao, khi mà chúng tôi đã quen dần với những - hình - ảnh - giống - mình (tức là bị bỏ giữa đời chơi vơi), thí dụ như nhìn một chiếc đũa gãy, cái nắp nồi vỡ, hay bầy gà con lạc mẹ nhao nhác… Nhưng không quên được, cái bồ lúa ngai ngái mùi cứt trâu, giữa nó và vách nhà là một khoảng hơi tối nhưng rất thu hút trẻ con. Chúng hay giả bộ đó là nhà của riêng chúng, để bày biện, nấu nướng, đóng vai chồng vợ, vai má con. Để lúc bị đòn, chúng cũng chui tọt vào đó, khóc một mình, nhiều khi ngủ quên luôn (và người lớn thì hãi hùng, sao không thấy đứa nhỏ đâu, nó bỏ đi về ngoại, nội? hay đã vô ý trợt chân té xuống đìa?). Cái kẹt bồ lúa, cũng đã từng là thiên đường mơ mộng của hai chị em tôi, bẻ trái trứng cá làm cơm, muỗng dừa là chén, giả đò "ăn" no, giả đò tối rồi, đi ngủ, một bữa kia chơi chán lăn ra ngủ thiệt, thức dậy bỗng thấy cuộc đời mình thay đổi quá trời đất, như đã sống qua một kiếp rồi. Nhưng chín mười tuổi đã đủ để gọi là một kiếp người chưa?

Chúng tôi chẳng phải những đứa trẻ bình thường, cuối cùng nhỏ con chị chủ nhà cũng nhận ra, nó bỏ mặc. Nó là một đứa trẻ xinh đẹp nhưng hỗn hào, cáu kỉnh, nó chẳng khi nào kêu má ơi má à, khi cần, nó chỉ cộc lốc bảo, tui đói bụng quá bà ơi. Người mẹ phân bua với cha tôi, "Tại ba nó mê theo vợ bé nên không ai dạy…".

Chị cũng bận rộn, te tái cắp nón đi suốt, tìm ông thầy này, bà cốt kia, để thỉnh bùa chú cho ông chồng quay lại. Và mỗi khi thất bại, chị lại quả quyết là bùa của tình địch mạnh hơn. Nói như vậy dường như để cho tâm bớt đau trước sự thay lòng. Chị có cả một kho tàng về chuyện đồng cốt, những người có khả năng thấu đáo cõi âm, cõi trời và cõi người. Họ biết chữa bệnh (có thể lấy từ bụng ta ra một nùi tóc với cái lưỡi dao cạo, hay dùng hột gà luộc lăn trên da thịt ta, sau đó bẻ cái trứng ra cho ta coi một nhúm lông… chó mực), cũng biết dùng những tấm bùa được vẽ bằng máu… lưỡi để ếm chết người và cuối cùng, họ đem được người ta yêu trở lại. Chỗ này

khá mắc cười, bởi tấm bùa có linh nghiệm thiệt thì người quay về cũng không phải của - mình. Những săn sóc nâng niu, những lời nói ngọt ngào… tất cả đều không thật (mình biết tỏng tòng tong là nhờ bùa ngãi chớ thương yêu gì). Và cái cười dịu dàng kia, ánh mắt ấm áp kia, nụ hôn ngọt ngào kia, vòng tay nồng nàn kia… cũng vậy. Đó là chưa kể phải thoi thóp lo âu một ngày bùa thiêng hết tác dụng, thằng đàn ông rùng mình một cái, ngơ ngác hỏi ủa, sao hai đứa mình nằm chung giường vậy, xin lỗi nghen, chắc tại hồi hôm tui xỉn quá nên chui ẩu vô mùng bà. Rồi ông ta nhìn vẻ mặt đau đớn của mình, kinh hoàng: "Trời đất ơi, bộ tui đã làm gì bậy bạ sao?". Tất cả sẽ chấm dứt ở đó, ông nọ phủi sạch những ngày tháng mặn nồng. Với ký ức trống trơn, họ phơi phới ra đi, còn mình thì nhớ hoài, đau hoài…

Nhưng chẳng tin vào bùa thì còn biết làm gì nữa, chị cũng đã lặn lội tới nhà tình địch, đã xé quần áo của cô ta, xởn tóc, lôi xểnh ra biêu riếu giữa chợ rồi, chị kể. Bằng cái giọng rộn rã, giòn tan chỗ cao trào, rồi chị hết sức chậm rãi, tỉ mỉ, tả cái đoạn chị dùng dao rạch mặt cô ta và xát muối ớt vào (những người quê mình vẫn thường làm chuyện đó rất bình thường, sẽ buồn cười khi có ai đó nói làm vậy là vi phạm điều X chương Y luật hình sự, họ cãi ngay, "Ủa, nó cướp chồng tui thì tui phải đánh cho tởn chớ", với vẻ mặt tự hào ngút ngất, tỉnh bơ, ngây thơ, tựa như một người đi qua trận địa cũ và nói với ông bạn mình, hồi năm bảy hai tui bắn thằng lính cộng hòa ở chỗ này, óc nó nát như chao, con mắt văng ra xa cả thước. Ông bạn chẳng ớn, nói tôi cũng cắt cổ thằng Mỹ ở đây chớ đâu)

Sau đận đó, chồng chị bỏ ngay cô nhân tình này và trớ trêu, anh ta chạy theo… cô khác. Ba mùa lúa rồi chị ra đồng một mình. Một mình nuôi con. Một mình nhìn gương, tự ve vuốt và yêu lấy mình…

Cái sàn lãn sau nhà đã ba năm vắng bóng đàn ông. Một chiều chúng tôi đến, xẻ mấy cây đố xong, cha ra đó tắm. Nước chảy re rắt trên khuôn mặt lạnh lùng, nước mỏng tang tràn qua những thớ thịt đỏ au của cha tôi. Chị chợt giật thót người, cài vội chiếc nút áo bung ra vì không chịu nỗi đôi vú căng tức.

Ngay lập tức, tôi có cảm giác câu chuyện về những lá bùa vẽ nhì nhằng chị giấu trong áo gối, ém dưới chiếu, hay kẹt giường… không còn ý nghĩa gì hết. Chị cũng sửng sốt khi nhận ra điều đó. Giường đã làm xong, đáng lẽ chúng tôi phải dời đi, nhưng chị chủ nhà muốn đóng thêm hai cái tủ nữa. Chị thuê hàng xóm xuống ao mò lên những thân gỗ đã ngâm lâu và chở tới xưởng cưa. Rõ ràng là chị không chuẩn bị trước, rõ ràng chị muốn giữ cả nhà chúng tôi lại.

Chúng tôi được đối xử rất tử tế, ngoài hai bữa cơm, buổi trưa, chị hay đãi thêm nồi chè, hay khoai luộc. Chị nồng nhiệt bảo chúng tôi lên nhà ngủ, nhà rộng rinh như vầy không cớ gì phải ngủ ghe. Cha tôi trù trừ nhưng rốt cuộc cũng gật đầu (với một thoáng giễu cợt), thật không nỡ chối từ một tấm lòng như thế.

Tôi và Điền ở lại ghe, tôi nói, ngủ ở đây gió mát quen rồi, với lại, tụi tui phải giữ đồ. Nói tới chỗ này tôi mắc cười muốn chết, chiếc ghe tơi tả, đáng giá gì đâu mà giữ. Có mấy ông thống kê gì đó làm chứng, mấy ổng đã ngao ngán như thế nào khi thấy chỗ ở ngang mét hai dài ba mét mốt cho ba nhân khẩu, điều tra thêm thì phương tiện nghe nhìn giải trí chỉ cái radio trị giá mười bốn ngàn, nguồn nước sinh hoạt từ sông, thu nhập ờ thì vài ba triệu một năm, tuỳ vào ông trời, như năm nay, thì trắng tay…

Và ngó lại cái khạp da bò nứt, trong rổ úp vài cái chén sành, một thùng giấy chứa quần áo cũ… thấy mình lấy cớ giữ đồ hơi vô căn cớ. Nhưng chị chủ nhà không để ý, chị đang ưng bụng, ngây ngất tràn trề trong mắt. Và cha tôi lên đó, một mình.

Tôi ôm quắp thằng Điền nghe những con sóng nhỏ lách tách vỗ vào mũi ghe, nói, Hai nhớ trường học quá à, cưng (Ôi cái trường xiêu dựng trên khu vườn chùa đầy cây thuốc, có ông thầy trẻ tuổi hay vò đầu tôi và xao xuyến hỏi, má khoẻ hôn con?). Thằng Điền hỏi lại, "Mắc gì mà nhớ? Lãng òm…". Tôi không biết, tôi đã ngưng nhớ nó từ khi sống cuộc sống trên đồng, nhưng đêm nay, sao tôi lại nghĩ tới, cả chuyện kiếm tiền để chữa mắt cho Điền (tôi vẫn nghĩ, sự xuất hiện của nước mắt chỉ có ý nghĩa khi người ta khóc). Đêm nay, tôi sao thế này? Vì nhìn thấy niềm hy vọng ư?

Và tôi ngủ trong nỗi xốn xang.

Lúc thức dậy thì hy vọng cũng thức theo, sáng hôm đó, tôi thấy cha trút bỏ vẻ lầm lũi thường ngày, mắt ông hay rực lên, nói cười rất lạ, dường như cha bừng tỉnh nhận ra giá trị của mình, tìm thấy con đường sẽ đi. Những suy nghĩ cồn cào làm cho vẻ mặt cha lung linh như bầu trời nhiều mây và gió. Thoắt quang đãng thoắt âm u, thoắt khoái trá, thoắt đau đớn…

Chị chủ nhà cũng thất thường, đang tươi hơn hớn bỗng bần thần khi thấy cha đóng xong một cái tủ nữa rồi. Chiếc tủ chén này, cha mất năm ngày mới hoàn thành, nhưng không sớm hơn được, vì chị chủ nhà lúc thì bưng nước ra, lúc lại kêu nghỉ tay ăn bánh, anh thợ à. Nhiều lúc chơi ngoài hàng ba, nghe tiếng bào trượt trên ván ọt ẹt ngừng lại, buổi trưa im phắc. Và đống dăm bào bị dẫm tạo ra âm thanh lạo xạo lao xao lào xào. Chúng tôi biết chị đang ở ngay chỗ cha.

Không hiểu sao tôi lại nghĩ chị chủ nhà chính là hy vọng để chị em tôi trở về cuộc sống bình thường với một người - cha - bình - thường. Chúng tôi luôn tạo cơ hội, khoảng trống cho chị gần gũi với cha. Cực nhất là phải rủ rê lôi kéo nhỏ con chị chơi với chúng tôi, thằng Điền khó chịu, "đồ con nít…". Tôi cười, "thôi, kệ nó…" mà lòng nghĩ, biết đâu mai mốt con nhỏ này với mình là một gia đình. Biết đâu đó là một mối tình dài.

Nên tôi thấy hơi lo khi cha sắp hoàn thành chiếc tủ áo cuối cùng. Buổi chiều, cha xin những mảnh cây ván vụn đắp vá lại mui ghe. Nghĩa là chúng tôi sẽ tiếp tục đi. Chị chủ nhà ủ ê, suốt

buổi chị giầm đũa vào chén cơm nguội ngắt. Cha nhìn chị, cười nhẹ, rồi hỏi khẽ khàng:

- Cô đi với cha con tôi nghen?

Như chờ đợi chỉ có thế, chị gật đầu, mặt tở mở và rạng rỡ, gần như không suy nghĩ gì (Má tôi cũng đã từng chọn lựa nhanh như thế sao?). Tôi bất giác ứa nước mắt, rồi nhận thấy cha đang nhìn mình, tôi bệu bạo cười, "cắn trúng cái lưỡi đau quá trời".

Chị chủ nhà bắt đầu sống với những giây phút bồn chồn, chị loay hoay, te tái tới lui. Chị kiếm lủ khủ giỏ xách, những muốn gói ghém thật nhiều đồ đạc nhưng nhận ra chiếc ghe chẳng chứa nổi, nên quăng phẹp một bên. Cuối cùng, chị đưa nhỏ con về chơi bên ngoại, và trong lòng chị em tôi bùi ngùi tiễn nó đi như đưa tiễn một cuộc đời. Mai nó vẫn sống, nhưng mà sống khác. Rồi chị quay lại, ra bực sông, ngồi đắm đuối nhìn ngôi nhà của chúng tôi, "những ngày sắp tới của mình ra làm sao, ta?".

Dễ hình dung lắm. Như chỗ cái sạp xỉn màu tôi đang giặt vải lau đây sẽ là nơi chị sẽ ngủ, sáng ra chị vẫn không phải rời chỗ ấy, vì chỉ cần ngồi dậy, day mặt ra phía sau là đụng bếp, là có thể nhen lên một lọn khói buồn teo. Mấy đêm đầu có lẽ không quen, vì phải nằm chèo queo, ghe thì chao sóng. Mấy đêm đầu chắc chị hơi ngại ngùng, mắc cỡ vì ở ghe không có vách ngăn, vì thế chị em tôi sẽ cố ngủ thật say, ngáy thật to để át những tiếng thở hổn hển, dìu dặt. Chị cũng sẽ mất khá lâu để thích hợp với nhiều hình ảnh mang tính ước lệ, thí dụ như mấy bụi hành ngò trồng trên cái xô bể (thay vì khu vườn cây cỏ hoa trái mênh mông), hay cái lò cà ràng nhỏ (thay vì cả một gian bếp ấm sực mùi củi lửa)… Và nghe cha tôi than, tôi chán cái nhà này quá rồi, thì cũng nên hiểu là không có cái nhà nào cả. Nhà chúng tôi là cái này, là cánh đồng nào đó, con sông nào đó… Riêng chúng tôi thì không cần chị phải yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ gì hết. Chúng tôi không hy vọng điều đó (đến con chị còn không hy vọng gì mà). Ngay lúc này đây, cứ nghĩ, một bữa trưa mai trưa mốt nào đó, có nắng hiu hiu và gió hiu hiu, vì muốn chứng minh tấm lòng của mình với cha, muốn tỏ thái độ hoà hợp với hai đứa trẻ lạ lùng này, chị bắt thằng Điền lại, xối nước kỳ cọ những mảng đất đã dính khắn trên làn da mốc meo của nó, miệng cắm cẳn, cằn nhằn hay biểu tôi ngồi để chị thắt bím tóc cho, chắc tôi thấy khó chịu vì xa lạ và buồn cười.

Nhưng tiếc rằng không có ngày mai, mốt đó. Chị bị cha tôi bỏ lại, khi vừa đi được một đoạn đường. Một đoạn đường đầy khó khăn. Chị buộc mình tin rằng sự chọn lựa này là đúng, tình yêu này xứng đáng được đánh đổi. Xóm làng, ngôi nhà, vườn tược trôi tuột lại phía sau. Và đứa con gái… Rất cố gắng, chị mới thôi thảng thốt. Cha ghé một chợ nhỏ đầu xóm kinh, biểu chị lên mua một ít củ cải muối đem theo. Người vừa khuất trong tiệm tạp hóa, cha cười. Chị em chúng tôi mãi mãi không quên cái cười đó, nó vừa dữ dội, đau đớn, hoang dã, cay đắng, nghiệt ngã. Cái cười thật dài, riết lấy khuôn mặt cha, làm mắt cha hơi lồi ra, ánh lên như có nước. Cha

quăng đồ đạc của chị lên bờ vung vãi. Và nổ máy cho ghe đi.

Có ai chờ chúng tôi, trên những cánh đồng khơi?

## (VI)

Trời đất ủ dột nhìn mưa vào mùa. Thằng Điền kiếm được mấy cây ô môi nhỏ, nó rủ tôi trồng. Chúng tôi dầm mưa, lấy mũi dao đào thành mấy lỗ con con, rồi đắp đất ém gốc lại. Cái cảm giác mà cha tôi đã từ bỏ là yêu thương, che chở cho một sinh linh (yếu ớt, nhỏ bé) nào đó thật ngọt ngào. Điền biểu tôi chặt sậy cắm quanh, sợ mấy con vịt ăn trụi lá, với lại, bờ đất này rất nhiều người qua lại, không khéo là bị dẫm bẹp. Hai đứa ngồi nhìn công trình của mình, bỗng buồn, không biết mai này còn có dịp quay lại coi tụi cây này lớn lên, để trèo lên hái trái, để giăng cái võng, ngủ một giấc đã đời.

Chị em chúng tôi nảy ra nỗi thèm muốn, khao khát được trồng cây từ khi rời Bàu Sen, vì biết chẳng bao giờ quay lại sống - bình - thường. Dường như chúng tôi nhớ, nhớ cồn cào. Nỗi nhớ bao gồm được chạy chơi trên cái vuông sân mọc đầy vú sữa đất, được tự mình trồng cây gì đó, có trái, và trái ăn được, ăn rất ngon. Nhưng cái mơ ước nhỏ nhoi là nhìn nó lớn lên cũng mong manh, khi mà đến chưa nóng chỗ đã phải dời đi nơi khác. May là lần này chúng tôi ở Cỏ Úa khá lâu, chăm chút bầy vịt (mới gầy lại) "trơn lông bụng". Thằng Điền một bữa ra coi cây bén rễ, nó bỗng chép miệng, "Ước gì đây là đất - của - mình...".

Tôi cười, điều đó thật xa xôi. Có lần, đi qua xóm, trong một buổi chiều, chúng tôi gặp những ông già ngồi chơi với cháu, thằng Điền đứng tần ngần bên hàng rào dâm bụt, bảo, "Phải chi ông này là ông nội mình, thương đỡ chơi, hen Hai?". Nghe câu đó tôi bỗng thấy mình nghèo rơi nghèo rớt, nghèo đến nỗi không có... ông nội để thương, thèm muốn bên đường. Tôi lắc đầu, bảo thôi, thí dụ như mình lỡ mến người ta, mai mốt dời đi, buồn dữ lắm. Mà, đã ngấm, đã xé lòng toang hoang với nỗi đau chia cắt rồi, chưa sợ sao?

Sống đời mục đồng, chúng tôi buộc mình đừng yêu thương, quyến luyến bất cứ ai, để khỏi ngậm ngùi, để lòng dửng dưng khi cuốn lều, nhổ sào đi sang cánh đồng khác, dòng kinh khác. Chúng tôi vô định hơn bất cứ người nuôi vịt chạy đồng nào. Vì những cuộc tình của cha tôi, ngày càng ngắn ngủi.

Cha tôi đã có - vẻ - bình - thường, hay nói cười, hồ hởi trong những lúc có người (chữ "người" này không tính hai chị em tôi). Nhiều lúc tôi không giấu được thảng thốt, cứ nghĩ mình đã gặp lại cha - của - ngày - xưa. Nhiều lúc tôi ngồi trông người trong xóm đi thăm lúa ghé qua chòi, lúc ấy, cha sẽ kêu, "Nương à, nướng mấy con cá khô, cha lai rai với mấy bác...". Em tôi cũng sướng ran xách chai ra tiệm mua rượu, nó khoái chí nghe cha gọi, "Điền ơi! Điền...". Vui được chút đó thôi, khi khuất bóng người, chị em tôi đắng đót nhìn cha hao hao người đóng tuồng vừa trút lớp. Xanh xao, lạnh lẽo đến ngơ ngác và cô đơn.

Không, lúc chỉ một mình, cha tôi đáng sợ hơn thế. Cha giống như con thú trở về tổ sau khi no mồi. Con thú nằm mơ màng nhấm nháp lại hương vị của miếng mồi, và ngẫm ngợi thòm

thèm con mồi kế tiếp. Có lúc sự vật lộn làm vết thương cũ của con thú đau, nó liếm láp vết máu, và tôi hãi hùng nhận ra chỗ đau ấy cứ rộng thêm ra. Đôi khi tôi nhớ người đàn bà ở Bàu Sen, nhớ bóng người xấp xãi, ngơ ngác chạy theo chiếc ghe sáng ấy. Chắc chị đã quay lại, đón đứa con gái về, móc quần áo trở vô tủ. Có hề gì, rồi chị sẽ yêu một người khác, nhưng mãi mãi, chị không quên nỗi ê chề bị bỏ lại bên đường (bằng chứng là ba cha con chúng tôi có quên được đâu). Với những đàn bà sau này, cha tôi tính toán rất vừa vặn, sao cho vừa đủ yêu, vừa đủ đau, vừa đủ bẽ bàng, và bỏ rơi họ đúng lúc. Có người vừa bán xong cái quán nhỏ của mình. Có người vừa nói xong những lời dứt tình với chồng, con. Có người vừa phũ phàng chia xong gia sản, có cô gái sắp về nhà chồng, củi to củi nhỏ chất thành giàn ngoài chái… Hết thảy đều cun cút tin và yêu. Cha mang họ đi một quãng đường vừa đủ để người ở lại nhìn rõ chân dung của sự phản bội, sau đó người đàn bà bị hắt lên bờ. Con đường quay về bị bịt kín.

Cha không tốn nhiều công sức cho việc chinh phục (Những người đàn ông quê mùa đã tự tay đẩy người đàn bà của mình đến với cha, bằng nhiều cách. Họ thích uống say, họ thích dùng tay chân để tỏ rõ uy quyền. Mệt nhọc làm lụng trên đồng, người đàn ông đã trở nên khô cằn, có khi cả đời, họ không nói với phụ nữ một câu yêu thương tử tế. Họ không biết vuốt ve, âu yếm, khi cần, họ lật cạch người phụ nữ ra và thoả mãn, rồi quay lưng ngủ khò). Sẽ còn bao nhiêu người nữa được cha tôi cho nếm thử niềm đau kia, tôi tự hỏi mình khi nhìn người đàn ông vào tuổi bốn mươi, quyến rũ từ cái cười, từ câu nói, ánh nhìn thăm thẳm, ngọt ngào. Trời ơi, trừ chị em tôi, không ai thấy được đằng sau khuôn mặt chữ điền ngời ngợi đó là một hố sâu đen thẳm, bến bờ mờ mịt, chơi vơi, dễ hụt chân.

Nên mỗi lần cha nhìn đăm đắm và mỉm cười với một người đàn bà mới chúng tôi lại thắt thẻo. Thêm mối tình đau trước cả ngày thứ nhất (mà chị em tôi không cách nào ngăn được). Tôi có cảm giác cha quắp lấy người ấy, vùi mặt vào da vào thịt, ngấu nghiến mà lòng cha lạnh ngắt. Thằng Điền cay đắng, "Cha làm chuyện đó thì cũng giống như mấy con vịt đạp mái…". Tôi nạt, "Đừng nói bậy…".

Nhưng tận đáy lòng, tôi cũng nghĩ, cha hơi khác con - người. Nhạt nhẽo hơn cả việc quan hệ theo mùa, theo bản năng, trong cha tôi không còn một chút cảm xúc nào, nét mặt tràn ngập những rắp tâm.

Cha đẩy chúng tôi trượt dài vào nỗi thiếu thốn triền miên. Mỗi lần rời khỏi một nơi nào đó, thật khó để phân biệt, chúng tôi bỏ đi hay chạy trốn. Chúng tôi đánh mất cái quyền được đưa tiễn, được xao xuyến nhìn những cái vẫy tay, được nhận vài món quà quê như buồng chuối và hương hay bó rau ngót cắt trong vườn, cùng lời dặn dò quyến luyến, "Đi mạnh giỏi nghen…".

Chị em tôi hết sức cố gắng để sự giận dữ, chán chường của mình không bùng cháy. Chúng tôi cho vịt ăn thật xa trên đồng, vạ vật ở đó từ sáng tới chiều. Gió hoang liêu trên đồng

không làm lòng hai đứa nguội lại. May ra, gió chỉ thổi khô nước mắt lúc nào cũng ri rỉ trên mặt em tôi.

Tôi không còn muốn chữa mắt cho Điền. Bởi Điền khóc suốt (giống hệt tôi), dù vẻ mặt nó rất bình thản (tôi cũng vậy, khác là nước mắt tôi khô rốc trong lòng). Hai đứa tôi đều kỳ dị, đến mức nhiều khi tự giật mình.

Có lần, hai chúng tôi ngồi trên một bờ đất, xung quanh đấy những người thợ gặt đang ăn cơm. Nắng giữa trưa nóng rát. Tôi nói, chỗ khác có nắng dữ dằn vầy không ha. Thằng Điền nói, mùi cá kho quẹt thơm dễ sợ. Ừ, tôi gật đầu, nhưng cái mùi nghèo quá. Vậy mùi gì giàu, thằng Điền hỏi vặn lại. Tôi cười, thịt kho tàu. Rõ ràng hai đứa tôi có cãi qua cãi lại, vậy mà sau đó một người thợ gặt tỏ vẻ ngạc nhiên, "Hai đứa bây ngồi chù ụ cả buổi trời, không nói câu nào, vậy mà cũng chịu nổi sao?"

Thằng Điền cười, "Ủa, tụi mình hỏng nói tiếng - người!?". Tôi nhận ra nó không hề máy môi, tôi đọc được những ý nghĩ trong Điền. Ở đó, đang có bão tơi bời, gió quất điên cuồng vào trái tim nhỏ chi chít vết đau. Thằng Điền nổi loạn.

Dấu hiệu bắt đầu từ một bữa trong xóm đê, tình cờ ngó đôi chó nhảy nhau, thấy các chị đang phơi lúa kêu ó ré lên, tôi rủ Điền giả đò nhắm mắt (trò này cực kỳ trẻ con, vì ai cũng mường tượng mồn một tư thế động tình của hai con chó). Thằng Điền phì cười, nó kêu lớn, "Hai, coi nè…" rồi cầm đoạn cây xông đến quất đôi chó tới tấp. Hai con chó kêu la thống thiết, hoảng loạn, xà quần trong đám bụi đất. Đau đớn cùng cực, chúng rúc vào chân đống rơm, nhưng không chịu rời nhau. Con đực phục đầu sát đất, rên rỉ, nước dãi chảy ròng. Không chạy hả. Bốp. Không chạy nè. Bốp. Thằng Điền gào lên. Cây trúc giập nát. Tôi giữ tay Điền lại bảo, "Ác với tụi nó chi vậy, cưng", thấy nước mắt bê bết trên mặt em tôi.

Ngay từ lúc ấy, tôi đã muốn chạy về và nói với cha "Thằng Điền bị sao rồi, cha ơi…". Tôi sợ, hoảng loạn khi phải chứng kiến một mình.

Thằng Điền biết là tôi đã nhìn - thấy - cái - gì - đó, nó chua chát cúi đầu. Điền chối bỏ niềm vui được trở thành một người đàn ông thực thụ. Nó tự kìm hãm bản năng trỗi dậy mạnh mẽ ở tuổi dậy thì bằng sự tất cả sự miệt thị, giận dữ, căm thù. Nó phản kháng bằng cách trút sạch những gì cha tôi có, cha tôi làm. Giãy dụa đến rã rời, nhiều bữa, nó dầm mình dưới ao đến khi người tái nhợt. Nó chạy như điên trong đêm, trên những bờ ruộng mướt cỏ đến khi mỏi nhừ, gục xuống. Rồi nằm xoãi trên đồng, tả tơi.

Không phải vậy, không phải vậy Điền ơi, tôi muốn kêu lên, tiếc là sự thất học khiến tôi không diễn đạt được bằng lời. Tôi không chắc lắm, nhưng dục tình và xác thịt không xấu xa, không đáng bị khinh bỉ, không phải là nguyên nhân đẩy chị em tôi đến cuộc sống này với những đổ vỡ này…

Điền mười sáu tuổi, nó có thể mãn nguyện nằm bên tôi, dái tai để mặc tôi mân mê. Điền đã lạnh ngắt. Nó dửng dưng nhìn những đứa con gái làm cỏ lúa, quần xoắn cao, đùi non mởn. Đôi lúc bắt gặp những đôi người quấn nhau giữa các chòi ruộng hay lùm cây, nó khinh khỉnh cười khào. Nó điềm nhiên nói cái giọng hơi run rẩy nhưng rất mỏng và dịu dàng, "Hai, thôi đi. Em đâu có sao, buồn làm chi…".

Tôi cười, nói ờ. Nhưng muốn nghỉ buồn cũng không đơn giản. Phải rất lâu, tôi mới nhìn Điền một cách bình thường, tôi cố quên chuyện của nó, tưởng tượng bây giờ nó mới chín mười tuổi gì đó (cái hồi hai đứa như cây kiểng còi, thẳng đuột như nhau, thằng Điền hay bắt chước đái ngồi).

Và tôi chợt nghĩ, sự bất thường của Điền, chẳng qua nằm trong chuỗi rất dài của sự trừng phạt. Điều đó lý giải cho việc thiên nhiên ngày càng trở nên hung dữ hơn, khắc nghiệt hơn. Bằng những sấm chớp, gầm gừ, dường như trời đất đã nín nhịn nhiều, cuồng nộ bắt đầu rồi đây. Có lần, tôi lấy cao su gói lại mớ mùng chiếu, nhìn mưa thè cái lưỡi ướt nhão nhớt vào lều, khoái trá nếm từng tấc đất, tôi tự hỏi, không biết chỗ khác (chỗ không có chúng tôi) có mưa nhiều như vầy không. Ý nghĩ đó xuất hiện triền miên trong đầu tôi, rằng trời chỉ trút mưa, trút nắng ở nơi chúng tôi dừng chân lại. Nỗi bẽ bàng của những người đàn bà bị cha tôi bỏ rơi (và cộng thêm niềm đau vỡ của những người quây quanh họ) đã thấu qua những tầng mây.

Và dường như cách giao tiếp ngấm ngầm của tôi và Điền cũng trong chuỗi bất thường, nó làm cho mối quan hệ với cha thêm rời rạc. Những bữa ăn nối tiếp nhau trong im lặng. Lúc và cơm, tôi hay bị ảo giác, tưởng mình đang ngồi trên cánh đồng của chín năm trước. Một cánh đồng miên viễn với gió lắt lay những khói nắng héo xèo, một nhúm mây rất mỏng và rời rạc bay tha thẩn trên cao. Đường chân trời mờ mờ xa ngái. Một vài gò mả loang lổ dưới chòm trâm bầu. Tiếng chim kêu nhỏ từng giọt thiu thỉu. Mùi rạ mới quyện với bùn tanh tanh. Bầy vịt rúc đầu vào nách, ngủ ơ hờ dưới bóng cây tra treo từng chùm bông vàng tuyệt vọng lay như những chiếc chuông câm. Cảnh không đổi, người cũng không, cứ ngồi ngoáy mãi vết thương cũ, nhỏ nước mắt.

Giống như mấy cái mả ngồi, thằng Điền nhận xét. Vừa may, một bữa trưa nắng rập rờn trên nách rạ, chúng tôi cảm nhận được những tiếng nói lao xao. Thằng Điền thảng thốt, "Tụi mình ba trợn thiệt sao, Hai?" khi nhận ra đó là tiếng của… vịt. Tôi cười, hớn hở. Thế giới của vịt mở ra. Không ghen tuông, hờn giận, chắc tại cái đầu vịt nhỏ quá nên chỉ đủ cho yêu thương. Tôi thôi thắc mắc vì sao cả bầy trăm con chỉ cần mười, mười lăm con vịt trống.

Đắm đuối với loại ngôn ngữ mới, chúng tôi chấp nhận để cho người ta nhìn mình như những kẻ điên (miễn là tạm quên nỗi buồn của cõi - người). Chị em tôi học cách yêu thương đàn vịt (hy vọng sẽ không bị đau như yêu thương một - con - người nào đó). Nhưng nhiều khi

nhìn thằng Điền dõng tai coi mấy con vịt nói cái gì, tôi giật mình, nuốt một họng đắng, tự hỏi đã đến nỗi này sao, đến nỗi chơi với người thấy buồn, nên chuyển qua chơi cùng vịt. Đêm nào cũng vậy, cũng rón rén, từ tốn, hai chị em thắp một ngọn đèn giữa chuồng, để lúc bọn tôi ra, chúng nhìn, biết không phải người lạ, không xao động. Vừa nhỏ nhẻ lấy trứng, tôi vừa hát một bài hát bâng quơ, đôi chỗ vì hạ giọng thấp mà hụt hơi. Bầy vịt nhạy cảm khủng khiếp, sau này, tôi cố sửa lại những chỗ hụt hơi ấy, chúng nhận ra ngay, và nhìn tôi với vẻ ngờ vực, "Ủa, phải con - người hôm trước không ta?". Một con vịt đui khịt mũi, cười, "Nó chớ ai, giọng có khác, nhưng rõ ràng là tiếng trái tim nó. Quen lắm. Chập chờn, thút thít, đòng đưa như sắp rụng…". "Có nổ hôn đó, cha nội?". "Sao không, mấy người thử đui đi rồi biết". Bất giác, tôi nhắm mắt để nghe lại tiếng tim mình.

Nhưng sự trừng phạt tính toán cũng vừa vặn, vừa đủ vui, vừa đủ thương, quấn quýt, nó lại đứng sau lưng và cười nhạo chúng tôi.

Gió chướng trở ngọn, trên những cánh đồng ủ ê tin buồn. Chúng tôi nghe được một cụm từ lạ, dịch cúm gia cầm. Những người nuôi vịt chạy đồng cười khào, "Chậc, mấy con vịt chết gió, mấy ông nhà nước nói cho quá…". Hôm chính quyền thông báo tiêu huỷ tất cả các bầy đàn, họ xửng vửng kêu lên, "Trời trời, bộ hết chuyện giỡn sao, mấy cha?"

Chẳng ai giỡn cả. Người ta dùng ý tưởng của Tào Tháo thời Tam Quốc, "thà giết lầm còn hơn tha lầm", dồn tất cả vịt trên cánh đồng lại và đào hố chôn. Thằng Điền mếu máo:

- Mấy ông ơi, vịt tui sân sẩn, có bệnh tật gì đâu…

Một người càu cạu:

- Sao cậu biết?

- Rõ ràng tụi vịt nói với tui.

Mọi người cười ha ha, bữa nay vui quá chừng. Họ bắt đầu trùm kín mình bằng những bộ đồ đi mưa. Họ rải vôi trên những hố chôn lớn bằng mấy khẩu đìa cộng lại. Họ tọng những con vịt còn sống, còn giãy dụa, còn gào thét vào bao tải, buộc miệng và quăng xuống đó.

Đám nuôi vịt chạy đồng tụm lại ở một chỗ, cúi mặt vào lưng nhau. Họ xót của, tiếc tiền, họ cảm nhận được sự kiệt quệ, đói nghèo đang vây bủa. Lần rủi ro này (của cái nghề lắm rủi ro) thật khốc liệt.

Cha tôi ngồi riêng biệt ở một bờ đất và đốt thuốc ngó trời, điệu bộ hơi dửng dưng. Với nỗi đau sâu hoắm sẵn trong lòng, thì những biến cố khác chẳng qua như một vết xước nhỏ ngoài da, nhằm nhò gì.

Hình ảnh đó, nét mặt đó làm cho tôi tuyệt vọng. Mà, lúc đó, tôi đang chết điếng, sao tôi lại nhìn về phía cha? Vì tôi muốn cầu cứu (như những đứa trẻ con gặp chuyện giật mình, hay buột

miệng gọi má ơi hoặc cha ơi!)? Vì tôi thấy mình không thể chịu đựng được tiếng gào khóc thê thiết của những con vịt bị vùi sâu dưới lòng đất?

Mất nửa ngày những cái hố mới được lấp đất đầy. Xuyên qua những lớp đất bầy nhầy, tôi nghe vịt - của - tôi vẫn còn thoi thóp, chúng đau đớn vì những cái cổ gãy, rối quặt quẹo, chúng hỏi nhau vì sao tụi - người - ta lại ác. Rồi thinh lặng. Trong cái im ắng đến rợn người, tôi nhận ra tiếng của con vịt mù, có lẽ vì không sợ tối, nên sự sống kéo dài.

Rồi ánh sáng nhập nhoạng cuối ngày loang lổ đổ xuống, tôi và Điền khóc hức, cảm nhận được cái thở hướt ngắn dần, ngắn dần của con vịt sau cùng. Và nín bặt. Và tan hết. Chỉ còn gió cười từng tràng dài… Tôi tiếc thôi là tiếc sinh linh nhỏ bé đã thấu được tim mình.

Sáng sau, người ta tìm được một người chăn vịt nằm sát mép hố, mắt chong chong ngó trời không chớp, miệng sủi ra thứ bọt, trong vắt như bọt cua nhưng hôi nồng nặc. Chai thuốc trừ sâu lăn lóc cạnh đó đã cạn tới giọt cuối cùng. Sống thì khó chứ chết sao mà dễ.

Tôi đứng nhìn, tiếc rẻ, ủa, cái người nằm sóng xoài kia, sao không phải là chúng tôi?

Sự báo ứng dường như đang ở rất gần.

## (VII)

Tôi bắt đầu hối hận vì đã cứu chị và mang chị đi cùng. Có cảm giác chúng tôi nắm tay kéo chị lên khỏi một vũng lầy để đẩy chị vào một vũng khác, cũng sâu.

Chị xuất hiện không đúng lúc. Cha tôi có dấu hiệu mệt mỏi. Đàn bà, với cha, càng trải nghiệm càng chán chường. Càng gieo rắc càng đau. Vết thương cũ mở miệng toang hoác, không da thịt nào có thể lấp đầy. Cha không chấp nhận cả những người phụ nữ mà ông kỳ công chiếm đoạt (của người khác), thì sao ông có thể tin tưởng ở sự hiến dâng?

Vậy đó, cuối cùng chị hiểu được tại sao cha tôi lại phớt lờ mình. Tôi và Điền buộc phải kể câu - chuyện - của - chúng - tôi để chị không phải ray rứt gì với thân phận làm đĩ. Những ký ức chắp vá, đứt đoạn được chúng tôi kể khá chậm, một phần vì đã lâu không dùng cách giao tiếp bằng lời, một phần do vài chi tiết khiến chúng tôi phải dừng câu chuyện lại, vì thấy nhói ở đâu đó hay đợi chị thôi khóc. Thí dụ như cái đoạn kể về kỳ kinh nguyệt đầu tiên của tôi. Máu chảy giữa hai đùi không tạnh được, tôi thụp xuống, bụm chỗ ấy lại. Máu từ từ chảy qua kẻ tay, tôi thấy mình rỗng ra, tái nhợt, chết dần. Thằng Điền vói bứt đọt chuối, tọng vào miệng nhai ngốn ngấu, điên dại, để lấy bả rịt lại chỗ máu. Thuốc gò nghe nói cầm máu rất tốt, cũng chẳng ăn thua. Hai đứa nhìn nhau khóc, tôi đã mơ thấy ngôi mộ của mình, như chiếc giường giữa bốn bề đồng nước… Chị mếu máo vít đầu tôi vào lòng, "Trời ơi, tội hôn. Lúc đó cha mấy cưng ở đâu?". Tôi ngơ ngác, không biết, nhưng dù cha có ở gần ngay đấy thì chúng tôi cũng chẳng thể cầu cứu.

Đã nói là chị em chúng tôi phải tự học đủ thứ rồi mà. Những gì không biết, chúng tôi thử. Những gì không hiểu, chúng tôi chất thành khối trong lòng. Nhiều khi thấu đáo được một điều nào đó, chúng tôi phải trả giá cao.

Có lần chúng tôi thả vịt nghỉ khúc kinh có bóng cây. Bỗng nỗi xấu hổ vì mình là con người xộc lên mũi sặc sụa, khi tôi phát hiện ra chúng chẳng bao giờ cưỡng đoạt và gạt gẫm nhau. Khoảng thời gian trước khi con trống trèo lên con mái rất thật, mềm mại, êm đềm… Tuyệt không có gì là thô tục. Tôi sửng sốt. Thằng Điền sửng sốt. Trời ơi, khác với những gì chúng tôi biết (qua cha tôi, má tôi), trong sự hoan lạc (của những con vịt) đầy ắp thứ gọi là tình - yêu. Điền chới với, nghi hoặc lan ra như một vòng sóng. Và khi chị xuất hiện, thì trong nó chỉ còn nỗi ân hận giày vò.

Điền yêu chị, nhưng tình yêu đó khiếm khuyết mất rồi. Sau giấc ngủ dài, bản năng nó đã không trở dậy. Trái tim nó chỉ là hòn than nhỏ, không thể hâm nóng lại cơ thể ngã màu tro. Sợi dây xúc cảm như lối đi lâu lắm không người lui tới, cỏ dại mọc bít mất, đường đứt, cầu gãy…

Mà, kiểu yêu tinh thần để nhìn nhau, để nắm tay, vuốt tóc, để nín nhịn và hy sinh chỉ tồn tại trong văn chương Nguyễn Ngọc Tư. Chị cần nhiều hơn, nhiều hơn, nhiều khủng khiếp, tưởng

như chị có thể ngốn ngấu, bào mòn tất cả đàn ông trên thế gian này. Lúc đầu là kiếm sống, nhưng lâu dần, sự chung đụng của thể xác làm chị nghiện. Thằng Điền tuyệt vọng.

Tôi cảm giác sự đổ vỡ khi Điền đuổi theo chị, và chị thì chạy theo cha.

Một cuộc đua rã rượi, chẳng đến đâu. Chúng tôi còn phải dành sức cho cuộc mưu sinh dưới nắng như tát lửa. Cha quyết định bán bầy vịt đi. Ba người, mỗi lần xách vài ba con, chúng tôi chia nhau đi dài xóm để bán lẻ. Nhưng cách ấy chẳng cho kết quả nhiều, nắm con vịt ốm nhẳng trong tay, xương ức gò ra bén ngót cũng đã đoán được. Thêm nữa, mùa giáp hạt kéo dài, nhiều nhà chạy gạo còn gay, thịt vịt trở nên xa xỉ. Tivi thì vẫn đang ra rả về dịch cúm, những người biết chút đỉnh, rụt đầu, "Ăn vịt đặng lây bệnh chết à?".

Chúng tôi mang lũ vịt trở về, con đường dẫn lên đồng rập rờn hoa mua tím. Cũng theo lối này, vài hôm sau, ông trưởng ấp dẫn theo một cán bộ xã xồng xộc đến chỗ chúng tôi.

Tôi vừa sợ, vừa biết ơn những người như thế này. Họ làm cho chúng tôi cảm thấy bớt hoang dã, họ làm chúng tôi hiểu rằng, ngay cả trên những cánh đồng hoang liêu nhất thì chúng tôi vẫn bị ràng buộc bằng hàng vạn luật lệ. Nhưng đồng thời họ luôn mang tai họa đến. Dường như sự trừng phạt đang núp sau hai khuôn mặt bị nướng dưới mặt trời, bóng nhẫy, tươm mỡ. Họ phơ phởn nói bằng thứ ngôn ngữ buồn cười (bọn chăn vịt chúng tôi chẳng khi nào dùng những chữ chỉ thị, loại trừ tận gốc hay giải quyết dứt điểm…). Thật đơn giản, khi nói "các người phải huỷ bầy vịt". Cha tôi cáu kỉnh gật đầu. Tôi và Điền kêu lên một tiếng buốt, ôi, những bạn - bè của chúng tôi sắp bị chôn sống nữa rồi.

Cái nhìn chị chảy theo nước mắt của thằng Điền, chị khẽ bảo, không sao đâu, mấy cưng. Chị đon đả, chèo kéo hai người đàn ông lạ về phía mình, "Mấy anh thương em với, nỡ nào để cả nhà em chết đói". Một người càu cạu:

- Ở trên lịnh xuống tụi tui cãi sao được.

Nụ cười đong đưa, tung tẩy trên khoé mắt, thì em có bảo mấy anh cãi ai đâu, mấy anh giả đò không biết, không nhìn thấy bầy vịt của em là được rồi. Dễ ợt… Thằng Điền bệu bạo cắn răng, nó tự kìm nén bằng cách siết vai tôi đau nhừ. Cách đó năm bảy bước, giọng nói của chị vẫn lướt như một dòng gió đầy hơi nước, thấm dịu lại hai khuôn mặt (cố tỏ ra) cứng đơ. Một người nuốt nước miếng, ánh nhìn ham muốn như mũi kim thò ra khỏi bọc, lơ láo. Mắt ông ta lột trần chị, và toan tính một thoáng. Người còn lại có vẻ thú vị, háo hức như sắp được xem một vở cải lương hay. Chị thấu hiểu đàn ông đến nỗi, ngay lập tức chị ngó về phía chúng tôi, ngầm báo, cuộc thương lượng (về một sự đổi chác) đã kết thúc rồi.

- Hai anh cứ về trước, chút nữa, em lựa mấy con vịt tơ đem lại cho các anh lai rai. Nhà anh Năm đây em biết chớ sao không, đi tới đâu, em cũng coi mặt thổ địa trước chớ…

Nụ cười chị chợt mỏi mê mỏi nhừ. Có một chút tàn nhẫn, một chút man rợ trong cuộc thương lượng này. Hai người đàn ông quay vào xóm, không quên vói lại một câu, nửa đe nẹt, nửa xuề xòa, "tụi tôi nể vợ anh…". Cha tôi cười hết sức độ lượng, ôi những thằng trẻ con…

Chị vò đầu thằng Điền, bảo "chuyện nhỏ thôi mà, đi bắt vịt dùm chị, nhỏ cưng". Và hướng cái nhìn sâu nhói về phía cha tôi, rất chậm rãi, chị thay áo, lấy nón, xỏ dép… Thời gian dằng dặc. Tôi biết chị chờ, hy vọng. Tôi biết, đi một quãng xa, chị vẫn còn dõng tai đợi một tiếng gọi, "quay lại đi, Sương". Nhưng chỉ gió ngêu ngao xoi mói vào mảng thịt sau tà áo người phụ nữ đang xiên xiên trên bờ cỏ rập rờn.

Chị về khi trăng rạng rỡ trên đầu (mãi sau này, tôi vẫn còn ghê sợ cái màu trăng ấy). Ống quần quệt vào cỏ ướt đẫm sương. Hơi rượu quyện với mùi thuốc lá làm tôi chạo chực. Nhác thấy hai chị em tôi ngồi thù lù, chị kêu lên, trời đất, hai cưng chờ chị chi vậy. "Chị… làm đĩ quen rồi, mấy chuyện này nhằm bà gì mà mấy cưng buồn?". Rồi khom người nhìn vào chòi, chị chắc lưỡi tấm tắc, "Coi nè… Trời ơi, bữa nay bộ gió mát sao mà người ta ngủ ngon dễ sợ". Chao, tiếng ngáy của cha tôi sao mà đều, sao mà thơ thới. Tôi chực khóc, ngay lúc này đây, dường như chị - đang - chết. Chị lẹ làng lấy tay quệt lên mắt, mảng nước nhoè nhoẹt bên màng tang, bết cả vào mớ tóc mai.

Sáng sau, gặp ở quây vịt, cha tôi cười, hơi giễu cợt, "Sao, hồi tối vui không? Chắc họ tưởng cô là vợ tôi nên hứng thú lắm hả? Cứ để họ nghĩ vậy…". Chị ngó trân vào cha, rồi day qua tôi, chị để rớt từng lời:

- Má cưng ác một, nhưng người cha này của cưng ác tới mười.

Nói rồi, chị quay đi. Chân vướng dấp dúi vào cỏ. Con đường nhỏ dầm chan trong màu hoa mua tím. Tôi đắng đót thầm trong lòng một cái vẫy tay. Bóng người khuất trong vườn. Thằng Điền xách nước về, nó cuồng lên hỏi chị đâu. Tôi chỉ con đường kinh xao xác hoa cỏ dại. Em tôi chạy hồng hộc về phía đó.

Điền, cũng không trở lại.

Tôi đã chờ nó đến khi mùa mưa đổ xuống cánh đồng Chia Cắt (tôi tạm gọi vậy) một trời sao. Chờ chơi vậy, chứ tôi biết Điền chẳng quay về. Tôi nhớ nó (và nhớ chị) không thôi. Những lần dọn cơm tôi hay lấy chén đũa cho cả bốn người. Cha tôi rất khó chịu, ông ngán ngẩm đứng dậy. Tôi ngồi một mình, chan nước vào chén cơm như chan nỗi trống trải khủng khiếp. Đi qua những xóm kinh chộn rộn ánh đèn, tôi thường ngóng lên bờ mong có thể gặp được thằng Điền và chị. Không biết em tôi có đuổi kịp chị, hay vẫn tiếp tục kiếm tìm. Không biết nó đã đánh thức được bản năng, đã tìm thấy nhục cảm, đã biết thèm muốn chưa. Không biết tối nay thằng Điền có được mệt nhoài úp lên chị, hay vạ vật ở đâu đó, bên vách buồng (hay một tấm ghi-đô bằng vải), đau vật đau vã nghe hoan lạc chảy thành những dòng rên xiết, kêu thét. Không biết nước

mắt của nó đã khô chưa hay vẫn rỉ từng giọt như máu tươi.

Tôi nhớ Điền, bao gồm nhớ một đồng - loại (và tôi là đồng - loại còn lại), nhớ một cách trò chuyện (đọc thấu lòng nhau), nhớ một người nghe được tiếng tim mình (điều này thì con vịt mù làm được, nhưng nó đã chết rồi), và nhớ một người che chở (công việc này, đáng lẽ là của cha, má tôi). Tôi biết ơn Điền, từ một gói băng trắng mà Điền mang về hôm tôi mười bốn tuổi, bảo thứ này dùng khi có kinh nguyệt, nó sẽ ngăn không vấy máu ra quần. Điền đi hỏi ai đó, nó nói, máu không cầm được cho đến khi nào tự nó ngưng chảy. Điền xót xa khi thấy tôi trổ mã con gái, "Đẹp làm chi dữ vậy, Hai? Ở cái xó quê này, có đẹp mai mốt cũng phải lấy chồng, đẻ một bầy con nheo nhóc, cũng ra ruộng ra vườn làm lụng đến hết đời, xẹp lép như xác ve. Đẹp, mắc công giữ…". Điền dặn tôi đừng xoắn quần quá cao, đừng mặc áo quá rộng cổ… Với bọn đám thanh niên lúc nào cũng kiếm cớ lảng vảng, Điền giang tay bọc lấy tôi, nó giễu cợt, "Anh kia, lượm con mắt lên, anh nhìn vậy, chị tôi mòn còn gì". Đám người cụt ngòi, tẽn tò dạt ra. Ngay cả khi Điền bỏ đi cùng chị, nó cũng để lại cho tôi một món quà lớn.

Cha bắt đầu có một chút quan tâm với tôi. Dường như chỗ trống của thằng Điền nhắc cha nên quý những gì còn lại. Bắt đầu từ một đêm, cha đứng đằng xa, bảo, "Nương, ngủ sớm đi!", tôi nghe mắt mình cay, ngợp như ai đó tọng một đám khói vào mặt. Mắc cười, câu nói chẳng ý nghĩa gì lớn lao, những người cha người mẹ nói với con họ hàng ngàn lần, đến phát bực mà tôi lại xốn xang.

Tôi ước gì có thể chếnh choáng thật lâu, nhưng nó mau chóng tắt rụi vì một ý nghĩ kỳ lạ. Dường như không còn kịp nữa, để hàn gắn sự đổ nát, để sắp xếp những mảnh vỡ lạo xạo trong lòng.

Chúng tôi tập nhìn nhau, điều đó khó khăn biết bao. Nhất là với cha, tôi cảm nhận được sự cố gắng lớn. Mỗi lần ngó về phía tôi, ông phải trợn trạo nuốt nghẹn những cảm xúc, vì tôi giống má khủng khiếp.

Không cần gương, tôi thấy hình bóng má trong mắt người đối diện. Trước ánh nhìn của cha, tôi cảm giác mình soi xuống dòng nước đêm. Với những người đàn ông khác, tôi bị rực lên như đứng trước mặt trời. Bằng mắt, họ sờ soạng khắp người tôi. Ánh mắt giống bàn tay của ông xẩm mù mà tôi từng gặp, đụng chỗ nào cũng dừng lại, vuốt vuốt bóp bóp (chắc là cho dễ hình dung), rồi lần dò tới một chỗ khác, rờ nắn mê miết. Và tôi đón nhận một cách hằn học, cục cằn.

Hôm bán bầy vịt, cha tôi sắm một chiếc nhẫn vàng, ông đẩy nó về phía tôi, ngượng ngập như sắp chết giấc, "Để dành khi đi lấy chồng…". Tôi sặc ra một bụm cười, trời ơi, tôi biết lấy ai bây giờ?

Suốt những tháng năm sống tù đọng trên đồng, tôi có biết ai ngoài những người đàn ông

quê mùa cũ kỹ. Tôi biết lấy ai trong số đó? Lấy một người cắm mặt xuống đất, mệt nhừ với vườn ruộng để mỗi khi giáp hạt, tôi nghe tiếng cạo cháy của con, tiếng muỗng dừa vét gạo dưới đáy thạp mà rát bỏng trong lòng? Hay tôi sẽ chọn một người chăn vịt, mê mỏi với chuyến đi xa, sống cuộc sống hờ hững tạm bợ, thấp thỏm với rủi ro, và đến một lúc nào, tôi ôm con nghe đêm của mùa gặt thật dài với tiếng rúc rích của chồng cùng cô điếm già nua. Tôi lấy ai bây giờ, một người thợ gặt? Một anh chạy đò? Ý nghĩ mình là bản sao của má làm tôi sợ. Tôi không chắc mình có đủ kiên nhẫn sống cuộc sống nghèo túng, nhàm chán ấy suốt đời, hay nửa chừng bỏ dỡ. Và bi kịch chất đống lên những người ở lại.

Cha tôi hơi hoảng. Vậy đó, chỉ cần để ý một chút, là có thể nhận ra, xót xa vì sự quái dị, khác thường của tôi. Cha tôi vừa kịp nhìn thấy điều ấy, bối rối đến mức không biết diễn tả sự đau lòng như thế nào, bằng mặt, hay chỉ âm thầm trong lòng. Mà có đau, dường như cũng trễ…

Cái ý nghĩ đã muộn màng, trễ tràng, không còn kịp nữa như một cái rốn nước sâu hoáy, điên cuồng hút tôi vào, cảm thấy mọi nỗ lực của cha trở nên vô nghĩa, tôi nghĩ vậy. Tôi nghĩ đến sự trừng phạt, sự báo ứng bất chấp trời im ắng như đã nguôi quên chuyện cũ rồi. Bây giờ, đang vào mùa đẹp nhất trong năm.

8. Bây giờ, gió chướng non xập xoè trên khắp cánh đồng Bất Tận (tên này tôi tự dưng nghĩ ra). Ven các bờ ruộng, bông cỏ mực như những đường viền nhỏ liu riu làm dịu lại mảng rực vàng của lúa. Rất thính nhạy, (như kên kên ngửi được mùi xác chết), đám thợ gặt đánh hơi kéo đến, những người nuôi vịt chạy đồng lục tục ở đằng sau.

Những cánh đồng trở thành đô thị; những cánh đồng ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát; những cánh đồng vắng bóng người, và lúa rày mọc hoang nhớ đau nhớ đớn bàn chân xưa nghễn trong bùn quánh giờ đang vất vơ kiếm sống ở thị thành. Những cánh đồng đó, đã hất hủi cây lúa (và gián tiếp từ chối đàn vịt). Đất dưới chân chúng tôi bị thu hẹp dần. Nhưng ngay từ đầu, chúng tôi đã tự làm quẩn chân mình, vì không thể quay lại những cánh đồng cũ (với người quen cũ). Tôi đã từng trở ngược về những nơi đó theo cách của tôi, bằng mường tượng. Tôi gặp nhiều đứa trẻ tên Hận, tên Thù mang khuôn mặt rắp tâm của cha tôi, với đôi mắt sâu và chiếc mũi thẳng. Những đứa trẻ nhàu úa, cộc cằn, cắm cẳn, chỉ tiếng chửi thề là tươi rói, nhảy ra xoi xói ở đầu môi. Và hình ảnh đó thật đến nỗi, tôi bất giác lùi lại vì một đứa đang nhìn trân trối vào mình, ngạo nghễ "Tao không thích học, chừng nào lớn, tao đi chăn vịt. Má tao (hoặc ba tao) dặn, phải đánh chết tụi chăn vịt kia".

Tôi giễu cợt, không biết mày có kịp lớn không. Và nó nhăn nhở cười trước khi tan mất vào vũng đêm.

Tôi không mất nhiều thời gian để hiểu được cái cười ấy.

Đơn giản là ngay bây giờ, trên cánh đồng này, cũng đang lảng vảng những thằng Hận, chúng lớn hơn, cũng thất học, hung hãn. Bọn người này cướp vịt ở các bầy khác (trong đó có của chúng tôi) bằng cách lén phết sơn đen lên đầu những con vịt và phơ phởn đến nhận chúng là của mình, hiển nhiên mang đi. Bắt đầu xảy ra vài cuộc xô xát trên đồng, người ta đem hết những bản năng hoang dã của mình ra để giành lại miếng ăn.

Cha biểu tôi đứng ở đằng xa. Chờ đợi. Rốt cuộc, bầy vịt của chúng tôi vẫn mất ngót một nửa. Chúng tôi ra về. Cha tha thẩu đằng trước với một thân xác nhừ bùn sau cuộc đánh nhau. Cố đi tụt lại phía sau, tôi giấu nỗi vui đang thổn thức, cồn cào. Sẽ không ra gì nếu một đứa gái tỏ ra mừng rỡ khi cha nó bị đánh tả tơi, nhưng rõ ràng là cha tôi đang thay đổi, đang sống lại những cảm xúc bình thường nhất. Tôi thích ông như thế này.

Sau này, tôi luôn hối tiếc là tại sao ngay lúc ấy không chạy đến và cùng sóng bước cùng ông, tại sao tôi không nhìn ông và mỉm cười. Để khi đám người kia đuổi kịp, tôi đã không còn cơ hội.

Ba người họ quây lấy tôi, quần áo vẫn đẫm bùn, mặt mũi sưng sỉa. Họ hơi ngỡ ngàng, khi nhìn thẳng vào tôi, một đứa gầy trạc thằng Điền lau dãi ròng rãi trên khoé miệng, thảng thốt, "con nhỏ đẹp quá, mày".

Tôi coi đó là lời phán quyết cho mình. Giọng điệu của hắn giống như đang tấm tắc trước một món hàng ngon mắt.

Và món hàng bị ghì ngửa trên mặt ruộng bì bỏm nước. Tôi ngạc nhiên thấy bầu trời im sẫm. Mênh mông. Không biết đã tắt nắng hay mặt trời không với được ánh sáng đến nơi này? Hay những khuôn mặt nghèo đói, dốt nát tăm tối đã che khuất nó? Ngoái nhìn về phía cha và thấy ông lầm lũi đằng xa, tôi mong ông đừng quay mặt lại. Sau đó thử chống cự một lần, rồi thôi, sự vùng vẫy chỉ kích thích lòng ham muốn. Tôi không muốn bị đè nghiến, bị vùi nghẽn trong bùn.

Bọn chúng hơi khó chịu trước một đứa con gái yếu ớt và câm lặng. Sự hưng phấn giảm đi ít nhiều, đến nỗi, chúng tỏ ra đờ đẫn, nghi hoặc khi bóc trần tôi ra. Tôi nhìn chúng, cười cợt, "Chúng mày có lột bỏ có trăm có ngàn, tầng tầng lớp lớp những vỏ bọc, cũng chẳng bao giờ thấu đến tận tao". Ý nghĩ đó làm tôi bớt nhói cho nông nỗi này.

Vậy thì, cha ơi, quay lại làm gì, tôi than thầm khi nghe tiếng chân ông nôn nả, giận dữ lỏm thỏm trên mặt nước. Cha tôi gầm gừ nắm cổ một tên bật ngửa ra đằng sau như một người cố cất cái vó sông nặng nề, đẫm nước. Tôi khóc. Vì thấy ông đã kiệt sức, hoàn toàn. Và tôi buộc miệng thất thanh: "Điền! Điền ơi!" trước khi một tên ghí đầu ông dập xuống bùn.

Tiếng gọi ấy làm cha đau đến sững sờ, ông rướn ngược mặt về phía tôi, miệng há hốc. Tôi chực hiểu, ngay lập tức hối hận tràn đầy, trong ý thức cầu cứu, một bản năng đơn giản

nhất, đứa con gái đã quên mất người cha.

Thằng Điền thì ở xa. Tôi biết rằng, không có cái gì làm cho cuộc chiếm đoạt này dừng lại. Ước gì cha có thể hiểu và chấp nhận điều đó. Ông liên tục vùng vẫy và chống trả. Một tên côn đồ bụm lấy mắt, vừa kêu rên vừa chửi bới ngậu xị. Không đánh trả, nó có cách trừng phạt khác, nó đè nghiến, giữ cho mặt ông hướng về phía tôi. Và bọn chúng thay phiên nhau, giữ cho cha chỉ một tư thế đó.

Mắt cha tôi ầng ậc nước, tôi không rõ là phèn hay máu nhoèn nhoẹt. Ước gì cha tôi hiểu, để mà thanh thản, xưa rày, cái gì không biết hai chị em cũng đã thử, đó là một cách tự học để sống. Chỉ có sự giao tiếp giữa thân xác là tôi chưa từng trải qua.

Nhưng lúc này, cảm giác thật đơn điệu. Đầu tiên là sự xé toạc, và từ rách nát, đau đớn như lũ kiến cánh được giải thoát, chúng bò rân khắp thân thể, tôi thấy mình đang chết. Rồi ký ức ùa về kinh hãi, vẻ mặt má tôi cái hôm bị người đàn ông bán vải đo lên người hình như không phải là khoái lạc thăng hoa, nó giống như tôi bây giờ, đau nhói. Tôi tiếc mình không hiểu điều đó sớm hơn.

… Mặt trời le lói ánh sáng trở lại khi trên đồng chỉ còn hai thân thể nhàu nhừ. Ai đó vãi từng chùm chim én lên cao, chúng cố chao liệng để khỏi phải rơi như lá. Người cha cởi cái áo trên người để đắp lên đứa con gái. Ông ta bò quanh nó, tìm bất cứ cái gì để có thể che cơ thể nó dưới mặt trời. Dường như đứa con gái đang chết, chỉ đôi mắt là rưng rức chớp mở không thôi. Câu đầu tiên nó hỏi:

- Không biết con bị có con không, hả cha?

Cảm giác một cái gì, nhỏ xíu nhưng lanh lợi như con loăng quăng đang vui sướng, ngụp lặn trong nó. Đứa con gái thoáng nghĩ, có thể mình sẽ sinh con. Đứa bé đó, nhất định nó sẽ đặt tên là Thương, là Nhớ hay Dịu, Xuyến, Hường… Đứa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sẽ tươi tỉnh và vui vẻ sống đến hết đời, vì được mẹ dạy, là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn.

# MỤC LỤC

---//---

**CÁNH ĐỒNG BẤT TẬN**
**NHỮNG TRUYỆN HAY VÀ MỚI NHẤT**

Tác giả: NGUYỄN NGỌC TƯ


Chịu trách nhiệm xuất bản: TS. QUÁCH THU NGUYỆT

Biên tập: TRẦN NGỌC SINH

Bìa: BÙI NAM

Sửa bản in: AN SAN

Kỹ thuật vi tính: THU HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161B Lý Chính Thặng, Q.3 – TP.HCM
ĐT: 9.316.289 – 9.350.973 – 8.465.595 – 8.465.596
Fax: 84.8.8437450 – Email: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: http://www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Số 20 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
ĐT: (04) 7.734.544 – Fax: (04) 7.734.544
Email: vanphongnxbtre@hn.vnn.vn

In 5.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, Tại Nhà in Thanh Niên, 62 Trần Huy Liệu – Q.PN. ĐT : 8440038 – 8445308. Số xuất bản: 58-2005/CXB/60-238/ĐKKH/Tre. Quyết định xuất bản số: 32A/QĐ-Tre, ngày 22 tháng 11 năm 2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2005.

# Table of Contents